

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**
50 Hùng Vương, Phường 9, TP Đà
Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
MSDN:5800000174

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ

Đà Lạt, ngày 27 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
KẾT HỢP ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA NHIỆM KỲ I (2018 - 4/2023)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 kết hợp đánh giá hoạt động của nhiệm kỳ I (2018-4/2023) Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng ngày 27/5/2023.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 kết hợp đánh giá hoạt động của nhiệm kỳ I (2018-4/2023) Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (“ĐHĐCĐ”) tổ chức vào lúc 7g30 ngày 27 tháng 5 năm 2023 tại Văn phòng Công ty số 50 đường Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Tính đến 7g45 tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền là 35 cổ đông, đại diện sở hữu cho 77.854.200 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 98,8% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Phê chuẩn các nội dung được Hội đồng quản trị (“HDQT”) trình ĐHĐCĐ 2023 như sau:

1. Tờ trình số 1: Thông qua Báo cáo tài chính 2022 đã kiểm toán (chi tiết xem Báo cáo tài chính 2022 đính kèm).

2. Tờ trình số 2: Báo cáo của HDQT về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của HDQT, từng thành viên HDQT năm 2022- Kế hoạch hoạt động năm 2023 (xem báo cáo đính kèm) và Báo cáo của HDQT về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của HDQT, từng thành viên HDQT nhiệm kỳ I (2018-2023) - Chiến lược phát triển và kế hoạch SXKD giai đoạn 2023-2028 (xem báo cáo đính kèm).

3. Tờ trình số 3: Báo cáo BKS về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HDQT, Tổng giám đốc năm 2023 và nhiệm kỳ I (2018-2023) (xem báo cáo đính kèm).

4. Tờ trình số 4: Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2022 và nhiệm kỳ I (2018-2023) (xem báo cáo đính kèm).

5. Tờ trình số 5: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tiền lương, phân phối lợi nhuận và dự kiến mức cổ tức năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:



- Doanh thu tổng:	330.642.000.000 đồng
- Doanh thu sản xuất chính:	285.885.000.000 đồng
- Tổng giá trị đầu tư:	45.780.000.000 đồng
- Tỷ lệ thất thoát:	19%
- Tổng quỹ lương:	50.251.000.000 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế:	73.856.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế để phân phối:	59.084.800.000 đồng
- Cổ tức:	≥3,95% (≥395 đồng/cổ phần)

6. Tờ trình số 6: Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 (chi tiết xem tại tờ trình đính kèm).

7. Tờ trình số 7: Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022 với những chỉ tiêu chính như sau:

a) Phân phối lợi nhuận:

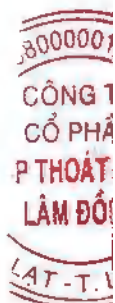
Đơn vị: đồng

Stt	Nội Dung	Số Tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm nay (LNST)	56.674.027.288
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm nay	56.674.027.288
	Trong đó:	
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (2)*10% LNST	8.501.104.093
2.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)*11,35% LNST	16.394.197.153
	+ Quỹ khen thưởng (90%)	14.754.777.437
	+ Quỹ phúc lợi (10%)	1.639.419.715
2.3	Thù lao HĐQT và thành viên BKS	1.377.600.000
2.4	Trích thưởng HĐQT và BKS	614.726.042
2.5	Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức (2)-(2.1)-(2.2)-(2.3)	29.786.400.000
3	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (%) (2.5)/VĐL	3,78%

b) Mức chi trả cổ tức, thời điểm và hình thức chia cổ tức năm 2022

- Mức cổ tức chi trả năm 2022: 3,78% vốn điều lệ
- Thời gian chi trả cổ tức: Dự kiến bắt đầu từ ngày 15 tháng 07 năm 2023.
- Thực hiện việc chia cổ tức năm 2022 bằng tiền.

8. Tờ trình số 8: Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và dự kiến thù lao HĐQT, BKS năm 2023 với những chỉ tiêu chính như sau:



Stt	Chỉ Tiêu	Số người	Năm 2022			Kế hoạch 2023	So sánh KH 2023/TH 2022
			Kế hoạch	Thực hiện	So sánh TH/KH (%)		
I.	TIỀN THỦ LAO		1 147 200 000	1 377 600 000	120.08	1 377 600 000	100%
1	Hội Đồng Quản Trị		960 000 000	1 152 000 000	120.00	1 152 000 000	100%
	+ Chủ tịch	1	364 800 000	480 000 000	131.58	480 000 000	100%
	+ Thành viên	4	595 200 000	672 000 000	112.90	672 000 000	100%
2	Kiểm soát viên	2	187 200 000	225 600 000	120.51	225 600 000	100%
II.	TIỀN LƯƠNG		303 600 000	480 000 000	158.10	480 000 000	100%
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	303 600 000	480 000 000	158.10	480 000 000	100%
	Tổng (I)+(II)		1 450 800 000	1 857 600 000	128.04	1 857 600 000	100%

9. Tờ trình số 9 bổ sung ngành nghề: Thống nhất cho bổ sung ngành nghề: Thử nghiệm Hóa, Thử nghiệm Sinh học. Giao cho Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II triển khai bổ sung trong Quý 3 năm 2023.

10. Sửa đổi Điều lệ: Thống nhất sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 20 và Khoản 1 Điều 22 (xem Bảng liệt kê chi tiết điều chỉnh đính kèm).

Điều 2. ĐHĐCĐ thống nhất miễn nhiệm HĐQT, BKS Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ I (2018-2023) do hết nhiệm kỳ.

Điều 3. ĐHĐCĐ thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng giai đoạn 2023-2028 như sau:

1. Thông qua kết quả bầu cử HĐQT và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II:

- 100% số cổ đông, nhóm cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết tán thành, gồm 39 cổ đông, nhóm cổ đông, sở hữu 77.863.900 cổ phần, chiếm 98,81% vốn điều lệ.

- Số cổ đông, nhóm cổ đông không đồng ý: 0 cổ đông, nhóm cổ đông, sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

2. Kết quả bầu cử:

2.1 Kết quả trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ II gồm 05 người:

STT	Họ và tên	Tỷ lệ % trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết hợp lệ
1	Phan Đình Tân	41,35%
2	Đỗ Văn Hạ	4,69%



3	Nguyễn Hùng Cường	22,61%
4	Nguyễn Văn Dũng	22,59%
5	Trần Quốc Hùng	8,75%

2.2 Kết quả bầu cử các thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II: Có 03 người trúng cử thành viên Ban kiểm soát với tỷ lệ như sau:

STT	Họ và tên	Tỷ lệ % trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết hợp lệ
1	Phạm Văn Khoa	40,49%
2	Nguyễn Thị Mỹ Vân	24%
3	Nguyễn Thy Phương	23,90%

Điều 4. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 27/5/2023.

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhất trí giao cho HĐQT nhiệm kỳ II tổ chức điều hành thành công các nội dung ghi trong Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



PHAN ĐÌNH TÂN

Đà Lạt, Ngày 27 tháng 5 năm 2023

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG - MÃ CK: LDW

Vào lúc 07 giờ 45 phút ngày 27 tháng 05 năm 2023, tại Hội trường Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, 50 Hùng Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Đại hội”) được tiến hành với nội dung chi tiết như sau:

I. Khai mạc Đại hội:

1. Phần nghi thức khai mạc gồm có: Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

Thành phần tham dự bao gồm toàn thể cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Công ty”).

2. Giới thiệu Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

TT	Họ tên	Đơn vị	Chức danh
1	Phạm Huy Lân	P. Phòng Tổ chức hành chính	Trưởng ban
2	Trần Thị Diệu Như	Phòng Tổ chức hành chính	Thành viên
3	Trần Thảo Vi	Phòng Tổ chức hành chính	Thành viên
4	Trần Thị Trinh	Phòng Kế hoạch-Kinh doanh	Thành viên
5	Nguyễn Thị Phi Bảo Châu	Phòng Kế hoạch-Kinh doanh	Thành viên

3. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội - lần thứ nhất:

Ông Phạm Huy Lân, Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự đến thời điểm 07 giờ 45 phút là 35 cổ đông, với 77.854.200 cổ phần có quyền biểu quyết đạt tỷ lệ 98,8 % vốn điều lệ. Như vậy, Đại hội đủ điều kiện để tiến hành theo quy định của pháp luật.

II. Nội Dung:

1. Thông qua Thễ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội

Sau khi nghe đọc toàn văn Thễ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội, Đại hội biểu quyết tán thành với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp
Tán thành	77.854.200	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.854.200 cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, đạt tỷ lệ 100 %, Đại hội đã tán thành Thê lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

2. Thông qua số lượng và danh sách nhân sự:

2.1 Chủ tọa đại hội

Đại hội đã thông qua số lượng và danh sách Chủ tọa đại hội và những người hỗ trợ như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT Công ty, Chủ tọa Đại hội
2	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng Ban kiểm soát Công ty
3	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
4	Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Kết quả biểu quyết

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp
Tán thành	77.854.200	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.854.200 cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã tán thành Chủ tọa đại hội và những người hỗ trợ.

2.2 Thông qua số lượng và danh sách nhân sự Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu

- Thư ký đại hội (gồm 02 người):

STT	Họ và tên	Đơn vị
1	Nguyễn Phi Hoàng	Thư ký công ty
2	Trần Thị Tuyết Ngọc	Phòng Tài chính Kế toán

- Ban Kiểm phiếu (gồm 05 người):

TT	Họ tên	Đơn vị	Chức danh
1	Nguyễn Thị Vân	Đội trưởng Đội ghi thu	Trưởng ban
2	Phạm Văn Huy	Phòng Kỹ thuật	Thành viên
3	Trần Trung Kiên	Phòng Kỹ thuật	Thành viên
4	Nguyễn Kiều Hương	Xí nghiệp Xây Lắp CTN	Thành viên
5	Tôn Nữ Lê Hoàng Vy	Phòng Kỹ thuật	Thành viên

Kết quả biểu quyết:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp
Tán thành	77.854.200	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.854.200 cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã thông qua số lượng và danh sách Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu đại hội.

3. Thông qua chương trình Đại hội

Ông **Trần Quốc Hùng** trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Chương trình Đại hội với kết quả biểu quyết như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp
Tán thành	77.854.200	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.854.200 cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, đạt tỷ lệ 100%, toàn thể Đại hội đã thông qua Chương trình Đại hội.

4. Thông qua các nội dung trình:

4.1 Trình Tờ trình 01

Người thực hiện: Ông Nguyễn Hùng Cường

Nội dung: Báo cáo tài chính 2022 đã được kiểm toán; gồm các nội dung chính như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2022 được công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế ICPA kiểm toán và có ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày vào ngày 27/02/2023, có 40 trang bao gồm: báo cáo của Ban Tổng giám đốc (từ trang 1 đến trang 2), Báo cáo kiểm toán độc lập (trang 3), bảng cân đối kế toán tổng hợp (từ trang 4 đến trang 6), báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp (trang 7), báo cáo luân chuyển tiền tệ tổng hợp (trang 8) và thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (từ trang 9 đến trang 40) Báo cáo này đã được công bố thông tin ngay sau khi được xác nhận chính thức

- Các chỉ tiêu chính đạt được trong năm 2022:

TT	Chỉ Tiêu	Số Tiền
A	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	
I	Vốn điều lệ	788.000.000.000
II	Vốn chủ sở hữu	901.369.834.794
III	Tổng tài sản	1.173.257.848.105
1	Tài sản ngắn hạn	639.976.541.359
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	34.833.300.809
	- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	550.860.000.000
	- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	47.194.299.914
	- Hàng tồn kho	7.043.556.760
	- Tài sản ngắn hạn khác	45.383.876

2	Tài sản dài hạn	533.281.306.747
	- Các khoản phải thu dài hạn	330.000.000
	- Tài sản cố định	473.630.911.617
	- Tài sản dở dang dài hạn	748.686.373
	- Đầu tư tài chính dài hạn	38.675.252.238
	- Tài sản dài hạn khác	19.896.456.519
B	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	277.558.293.179
2	Giá vốn hàng bán	212.734.277.921
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.824.015.258
4	Doanh thu hoạt động tài chính	41.909.282.468
5	Chi phí tài chính	15.257.152.308
6	Chi phí bán hàng	4.892.964.529
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.152.216.196
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	71.430.964.693
9	Thu nhập khác	745.284.892
10	Chi phí khác	1.242.089.421
11	Lợi nhuận khác	(496.804.529)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.934.160.164
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.481.938.507
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(221.805.631)
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.674.027.288

4.2 Trình Tờ trình số 02

Người thực hiện: Ông Phan Đình Tân

Nội dung: Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và Kế hoạch hoạt động của năm 2023; Báo cáo Tổng kết, đánh giá hoạt động HĐQT nhiệm kỳ I (2018 - 2023) và định hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2023 - 2028), gồm các nội dung sau:

4.2.1 Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và Kế hoạch hoạt động của năm 2023 (xem báo cáo đính kèm)

- Một số chỉ tiêu chính năm 2022 đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Doanh thu tổng	đồng	289.276.000.000	320.212.000.000	110,69
2	Doanh thu SX chính	đồng	247.169.000.000	277.558.000.000	112,29
3	Tổng giá trị đầu tư	Đồng	56.302.000.000	21.584.000.000	38,34
4	Tỷ lệ thất thoát	%	20	19,41	Giảm 0,59 %
5	Tổng quỹ lương	đồng	49.025.000.000	49.025.000.000	100
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	46.332.000.000	70.934.160.164	153,10
7	Lợi nhuận sau thuế để phân phối	đồng	37.065.600.000	56.674.027.288	152,90
8	Cổ tức		≥3,3% (≥330 đồng/cổ phần)	3,78%	100,48

- Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2023

+ Tổ chức thành công ĐHDCĐ thường niên 2023 kết hợp Tổng kết nhiệm kỳ I (2018 - 2023).

+ Tổ chức thực hiện thắng lợi Kế hoạch sản xuất-kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu cụ thể sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Ghi chú
1	Doanh thu tổng	đồng	330.642.000.000	
2	Doanh thu SX chính	đồng	285.885.000.000	
3	Tổng giá trị đầu tư	đồng	45.780.000.000	
4	Tỷ lệ thất thoát	%	19	
5	Tổng quỹ lương	đồng	50.251.000.000	Xem phụ lục 06
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	73.856.000.000	
7	Lợi nhuận sau thuế để phân phối	đồng	59.084.800.000	
8	Cổ tức	%	3,95	

+ Xây dựng trình Đại hội phê duyệt việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

+ Xây dựng trình Đại hội phê duyệt Chiến lược phát triển Công ty, Kế hoạch SXKD trung hạn giai đoạn từ 2023 đến 2028.

+ Tiếp tục thực hiện tái sắp xếp theo hướng tinh gọn phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh đa dạng hướng đến một Công ty đa ngành nghề, chuyên nghiệp; mở rộng thị trường ra ngoài tỉnh và khu vực.

+ Phát huy hiệu quả chương trình chống thất thoát, phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, rút kinh nghiệm bổ sung cho Phương án chống thất thoát giải pháp toàn diện và triệt để.

- Xây dựng phương án nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất- kinh doanh nhằm đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (“ROE”) của Công ty trong những năm tiếp theo dần tiệm cận với ROE các doanh nghiệp SXKD cùng ngành nghề niêm yết trên Thị trường chứng khoán.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Nghiên cứu, từng bước áp dụng chuyển đổi số với từng lĩnh vực hoạt động của LAWACO.

4.2.2 Báo cáo Tổng kết, đánh giá hoạt động HĐQT nhiệm kỳ I (2018 - 2023) và định hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2023 - 2028):

- Một số chỉ tiêu chính đạt được trong nhiệm kỳ I:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022
1	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	788.000	788.000	788.000	788.000	788.000
2	Doanh thu tổng	Tr.đồng	236.204	296.274	298.062	275.586	320.212
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	26.887	44.388	49.543	43.228	70.934
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	14.611	35.286	38.649	34.458	56.674
5	Lợi nhuận ròng sau thuế để chia cổ tức	Tr.đồng	6.487	19.108	20.330	26.004	29.786
6	Cổ tức	%	0,82	2,42	2,58	3,30	3,78
7	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	18.360	22.789	13.459	11.747	26.704
8	Công suất SX của Công ty	m ³	47.610	47.610	49.260	49.600	51.600
9	Sản lượng nước sạch	1000m ³	22.258	22.959	23.847	22.385	24.594

9.1	Nước tự SX	1000m ³	13.028	13.772	14.154	12.618	13.020
9.2	Nước mua	1000m ³	9.230	9.187	9.692	9.766	11.574
	+ Đan kia 2	1000m ³	9.230	9.187	9.692	9.766	10.190
	+ Tuyên Lâm	1000m ³	-	-	-	-	1.384
10	Tỷ lệ thất thoát	%	24,44	22,65	23,68	22,04	19,41
11	Nước thương phẩm	1000m ³	16.819	17.759	18.200	17.450	19.819
12	Tổng số khách hàng	K.hg	74.695	78.439	81.903	86.493	90.683
13	Phát triển khách hàng mới	K.hg	4.770	3.744	3.464	4.590	4.190

- Định hướng hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ II (2023 – 2028)

+ Xây dựng phương án nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất- kinh doanh nhằm đảm bảo tỷ lệ trả cổ tức dần tiệm cận với tỷ lệ cổ tức bình quân của các doanh nghiệp cùng ngành nghề niêm yết trên thị trường chứng khoán.

+ Nghiên cứu, từng bước áp dụng chuyển đổi số với từng lĩnh vực hoạt động của Công ty.

+ Tiếp tục thực hiện tái sắp xếp theo hướng tinh gọn phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh đa dạng

+ Mở rộng ngành nghề hoạt động, Kinh doanh vật tư ngành nước, thực hiện dịch vụ kiểm định nước,

+ Hoàn thiện phương án chống thất thoát, giảm tỷ lệ NRW (thất thoát thất thu nước) tỷ lệ thất thoát giảm hàng năm là 1% đến năm 2028 tỷ lệ là 15%.

+ Bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao.

+ LAWACO có nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc tiếp tục quản lý và tổ chức hoạt động Xí nghiệp quản lý nước thải theo đơn đặt hàng của UBND thành phố Đà Lạt cho đến khi Nhà nước có phương án khác

+ Sử dụng hợp lý nguồn vốn hiện có, phân kỳ đầu tư hợp lý với mục tiêu chính là đảm bảo cung cấp nước đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương, giá nước phù hợp bảo đảm khả năng chi trả của người dân và kế hoạch trả nợ các dự án ODA, bảo đảm có lãi cho Công ty.

+ Một số chỉ tiêu chính phần đầu thực hiện trong giai đoạn 2023-2028

TT	Chỉ tiêu	2023	2024	2025	2026	2027	2028
1	Nước sản xuất (1.000 m ³)	25.204	27.125	27.414	27.738	28.091	28.482
2	Tỷ lệ thất thoát (%)	19,00	18,00	17,00	16,30	15,60	15,00
3	Chi phí đầu tư	31.438	22.458	46.458	25.058	34.418	21.458
4	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	11,379	11,664	11,955	12,254	12,561	12,875
5	Tổng doanh thu (triệu đồng)	330.642	356.555	369.899	381.862	395.801	410.766
6	Doanh thu hoạt động SXKD	285.885	310.251	322.221	333.007	345.977	359.462
7	Doanh thu h/đ tài chính	44.004	45.545	46.911	48.084	49.045	50.517
8	Tổng lợi nhuận trước thuế	73.856	77.059	78.888	80.547	82.098	84.245
9	Tổng lợi nhuận sau thuế	59.085	61.647	63.110	64.438	65.678	67.396

TT	Chỉ tiêu	2023	2024	2025	2026	2027	2028
10	Cổ tức	3,95	4,30	4,40	4,50	4,58	4,70

(Chi tiết xem phụ lục 05)

- + Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- + Phân cấp thẩm quyền cụ thể trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản nhằm thực hiện đúng, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ LAWACO.
- + Đầu tư trang thiết bị nhằm đổi mới, cải thiện công nghệ, tăng năng suất, giảm lao động.

4.3 Trình tờ trình số 3 và 4

Người thực hiện: Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân

Nội dung: Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2022 và nhiệm kỳ I (2018-2023); một số nội dung chính như sau:

4.3.1 Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2022

- Các hoạt động của BKS năm 2022:
 - + Xây dựng chương trình hoạt động kiểm tra; Thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho các Kiểm soát viên.
 - + Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT.
 - + Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCD thường niên năm 2022 và các Nghị quyết của HĐQT.
 - + Giám sát việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành.
 - + Giám sát hoạt động, đưa ra các ý kiến về Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022. Hàng quý thực hiện soát xét số liệu kế toán, tiền lương, thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và báo cáo quản trị Công ty.
 - + Giám sát việc ban hành và thực hiện các quy chế nội bộ Công ty đã ban hành..
- Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2023:
 - + Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCD và các Nghị quyết của HĐQT.
 - + Giám sát sự tuân thủ Điều lệ, các Quy chế và các quy định pháp luật hiện hành.
 - + Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm.
 - + Kiểm soát quản lý thu, chi, và các hoạt động thường xuyên của Công ty.
 - + Đánh giá các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - + Đánh giá việc thực hiện phân phối tiền lương, các chế độ khác liên quan đến người lao động.
 - + Rà soát quy trình, định mức liên quan đến các hoạt động đối với khách hàng
 - + Kiểm tra việc công bố thông tin của Lawaco.
 - + Kiểm soát các vấn đề khác có liên quan đến nhiệm vụ của BKS.
 - + Theo dõi việc tổ chức thực hiện những kiến nghị của BKS đã đưa ra.

4.3.2 Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS nhiệm kỳ I (2018-2023).

- Các công việc của BKS nhiệm kỳ I tham gia như sau:
 - + Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT Công ty;

- + Kiểm soát công tác tài chính kế toán, báo cáo tài chính năm và bán niên của Công ty;
- + Thẩm tra định kỳ báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm của Công ty
- + Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư vào các Công ty liên kết của Công ty.
- + Tham gia ý kiến xây dựng quy chế quản lý, nội bộ của Công ty; Giám sát việc tuân thủ Quy chế, quy định nội bộ, Nghị quyết ĐHĐCĐ; Việc chấp hành Điều lệ Công ty.
- + Phối hợp với các phòng ban chức năng thực hiện kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đánh giá của BKS đối với hoạt động HĐQT trong nhiệm kỳ I
 - + Công tác quản trị được thực hiện theo đúng Pháp luật, các quy định đối với hoạt động của công ty niêm yết, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
 - + Hoạt động quản trị đảm bảo tính công khai, minh bạch ;
 - + HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định. Các cuộc họp đều có nội dung cụ thể, được ghi biên bản và ban hành Nghị quyết.
 - + Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã trình ĐHĐCĐ sửa đổi kịp thời Điều lệ, một số quy chế hoạt động của Công ty, văn bản, nghị quyết, quyết định tạo cơ sở cho việc quản trị có hệ thống, tập trung và thống nhất.
- Đánh giá của BKS đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT của Tổng Giám đốc (“TGD”):
 - + TGD đã thực hiện nhiều giải pháp tăng cường chống thất thoát giúp tỷ lệ thất thoát có xu hướng giảm, đạt hiệu quả cao. Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính
 - + Chủ động triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, với cổ đông và người lao động.
 - + Tổ chức hội nghị tổng kết hàng năm ;
 - + Tập trung giải quyết các mặt tồn tại, hạn chế của Công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2018 - 2023: Công ty đã bám sát mục tiêu kế hoạch kinh doanh hàng năm mà ĐHĐCĐ đã đề ra, tập trung triển khai các giải pháp để nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm thiểu chi phí, tối đa hoá lợi nhuận. Một số chỉ tiêu chính đạt được như sau:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	06 tháng cuối 2018	2019	2020	2021	2022
1. Doanh thu	128 066	296 274	298 062	275 586	320 212
Trong đó:					
- Nước sạch	95 410	221 321	220 469	208 323	248 625
- Xây dựng cơ bản	4 967	13 793	13 717	9 080	9 925
- Xử lý nước thải	9 415	17 752	16 325	14 467	17 829
- Khác	127	805	710	2 032	1 179
- Hoạt động tài chính	17 595	41 057	43 234	41 346	41 909

- Thu nhập khác	552	1 546	3 607	338	745
2. Lợi nhuận trước thuế	14 833	44 388	49 543	43 228	70 934
Trong đó:					
- Nước sạch	-4 297	3 115	2 989	-357	26 107
- Xây dựng cơ bản	-455	-527	3 075	1 374	1 663
- Xử lý nước thải	1 426	849	1 866	1 334	1 435
- Khác	139	212	252	579	317
- Hoạt động tài chính	17 595	41 057	43 234	41 346	41 909
- Hoạt động khác	425	-318	-1 873	-1 048	-497

4.4 Trình Tờ trình số 05

Người thực hiện: Ông Nguyễn Hùng Cường

Nội dung: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tiền lương, phân phối lợi nhuận và dự kiến mức cổ tức năm 2023; gồm các chỉ tiêu chính sau:

- Doanh thu tổng:	330.642.000.000 đồng
- Doanh thu sản xuất chính:	285.885.000.000 đồng
- Tổng giá trị đầu tư:	45.780.000.000 đồng
- Tỷ lệ thất thoát:	19%
- Tổng quỹ lương:	50.251.000.000 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế:	73.856.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế để phân phối:	59.084.800.000 đồng
- Cổ tức:	≥3,95% (≥395 đồng/cổ phần)

(Chi tiết được đính kèm tại phụ lục số:01/PL-ĐHĐCĐ-2023; phụ lục số:02/PL-ĐHĐCĐ-2023).

4.5 Trình Tờ trình số 06

Người thực hiện: Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân

Nội dung: Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023

Giới thiệu danh sách Công ty Kiểm toán và Kiểm toán viên được chấp thuận cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023, gồm 03 công ty sau:

a. Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC. Địa chỉ: Số 01, Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội.

b. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế. Địa chỉ: Tầng 15 Tòa Nhà Center Building – Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội.

c. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Địa chỉ: Số 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh

4.6 Trình Tờ trình số 07

Người thực hiện: Ông Nguyễn Văn Dũng

Nội dung: Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022 và dự kiến cho năm 2023; một số nội dung chính như sau:

- 4.6.1 Phân phối lợi nhuận:

Đvt: đồng

Stt	Nội Dung	Số Tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm nay (LNST)	56.674.027.288
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm nay	56.674.027.288
3	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (%)	3,78

- 4.6.2 Đề xuất mức chi trả cổ tức, thời điểm và hình thức chia cổ tức năm 2022

+ Đề xuất mức cổ tức chi trả năm 2022: 3,78% vốn điều lệ

+ Thời gian chi trả cổ tức: từ ngày 15 tháng 07 năm 2023.

+ Thực hiện việc chia cổ tức năm 2022 bằng tiền.

- 4.6.3 Dự kiến mức chi trả cổ tức và hình thức chia cổ tức năm 2023

+ Tổng lợi nhuận trước thuế: 73.856.000.000 đồng

+ Lợi nhuận trước thuế của hoạt động SXKD chính: 26.368.000.000 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế để phân phối: 59.084.800.000 đồng

+ Cổ tức: 3,95% (395 đồng/cổ phần)

4.7 Trình Tờ trình số 08.

Người thực hiện: Ông Trần Quốc Hùng

Nội dung: Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và dự kiến thù lao HĐQT, BKS năm 2023.

Một số chỉ tiêu chính:

đvt: đồng

Stt	Chi Tiêu	Số người	Năm 2022			Kế hoạch 2023	So sánh KH 2023/TH 2022
			Kế hoạch	Thực hiện	So sánh TH/KH (%)		
I.	TIỀN THÙ LAO		1 147 200 000	1 377 600 000	120.08	1 377 600 000	100.00
1	Hội Đồng Quản Trị		960 000 000	1 152 000 000	120.00	1 152 000 000	100.00
	- Chủ tịch	1	364 800 000	480 000 000	131.58	480 000 000	100.00
	- Thành viên	4	595 200 000	672 000 000	112.90	672 000 000	100.00
2	Kiểm soát viên	2	187 200 000	225 600 000	120.51	225 600 000	100.00
II.	TIỀN LƯƠNG Trưởng Ban kiểm soát	1	303 600 000	480 000 000	158.10	480 000 000	100.00
	Tổng (I)+(II)		1 450 800 000	1 857 600 000	128.04	1 857 600 000	100.00

4.8 Trình Tờ trình số 09 về việc “bổ sung ngành nghề”

Người thực hiện: Ông Nguyễn Hùng Cường

Nội dung: xem xét và thông qua việc bổ sung ngành nghề “Thử nghiệm Hóa, Thử nghiệm sinh” cho Công ty.

4.9 Trình Tờ trình số 10

Người thực hiện: Ông Nguyễn Văn Dũng

Nội dung “sửa đổi Điều lệ tại Điều 20, và Điều 22 Điều lệ của Công ty” (xem Phụ lục 04 đính kèm).

4.10 Trình Tờ trình số 11

Người thực hiện: Ông: Phan Đình Tân

Nội dung: Miễn nhiệm HĐQT và BKS nhiệm kỳ I và Danh sách ứng, đề cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ II (xem tờ trình đính kèm)

- Danh sách miễn nhiệm:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Phan Đình Tân	Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I
2	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I
3	Dương Tiến Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I
4	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I
5	Trần Quốc Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I
6	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ I
7	Vy Thị Bé	Kiểm soát viên nhiệm kỳ I
8	Trần Văn Thuận	Kiểm soát viên nhiệm kỳ I

Kết quả biểu quyết:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp
Tán thành	77.854.200	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.854.200 cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã thông qua danh sách HĐQT và KSV nhiệm kỳ I được miễn nhiệm.

- Danh sách ứng cử, đề cử bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh
1	Nguyễn Hùng Cường	Nam	1966
2	Nguyễn Văn Dũng	Nam	1968
3	Đỗ Văn Hạ	Nam	1986
4	Trần Quốc Hùng	Nam	1972
5	Phan Đình Tân	Nam	1954

Kết quả biểu quyết:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp
Tán thành	77.854.200	100%

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

- Với 77.854.200 cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã thông qua Danh sách ứng cử, đề cử bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II.

- Danh sách ứng cử, đề cử bầu Kiểm soát viên nhiệm kỳ II

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh
1	Phạm Văn Khoa	Nam	1975
2	Nguyễn Thy Phương	Nữ	1989
3	Trần Văn Thuận	Nam	1987
4	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Nữ	1981

Kết quả biểu quyết:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp
Tán thành	77.854.200	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

- Với 77.854.200 cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã thông qua Danh sách ứng cử, đề cử bầu Kiểm soát viên nhiệm kỳ II

III. CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. Thông qua Quy chế bầu thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ II (2023-2028) Công ty tại Đại hội thường niên 2023 Công ty.

Người thực hiện: Bà Nguyễn Thị Vân

Nội dung: Quy chế có 05 phần chính gồm: chi tiết phiếu bầu, Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu, nguyên tắc trúng cử, việc lập và công bố Biên bản kiểm phiếu, giải quyết khiếu nại về việc bầu.

Kết quả biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp
Tán thành	77.854.200	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với số lượng phiếu biểu quyết đồng ý là : 77.854.200 phiếu, chiếm tỷ lệ: 100%, Đại hội đã thống nhất thông qua Quy chế bầu thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ II (2023-2028) Công ty.

Bà Nguyễn Thị Vân tiếp tục giới thiệu và hướng dẫn sử dụng Phiếu bầu cử.

2. Thẩm tra tư cách cổ đông lần 2 để tiến hành bầu thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ II (2023-2028) Công ty Đại hội thường niên 2023 Công ty.

Thực hiện: Ban Thẩm tra tư cách cổ đông

Kết quả thẩm tra:

- Thời điểm thẩm tra: 09g 50

- Số cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm là: 39 cổ đông; Đại diện cho quyền sở hữu: 77.863.900 cổ phần bằng: 98,81% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

Trong đó:

+ Tham dự trực tiếp: 33 cổ đông; Đại diện cho quyền sở hữu 137.300 cổ phần bằng 0,17 % số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

+ Tham dự thông qua uỷ quyền: 06 cổ đông; Đại diện cho quyền sở hữu 77.726.600 cổ phần bằng 98,64 % số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội Thường niên 2023 thì với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tham gia bầu thành viên HĐQT và kiểm soát viên nhiệm kỳ II Công ty.

3. Bầu HĐQT và KSV Nhiệm kỳ II: các cổ đông/dại biểu đã tiến hành bầu bằng phiếu kín, theo nguyên tắc dồn phiếu.

3.1 Kết quả kiểm phiếu sơ bộ:

a) Bầu HĐQT:

- Phiếu phát ra: 40 Phiếu

- Phiếu thu vào: 40 phiếu

+ Phiếu hợp lệ: 40 phiếu

+ Phiếu không hợp lệ: 0 phiếu

b) Bầu KSV:

- Phiếu phát ra: 40 Phiếu

- Phiếu thu vào: 40 phiếu

+ Phiếu hợp lệ: 40 phiếu

+ Phiếu không hợp lệ: 0 phiếu

4. Thảo luận và các ý kiến giải trình: không có ý kiến nào

5. Công bố kết quả bầu thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ II (2023-2028) Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Thực hiện: Ban kiểm phiếu

Căn cứ vào biên bản kiểm phiếu của Ban Kiểm phiếu, xác định kết quả bầu cử như sau:

5.1 Hội đồng quản trị: Danh sách người trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (sắp xếp theo tỷ lệ từ cao xuống thấp)

TT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ đạt/Tổng số phiếu biểu quyết
1	Phan Đình Tân	160.998.680	41,35%
2	Nguyễn Hùng Cường	88.031.411	22,61%

3	Nguyễn Văn Dũng	87.931.709	22,59%
4	Đỗ Văn Hạ	18.257.400	4,69%
5	Trần Quốc Hùng	34.063.900	8,75%

(đính kèm biên bản kiểm phiếu)

5.1 Kiểm soát viên: Danh sách người trúng cử Kiểm soát viên nhiệm kỳ II (sắp xếp theo tỷ lệ từ cao xuống thấp)

TT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ đạt/Tổng số phiếu biểu quyết
1	Phạm Văn Khoa	94.583.647	40,49%
2	Nguyễn Thị Mỹ Vân	56.059.100	24%
3	Nguyễn Thy Phương	55.831.801	23,90%
4	Trần Văn Thuận	27.057.775	11,58%

(đính kèm biên bản kiểm phiếu)

Với số phiếu biểu quyết là: 27.057.775 phiếu có tỷ lệ đạt/Tổng số phiếu biểu quyết là: 11,58% Ông Trần Văn Thuận không trúng cử vào chức danh Kiểm soát viên nhiệm kỳ II Công ty.

6. Nghỉ giải lao: Trong thời gian nghỉ giải lao HĐQT, KSV nhiệm kỳ II đã tổ chức họp phiên thứ nhất của nhiệm kỳ

7. Ra mắt HĐQT và BKS nhiệm kỳ II: Sau phiên họp thứ nhất của nhiệm kỳ, HĐQT và BKS đã ra mắt và thông báo việc phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

7.1 Hội đồng quản trị: đã bầu Ông Phan Đình Tân làm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II, các thành viên khác đã được phân công cụ thể (xem bảng phân công nhiệm vụ đính kèm).

7.2 Ban kiểm soát: đã bầu Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân làm Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II.

Ông Phan Đình Tân thay mặt HĐQT và BKS nhiệm kỳ II phát biểu nhận nhiệm vụ.

8. Trình các nội dung các vấn đề cần biểu quyết bằng phiếu biểu quyết tại Đại hội: Ông Phan Đình Tân trình nội dung 10 vấn đề cần được Đại hội biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết gồm:

8.1 Thông qua Báo cáo tài chính 2022 đã được kiểm toán (tờ trình số 01)

8.2 Thông qua Báo cáo báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT năm 2022- Kế hoạch hoạt động năm 2023 và Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT nhiệm kỳ I (2018-2023) – Định hướng phát triển và kế hoạch SXKD giai đoạn 2023-2028 (Tờ trình số 02)

8.3 Thông qua Báo cáo BKS về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc năm 2023 và nhiệm kỳ I (2018-2023) (Tờ trình số 03)

8.4 Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2022 và nhiệm kỳ I (2018-2023) (Tờ trình số 4)

8.5 Thông qua Báo cáo Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tiền lương, phân phối lợi nhuận và dự kiến mức cổ tức năm 2023 (Tờ trình số 5)

8.6 Thông qua Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 (Tờ trình số 06)

8.7 Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022 (Tờ trình số 07)

8.8 Thông qua Báo cáo quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và dự kiến thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 (Tờ trình số 08)

8.9 Thông qua việc bổ sung ngành nghề thử nghiệm Hóa lý, thử nghiệm Sinh học (Tờ trình số 9)

8.10 Thông qua việc sửa đổi Điều 20 và Điều 22, Điều lệ của Công ty (Tờ trình số 10)

Kết quả biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết thông qua nội dung các vấn đề cần biểu quyết bằng phiếu biểu quyết như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp
Tán thành	77.863.900	98,81%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với số lượng phiếu biểu quyết tán thành là : 77.863.900 phiếu, chiếm tỷ lệ:100% Đại hội đã thông nhất tán thành 10 nội dung cần biểu quyết bằng phiếu biểu quyết nêu trên

9. Kết quả biểu quyết các nội dung (Thu hồi Phiếu biểu quyết các tờ trình)

Cổ đông có mặt tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết là: 36 cổ đông, có 77.850.300 cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ biên bản kiểm phiếu biểu quyết của ban kiểm phiếu, kết quả như sau:

Tờ trình	Loại phiếu	Số cổ phần	Tỷ lệ
Số 1	Tán thành	77.847.600	99,9999%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	0	0
	Không hợp lệ	2.700	0,0001
Số 2	Tán thành	77.850.300	100%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	0	0
	Không hợp lệ	0	0
Số 3	Tán thành	77.850.300	100%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	0	0
	Không hợp lệ	0	0
Số 4	Tán thành	77.850.300	100%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	0	0
	Không hợp lệ	0	0
Số 5	Tán thành	77.850.300	100%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	0	0
	Không hợp lệ	0	0
	Tán thành	77.850.300	100%

	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	0	0
	Không hợp lệ	0	0
Số 7	Tán thành	77.850.300	100%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	0	0
	Không hợp lệ	0	0
Số 8	Tán thành	77.850.300	100%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	0	0
	Không hợp lệ	0	0
Số 9	Tán thành	77.850.300	100%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	0	0
	Không hợp lệ	0	0
Số 10	Tán thành	77.850.300	100%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	0	0
	Không hợp lệ	0	0

Với kết quả như trên thì tất cả nội dung các vấn đề trình đã được Đại hội thông qua

10. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội:

Nghị quyết Đại hội đã được Đại hội thông qua bằng Thẻ biểu quyết với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp
Tán thành	77.812.100	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với số Thẻ biểu quyết đồng ý là : 36 thẻ, có 77.850.300 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm tỷ lệ 98,79% quyền biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp.

Đại hội đã thống nhất thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Biên bản này được lập lúc 11g55 ngày 27 tháng 05 năm 2023 được đọc và được cổ đông tán thành với số Thẻ biểu quyết là : 36 thẻ, có 77.850.300 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm tỷ lệ 100% quyền biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp.

Đại hội kết thúc lúc 11 giờ 55 phút cùng ngày./.

Thư ký Đại hội



Nguyễn Phi Hoàng



Trần Thị Tuyết Ngọc



Phan Đình Tân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

50 Hùng Vương, Phường 9,
thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
MSDN: 5800000174
ĐT: 02633 834304; Fax: 02633 824 050
Website: lawaco.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 01/2023/BC-ĐHĐCĐ

Thành phố Đà Lạt, ngày 27 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022
và Kế hoạch hoạt động của năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

Tình hình kinh tế - xã hội nước ta năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ.

Trong nước, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế Chính phủ đã chỉ đạo kịp thời ban hành các chính sách tiền tệ, tài khóa và các giải pháp vĩ mô phù hợp nhờ đó, nền kinh tế nước ta phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát; môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện góp phần tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Trước những khó khăn và thuận lợi nêu trên, Hội đồng quản trị ("HĐQT") cùng Ban Điều hành ("BDH") và toàn thể người lao động Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng đã không ngừng cố gắng, phấn đấu để thực hiện các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên 2022 giao, cụ thể như sau:

A. Đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2022:

I. Hoạt động của ĐHĐCĐ thường niên 2022: Ngày 28/4/2022 ĐHĐCĐ thường niên 2022 đã diễn ra thành công. Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền là 22 cổ đông, đại diện sở hữu cho 77.801.700 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 98,74% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng ("LAWACO"). ĐHĐCĐ thường niên 2022 đã biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Miễn nhiệm chức danh Kiểm soát viên LAWACO đối với Bà Trần Thị Thủy theo đơn đề nghị vì lý do cá nhân.

2. Bầu Bà Vy Thị Bé làm Kiểm soát viên LAWACO thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023.

3. Thông qua 08 tờ trình của HĐQT về các vấn đề sau:

- Tờ trình số 1: Thông qua Báo cáo tài chính 2021 đã kiểm toán.

- Tờ trình số 2: Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022.

- Tờ trình số 3: Báo cáo BKS về kết quả kinh doanh của LAWACO, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc.

- Tờ trình số 4: Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2021.

- Tờ trình số 5: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tiền lương, phân phối lợi nhuận và dự kiến mức cổ tức năm 2022.

- Tờ trình số 6: Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.
- Tờ trình số 7: Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021.
- Tờ trình số 8: Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và dự kiến thù lao HĐQT, BKS năm 2022.

ĐHĐCĐ thường niên 2022 cũng đã ủy quyền cho HĐQT ban hành Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ vào ngày 28/4/2022 và Nghị quyết đã được triển khai thực hiện ngay sau đó.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2022:

1. Thành phần HĐQT: HĐQT có 05 thành viên (có 02 thành viên điều hành) được phân công phụ trách từng lĩnh vực quản trị của Công ty.

2. Đánh giá chung: Tháng 4/2022 thực hiện quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của LAWACO (“Điều lệ”), HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; Trong năm 2022 HĐQT đã tổ chức được 07 phiên họp trong đó có 04 phiên thường kỳ và 3 phiên khác; đã ban hành 07 Nghị quyết và 01 Quyết định nhằm định hướng, chỉ đạo kịp thời các hoạt động của LAWACO. Các Nghị quyết, Quyết định được HĐQT thống nhất cao là những định hướng quan trọng giúp BDH tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh của LAWACO đạt kết quả tốt. HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2022; tạo điều kiện thuận lợi để BDH chủ động trong công tác điều hành hoạt động Sản xuất-kinh doanh song vẫn đảm bảo sự quản lý của HĐQT.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT năm 2022:

Trong năm 2022, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp do HĐQT tổ chức và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của LAWACO.

- Các thành viên HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công, quyết định các định hướng lớn của LAWACO, kịp thời chỉ đạo việc hoàn thiện công tác quản trị theo hướng hiệu quả, quản lý chặt chẽ về chi phí, tài chính, hạn chế thấp nhất các rủi ro về pháp lý, về tài chính trong quá trình hoạt động sản xuất-kinh doanh LAWACO, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của LAWACO và các cổ đông.

Các Nghị quyết của HĐQT đều được triển khai kịp thời đến từng bộ phận sản xuất-kinh doanh, người lao động; kết quả thực hiện đều được phản ánh thường xuyên bằng văn bản hàng tháng, quý năm và từng chuyên đề.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chung đối với các hoạt động của HĐQT, tùy theo lĩnh vực được phân công các thành viên HĐQT và người được HĐQT ủy quyền đã tham dự đủ các buổi họp chuyên môn của BDH tổ chức, các ý kiến phát biểu đều được hội ý thống nhất trong HĐQT để tham gia đóng góp chỉ đạo, xây dựng kịp thời mang tính hiệu quả cao.

III. Mối quan hệ công tác:

- Các thành viên HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ, thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công; thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính đã chủ động phối hợp xử lý dứt điểm từng vấn đề, vụ việc, hạn chế tồn đọng kéo dài.

- HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định để BDH triển khai và bộ máy thực hiện; HĐQT kiểm tra, giám sát thường xuyên việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó.

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS, đảm bảo tính độc lập hoạt động của BKS. HĐQT chủ động mời họp và gửi tài liệu tham khảo cho BKS trước các phiên họp theo quy định như đối với thành viên HĐQT. Tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của BKS trong quá trình họp cũng như báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm soát của BKS.

IV. Công tác giám sát đối với hoạt động của TGD và BDH: Việc giám sát hoạt động của TGD và các thành viên BDH đã được HĐQT thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ, Quy chế của LAWACO và quy định của pháp luật:

- Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT kiêm nhiệm thành viên BDH, những người được ủy quyền đã tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng, quý, năm để nắm bắt tình hình và có chỉ đạo kịp thời nhằm đạt các mục tiêu sản xuất-kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt;

- Các đề xuất của BDH trình HĐQT đều được HĐQT thảo luận tại các cuộc họp HĐQT, sau khi HĐQT đã quyết nghị đều được chuyển cho BDH sớm nhất để tổ chức thực hiện; trong quá trình triển khai thực hiện BDH đã thường xuyên kịp thời báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện bằng văn bản cho HĐQT.

- HĐQT đã theo dõi sát sao tình hình hoạt động sản xuất-kinh doanh nhất là hoạt động tài chính của LAWACO qua các báo cáo định kỳ của TGD. HĐQT giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu kế hoạch tháng, quý, năm thông qua các kênh báo cáo chính thức của BDH.

- HĐQT đã tích cực phối hợp thông qua công tác kiểm tra giám sát của BKS giúp HĐQT theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động của LAWACO để có thể đề ra các quyết sách kịp thời, đảm bảo duy trì và tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động sản xuất-kinh doanh của LAWACO.

- Nhìn chung, BDH đã có nhiều cố gắng, nỗ lực và sáng tạo trong công tác quản lý điều hành và đã đạt kết quả rất tốt trong năm 2022.

V. Thù lao, chi phí của HĐQT: Việc chi trả thù lao của HĐQT được thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2022 và các quy định nội bộ của LAWACO, cụ thể như sau:

- Thù lao: tạm ứng tương đương % so với Kế hoạch
- Chi phí: trong năm HĐQT không sử dụng chi phí của LAWACO.

VI. Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2022

1. Thực hiện Kế hoạch sản xuất- kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tiền lương, phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2022 (Tờ trình số 05):

1.1 Thực hiện Kế hoạch: đã đạt được các chỉ tiêu chính như sau

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Doanh thu tổng	đồng	289.276.000.000	320.212.000.000	110,69
2	Doanh thu SX chính	đồng	247.169.000.000	277.558.000.000	112,29
3	Tổng giá trị đầu tư	Đồng	56.302.000.000	21.584.000.000	38,34
4	Tỷ lệ thất thoát	%	20	19,41	Giảm 0,59 %
5	Tổng quỹ lương	đồng	49.025.000.000	49.025.000.000	100
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	46.332.000.000	70.934.160.164	153,10
7	Lợi nhuận sau thuế để phân phối	đồng	37.065.600.000	56.674.027.288	152,90
8	Cổ tức		≥3,3% (≥330 đồng/cổ phần)	3,78%	100,48

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng công tác đầu tư chưa đạt kế hoạch do:

- Cơ chế cấp phép đào đường thi công công trình còn khá bất cập nên nhiều công trình chậm được triển khai, có một số công trình gần 2 năm vẫn chưa được cấp phép.

- Trong năm, thành phố Đà Lạt triển khai đồng loạt công tác nâng cấp, mở rộng nhiều tuyến đường, hệ thống cấp, thoát nước phải sửa chữa, di dời vì vậy thiếu nhân lực thực hiện;

- Do thực hiện đấu thầu công khai qua mạng nên thời gian lập và hoàn thiện hồ sơ đấu thầu, quy trình đấu thầu của Hệ thống đấu thầu quốc gia kéo dài vì vậy một số một số công trình triển khai chậm tiến độ phải chuyển tiếp năm 2023.

2. Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 (Tờ trình số 6): HĐQT đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế. Địa chỉ: Tầng 15 Tòa Nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội.

Báo cáo kiểm toán 2022 đã được Công ty kiểm toán thực hiện đúng thời gian quy định, báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của LAWACO tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình luân chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021 (Tờ trình số 7):

a) Phân phối lợi nhuận: đã thực hiện theo nội dung trình đã được ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua như sau:

Quỹ đầu tư phát triển: 3.445.839.074 đồng

Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 3.910.951.663 đồng

Thù lao HĐQT và thành viên BKS: 1.097.600.000 đồng

Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức: 26.004.000.000 đồng

b) Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2022, đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, mức cổ tức chi trả là: 3,3% vốn điều lệ (330 đồng/01 cổ phần) và hoàn thành trong tháng 6/2022.

VII. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BDH:

1. Về phân công công tác trong BDH: Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, trong năm 2022, TGD đã chủ động phân công và giao nhiệm vụ cho các thành viên BDH phụ trách từng lĩnh vực cụ thể. Ngoài vai trò điều hành chung, TGD đã xây dựng cơ chế làm việc tập thể, tạo điều kiện cho mỗi thành viên trong BDH phát huy cao nhất chuyên môn, năng lực, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, đóng góp vào việc nâng cao năng suất công việc.

2. Về hoạt động điều hành của TGD:

- TGD đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của LAWACO tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật, Điều lệ LAWACO. BDH đã tổ chức thực hiện, triển khai đầy đủ, kịp thời các và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- TGD thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo. Trên cơ sở này, HĐQT có điều kiện giám sát chặt chẽ TGD và các nhân sự quản lý điều hành khác về kết quả hoạt động LAWACO.

- Nhìn chung, tập thể Ban điều hành LAWACO đã tích cực, chủ động thực hiện, giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao; thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành LAWACO, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của HĐQT; giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động LAWACO một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật; chủ động tổ chức các phương án sản xuất-kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở chỉ đạo của HĐQT.

B. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

1. Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2023 kết hợp Tổng kết nhiệm kỳ I (2018 - 2023) và định hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2023-2028).

2. Tổ chức thực hiện thắng lợi Kế hoạch sản xuất-kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Ghi chú
1	Doanh thu tổng	đồng	330.642.000.000	
2	Doanh thu SX chính	đồng	285.885.000.000	
3	Tổng giá trị đầu tư	đồng	45.780.000.000	
4	Tỷ lệ thất thoát	%	19	
5	Tổng quỹ lương	đồng	50.251.000.000	Xem phụ lục 06
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	73.856.000.000	
7	Lợi nhuận sau thuế để phân phối	đồng		
8	Cổ tức	%		

3. Xây dựng trình ĐHĐCĐ thường niên 2023 phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động LAWACO.

4. Xây dựng trình ĐHĐCĐ thường niên 2023 phê duyệt Chiến lược phát triển LAWACO, Kế hoạch SXKD trung hạn giai đoạn từ 2023 đến 2028.

5. Tiếp tục thực hiện tái sắp xếp theo hướng tinh gọn phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh đa dạng hướng đến một Công ty đa ngành nghề, chuyên nghiệp; mở rộng thị trường ra ngoài tỉnh và khu vực.

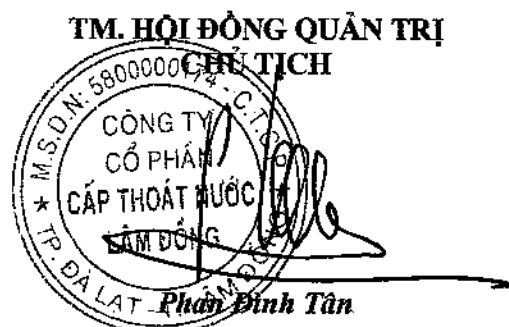
6. Phát huy hiệu quả chương trình chống thất thoát và tổ chức sơ kết chương trình chống thất thoát qua đó phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, rút kinh nghiệm bổ sung cho Phương án chống thất thoát giải pháp toàn diện, triệt để hơn để đạt được hiệu quả chống thất thoát như chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng.

7. Xây dựng phương án nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất-kinh doanh nhằm đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ("ROE") của LAWACO trong những năm tiếp theo đặc biệt chú ý đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và triệt để ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành.

8. Nghiên cứu, từng bước áp dụng chuyển đổi số với từng lĩnh vực hoạt động của LAWACO, trước mắt cần xây dựng lộ trình chuyển đổi hợp lý để thay đổi nhận thức, tư duy quản lý công việc và văn hóa tổ chức, cung cấp những thông tin, dữ liệu một cách nhanh chóng, giảm thiểu tối đa chi phí vận hành, duy trì được yếu tố lợi thế cạnh tranh của LAWACO.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ 2023;
- HĐQT, BKS;
- Đăng website;
- Lưu: VT, Thư ký CTy.



Thành phố Đà Lạt, ngày 27 tháng 05 năm 2023

Số: 02/2023/BC-ĐHĐCĐ

BÁO CÁO
Tổng kết, đánh giá hoạt động HĐQT nhiệm kỳ I (2018 - 2023)
và định hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2023 - 2028)

Nhiệm kỳ I (2018 – 2023) là nhiệm kỳ đầu tiên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm đồng (“LAWACO”) hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, đồng thời cũng là giai đoạn kinh tế thế giới và Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) cùng Ban Điều hành và toàn thể người lao động LAWACO đã cùng nhau nỗ lực hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) nhiệm kỳ I giao phó, cho dù gặp nhiều khó khăn, nhưng LAWACO đã đạt được một số kết quả nhất định.

Tôi xin thay mặt HĐQT trình bày với ĐHĐCĐ Báo cáo Tổng kết, đánh giá hoạt động HĐQT nhiệm kỳ I (2018 - 2023) và định hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2023 – 2028) như sau:

A. Báo cáo Tổng kết, đánh giá hoạt động HĐQT nhiệm kỳ I (2018 - 2023)

I. Tình hình đặc điểm:

1. Cơ cấu tổ chức: Ngày 08 tháng 06 năm 2018, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thành lập LAWACO, ĐHĐCĐ đã bầu HĐQT nhiệm kỳ I gồm 05 thành viên, tại phiên họp thứ nhất của HĐQT đã bầu Chủ tịch HĐQT và 01 phó Chủ tịch HĐQT như sau:

- Ông Phan Đình Tân, Chủ tịch HĐQT
- Ông Võ Quốc Trang, Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Hùng Cường, thành viên HĐQT
- Ông Dương Tiến Dũng, thành viên HĐQT
- Ông Trần Quốc Hùng, thành viên HĐQT

Trong nhiệm kỳ hoạt động, Ông Võ Quốc Trang, Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc LAWACO xin nghỉ vì lý do sức khỏe; đề kiến toàn nhân sự, ngày 08/9/2020 tại cuộc họp định kỳ, HĐQT đã thống nhất cho thôi việc và miễn nhiệm các chức vụ và quyền đại diện sau đây đối với Ông Võ Quốc Trang:

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị LAWACO;
- Tổng Giám đốc LAWACO;
- Người đại diện phần vốn của LAWACO tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng và Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh. Đến ngày 28/04/2021 ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã đồng ý miễn nhiệm chức danh thành viên

HDQT đời với Ông Võ Quốc Trang và bầu bổ sung ông Nguyễn Văn Dũng vào HDQT thời gian còn lại của nhiệm kỳ, đến nay HDQT nhiệm kỳ I gồm 05 thành viên gồm:

- Ông Phan Đình Tân, Chủ tịch HDQT
- Ông Nguyễn Hùng Cường, thành viên HDQT
- Ông Dương Tiến Dũng, thành viên HDQT
- Ông Trần Quốc Hùng, thành viên HDQT
- Ông Nguyễn Văn Dũng, thành viên HDQT

2. Những khó khăn, thuận lợi trong nhiệm kỳ hoạt động:

a) Thuận lợi:

- Sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh và sự hỗ trợ của các sở ban ngành chức năng liên quan;

- Sự thống nhất cao trong HDQT, sự quyết liệt trong chỉ đạo, linh hoạt trong điều hành của HDQT, Ban Điều hành công ty trong đổi mới phương thức hoạt động nâng cao hiệu quả công tác quản lý và năng suất lao động; đội ngũ người lao động có năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, giải quyết nhanh, kịp thời các tình huống, các sự cố phát sinh trong SXKD;

- Việc chuyển đổi sang loại hình công ty cổ phần đã giúp LAWACO chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, chiến lược SXKD hàng năm và dài hạn; nâng cao ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm của người lao động và các cấp quản lý.

b) Khó khăn:

- Tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của LAWACO như: nguồn nước cấp của nhiều địa phương bị cạn kiệt, ô nhiễm... một số nhà máy phải hạn chế hoặc tạm ngừng SX trong mùa khô như Nhà máy xử lý D' Ran, nhà máy xử lý nước Đa M' Ri, nhà máy xử lý nước Hồ than thỏ; nhà máy xử lý nước phải đóng cửa ngưng hoạt động do nguồn nước cạn kiệt như nhà máy xử lý nước Nam Ban; nguồn nước bị ô nhiễm khiến hoạt động xử lý gặp khó khăn như nhà máy xử lý nước Đan Kia Suối Vàng do độ đục có những ngày vượt trên 400NTU, hoặc bị rác độc hại (chai lọ, bao bì thuốc BVTV) xâm chiếm... đã dẫn đến việc khai thác, xử lý phức tạp và tốn kém.

- Từ giữa năm 2020 đến hết năm 2021 Đại dịch Covid-19 đã tác động rất lớn trên cả nước, giãn cách xã hội ở nhiều quốc gia và trong nước được thực hiện vì vậy nhiều hoạt động sản xuất tạm dừng lại khiến nhu cầu sử dụng nước thấp (do các ngành dịch vụ, du lịch, giáo dục, sản xuất ngừng hoạt động kéo dài).

- Giá vật tư chuyên ngành, hàng hóa trên thị trường luôn biến động tăng như giá mua điện năm 2019 lên tới 1.864 đồng/kWh, trong khi đó phương án tăng giá nước chậm được điều chỉnh, lần điều chỉnh gần nhất là 05/10/2018 (do nhà nước kiểm soát giá bán nước sạch) chi phí giá đầu vào tăng mạnh, đã tạo sức ép lớn lên hoạt động sản xuất kinh doanh của LAWACO làm ảnh hưởng nhiều đến doanh thu - lợi nhuận của LAWACO.

- Thủ tục quản lý đầu tư xây dựng hiện hành bất cập gây mất nhiều thời gian (giấy phép đào đường chậm được cấp, thủ tục đấu thầu qua mạng luôn làm kéo dài thời gian) dẫn đến tiến độ thực hiện một số dự án trễ, không kịp thời đáp ứng được nhu cầu phát triển cấp nước của LAWACO.

- Việc phải thực hiện đúng lộ trình mua nước của Công ty cổ phần Cấp nước Đan Kia 2 và Công ty cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm làm tăng giá thành nước thương phẩm (do

giá tự sản xuất bình quân là 4.500 đồng/m³ (tráp hơn giá mua 5.970 đồng/m³) và giảm sản lượng nước tự sản xuất của LAWACO còn 76% tại nhà máy nước Đan Kia 1, trong khi LAWACO phải khai thác thêm nguồn nước để cấp cho khu vực Phát Chi Cầu đất.

II. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, hoạt động giám sát Ban Điều hành và sự phối hợp với BKS:

1. HĐQT: với những thuận lợi khó khăn nêu trên cùng với hoạt động kinh tế của tỉnh Lâm Đồng chủ yếu tập trung vào dịch vụ du lịch (tập trung tại thành phố Đà Lạt) và sản xuất nông nghiệp tại các huyện; doanh thu nước tại khu vực Đà Lạt chiếm 80% doanh thu LAWACO vì vậy khi có tác động làm ảnh hưởng đến hoạt động du lịch thì hoạt động SXKD của LAWACO cũng bị ảnh hưởng.

Trong nhiệm kỳ HĐQT đã nỗ lực, không ngừng đổi mới tư duy, quyết tâm thực hiện, nói đi đôi với làm, kịp thời xử lý mọi khó khăn trong hoạt động SXKD của LAWACO, theo đúng định hướng. HĐQT luôn bám sát tình hình thực tiễn, phát huy những thế mạnh của LAWACO, chỉ đạo và định hướng để Ban Điều hành hoàn thành thành các mục tiêu, nhiệm vụ được ĐHĐCĐ đề ra, các hoạt động SXKD và dịch vụ đều lấy khách hàng làm trọng tâm; các chiến lược, kế hoạch phát triển khách hàng, phát triển vùng cấp nước, cách thức quản lý, đào tạo... đều được chú trọng và triển khai nghiêm túc; các chỉ tiêu đều tăng trưởng, HĐQT đã mạnh dạn tạm dừng một số dự án đầu tư vốn lớn mà hiệu quả chưa thật khả thi, chú trọng đầu tư vào công tác chống thất thoát, thất thu, cải tạo, nâng cấp các khu vực bất lợi, mở rộng vùng cấp nước, phát triển khách hàng, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản xuất, thực hiện chiến lược tăng sản lượng bền vững đi đôi với áp giá bán đúng mục đích sử dụng. HĐQT cũng đã chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện giảm giá tiền nước trong thời gian xảy ra dịch bệnh, cùng chung tay với cộng đồng thực hiện công tác xã hội...

HĐQT cũng đã nỗ lực, quyết tâm, không ngừng đổi mới tư duy, hành động; kịp thời xử lý mọi vướng mắc phát sinh, chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện việc đánh giá mô hình hoạt động, áp dụng mô hình thí điểm qua đó tái sắp xếp, cơ cấu nhân sự hợp lý... vì vậy năng suất lao động được tăng lên, đạt được các mục tiêu đề ra, nhiều chỉ tiêu vượt kế hoạch ban đầu, năm sau cao hơn năm trước...

Các thành viên HĐQT đã đồng hành cùng LAWACO nhiều năm nay, đều là những người có nhiều kinh nghiệm trong quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính và đầu tư; ngoài ra, HĐQT cũng quan tâm đến đời sống người lao động. Lương, thưởng và các phúc lợi đều được chỉ đạo chi trả đầy đủ theo đúng quy định.

2. Các thành viên HĐQT: HĐQT có 05 thành viên, mặc dù giữa nhiệm kỳ có thay đổi nhân sự nhưng các thành viên với cố gắng, nhiệt tình và sự năng nổ của mình đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ LAWACO, đảm bảo hiệu quả hoạt động chung của HĐQT, có những đóng góp tích cực trong quá trình điều hành SXKD của LAWACO. Hàng năm HĐQT đều có đánh giá và báo cáo kết quả làm việc của từng thành viên.

Các thành viên HĐQT đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tham gia gần như đầy đủ vào các phiên họp hoặc nhanh chóng phản hồi khi nhận được văn bản xin ý kiến theo yêu cầu, hoàn thành trách nhiệm chỉ đạo, giám sát theo quy định. HĐQT đã có sự nhất trí cao khi thông qua các nghị quyết, quyết định nhằm kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành:

Trong nhiệm kỳ I, HĐQT đã chỉ đạo sát sao Ban Điều hành trong thực thi các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết và quyết định của HĐQT liên quan đến định hướng

chiến lược, hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ban Điều hành đã rất nỗ lực, năng động để thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đã được ĐHCĐ giao; đã chủ động triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của HĐQT theo đúng định hướng phát triển và tầm nhìn của LAWACO, hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày càng hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Thường xuyên có 02 thành viên HĐQT tham gia điều hành LAWACO; việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT không tham gia điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, cụ thể:

- Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình tài chính, tình hình đầu tư và SXKD đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo. Trên cơ sở này, HĐQT có điều kiện giám sát chặt chẽ Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

- Tổng Giám đốc đã nhanh chóng báo cáo tất cả các vấn đề phát sinh bất thường liên quan đến hoạt động của LAWACO qua đó nhiều vấn đề khó khăn kịp thời được HĐQT chỉ đạo giải quyết.

3. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS:

- HĐQT tổ chức các cuộc họp giao ban đều có sự tham dự của BKS, hầu hết các Kiểm soát viên đã đưa ra các ý kiến kịp thời đối với chủ trương, quyết định của HĐQT, Ban Điều hành.

- HĐQT đã chủ động thông báo, trao đổi và thống nhất với BKS về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát tại LAWACO, cũng như HĐQT đã tạo điều kiện cho BKS thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của LAWACO khi có yêu cầu.

- HĐQT luôn chuyển giao thông tin dưới hình thức văn bản cho BKS trong quá trình chỉ đạo điều hành.

- HĐQT và BKS duy trì mối quan hệ công việc trên nguyên tắc vì lợi ích chung của LAWACO, của cổ đông, tuân thủ Điều lệ LAWACO, Quy chế quản trị nội bộ, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật.

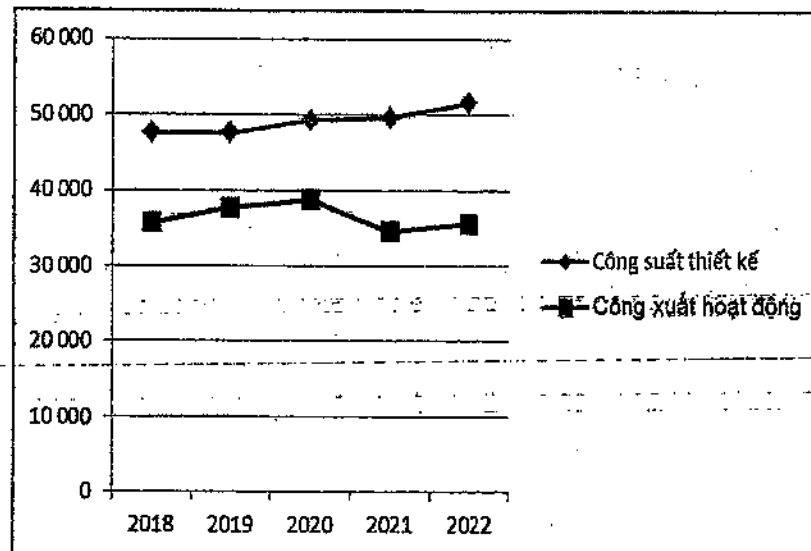
IV. Một số kết quả đạt được trong nhiệm kỳ I: Thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT đã triển khai kế hoạch, phương hướng hàng năm, xác định chiến lược, mục tiêu sản xuất, kinh doanh và giao cho Ban điều hành triển khai thực hiện; đồng thời, HĐQT cũng theo sát, kịp thời giải quyết những khó khăn cho Ban Điều hành do đó trong nhiệm kỳ hàng năm LAWACO đã thực hiện tốt kế hoạch đề ra cụ thể như sau:

1. Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh: Các chỉ tiêu chủ yếu đạt được trong nhiệm kỳ:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022
1	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	788.000	788.000	788.000	788.000	788.000
2	Doanh thu tổng	Tr.đồng	236.204	296.274	298.062	275.586	320.212
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	26.887	44.388	49.543	43.228	70.934
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	14.611	35.286	38.649	34.458	56.674
5	Lợi nhuận ròng sau thuế để chia cổ tức	Tr.đồng	6.487	19.108	20.330	26.004	29.786
6	Cổ tức	%	0,82	2,42	2,58	3,30	3,78

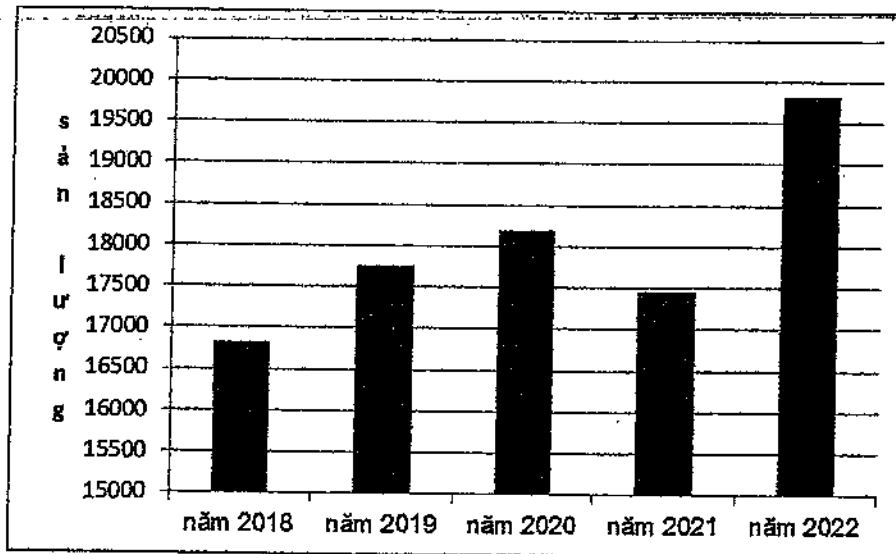
7	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	18.360	22.789	13.459	11.747	26.704
8	Công suất SX nước của lawaco	m ³	47.610	47.610	49.260	49.600	51.600
9	Sản lượng nước sạch	1000m ³	22.258	22.959	23.847	22.385	24.594
9.1	Nước tự SX	1000m ³	13.028	13.772	14.154	12.618	13.020
9.2	Nước mua	1000m ³	9.230	9.187	9.692	9.766	11.574
	+ Đan kia 2	1000m ³	9.230	9.187	9.692	9.766	10.190
	+ Tuyên Lâm	1000m ³	-	-	-	-	1.384
10	Tỷ lệ thất thoát	%	24,44	22,65	23,68	22,04	19,41
11	Nước thương phẩm	1000m ³	16.819	17.759	18.200	17.450	19.819
12	Tổng số khách hàng	K.hg	74.695	78.439	81.903	86.493	90.683
13	Phát triển khách hàng mới	K.hg	4.770	3.744	3.464	4.590	4.190

- Phát triển nguồn cấp: do đặc điểm địa hình và khoảng cách địa lý nguồn và vùng cấp nước, dù công suất hoạt động vẫn chưa đạt công suất thiết kế do phải mua của Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan kia và Công ty cổ phần Cấp nước Tuyên lâm nhưng LAWACO vẫn phải phát triển nguồn (xem biểu đồ) để cấp cho các vùng cấp nước xa nguồn hiện có (cách thành phố Đà Lạt hơn 20Km) như thôn Cầu Đất, thôn Phát Chi



thuộc xã Xuân Trường của thành phố Đà Lạt, vì vậy trong nhiệm kỳ công suất thiết kế của các nhà máy cũng đã được nâng lên thêm 3.990 m³/ngày đêm và phát triển thêm 20.700 khách hàng mới.

- Sản lượng nước thương phẩm: Trong nhiệm kỳ I LAWACO đã duy trì ổn định và phát huy năng lực sản xuất, tiêu thụ đạt mức tăng trưởng từ 2% đến 5% (xem biểu đồ) mỗi năm trở lên (trừ năm 2021 giảm do ảnh hưởng dịch Covid-19).

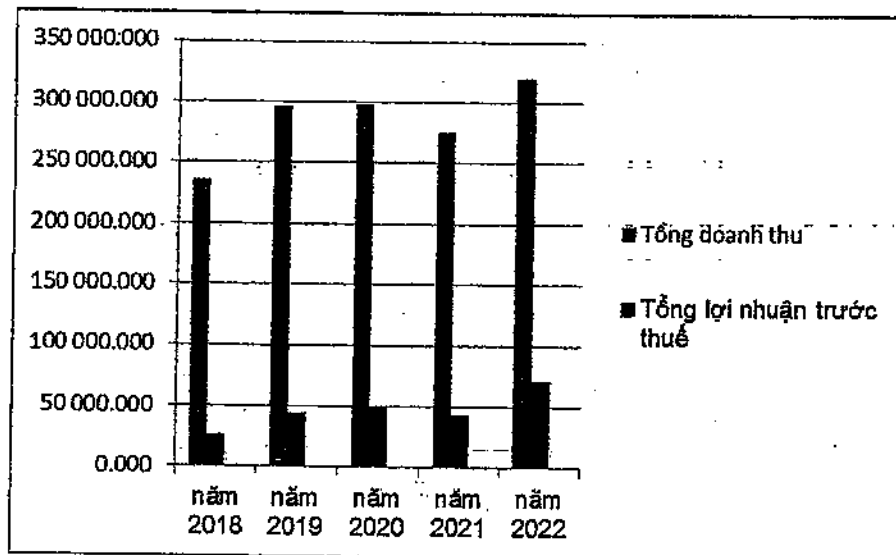


Nước thương phẩm qua 5 năm

- Doanh thu, lợi nhuận: Tương tự như sản lượng nước thương phẩm trong nhiệm kỳ, tổng doanh thu, tổng lợi nhuận cũng tăng đều trừ năm 2021.

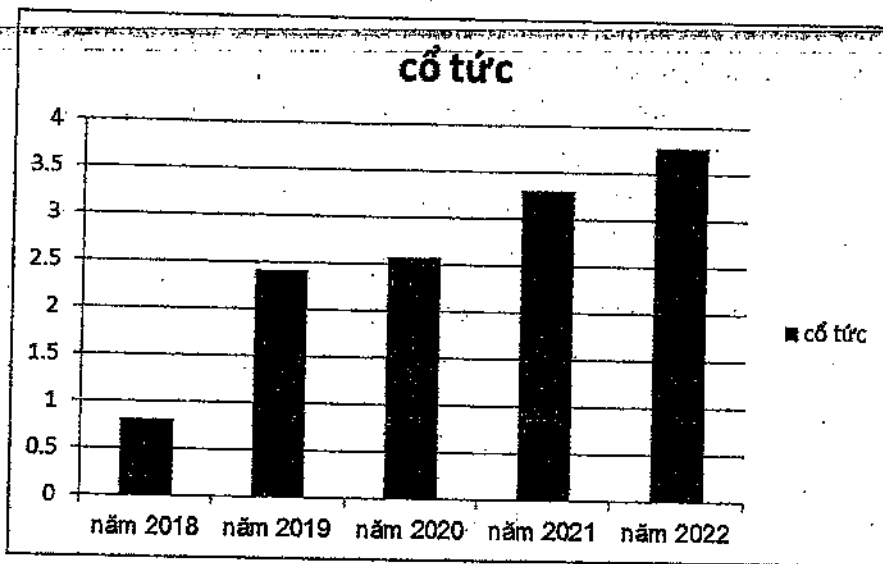
+ Tổng doanh thu giai đoạn 2018 - 2023 đạt 1.426 tỷ đồng, tăng trưởng lũy kế hàng năm đạt 8%/ năm (xem biểu đồ).

+ Tổng Lợi nhuận trước thuế đạt 234,98 tỷ đồng, tăng trưởng lũy kế hàng năm từ 2018-2022 đạt 32%/ năm (xem biểu đồ).



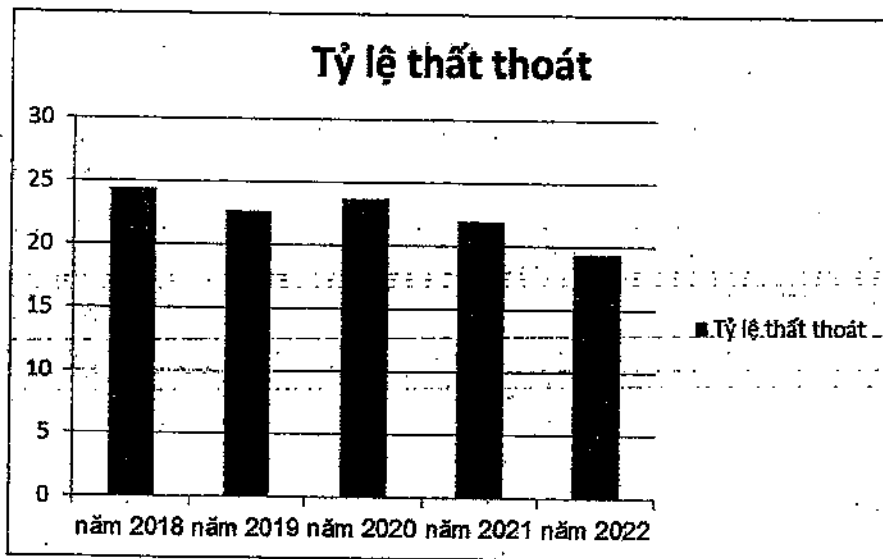
Biểu đồ Doanh thu và lợi nhuận

- Cổ tức: Mặc dù mức cổ tức còn khá thấp, tuy nhiên với nỗ lực của mình sau 4 năm hoạt động, cổ tức đã tăng hơn 350% kể từ ngày doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển qua loại hình công ty đại chúng; tổng lợi nhuận ròng để chia cổ tức từ năm 2018-2022 là 101,7 tỷ, tăng trưởng lũy kế hàng năm từ 2018-2022 đạt 60%/ năm (xem biểu đồ).



Biểu đồ cổ tức

Tỷ lệ thất thoát: Từ năm 2018 đến 2022 tỷ lệ thất thoát được kéo giảm từ 24,44% xuống còn 19,01% (mức giảm là 5,03%), ước tính khoảng 2.366.000m³ nước không phải sản xuất (tương đương với 10,6 tỷ đồng tiết kiệm được) nhờ công tác chống thất thoát được triển khai thường xuyên.



Biểu đồ tỷ lệ thất thoát

2. Các hoạt động khác:

2.1 Công tác quản trị nhân sự: trong nhiệm kỳ HĐQT đã có nhiều Nghị quyết nhằm kiện toàn bộ máy quản lý điều hành, áp dụng nguyên tắc quản trị theo mô hình trực tuyến, có cơ chế phân cấp, phân quyền rõ ràng, cụ thể; phù hợp với khả năng chuyên môn cá nhân, đơn vị. Xây dựng mới và dần hoàn thiện cơ chế phân phối tiền lương, tiền thưởng theo nguyên tắc công bằng, hợp lý. Tái cấu trúc lại bộ máy và mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, chất lượng; đổi mới và tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại theo hướng nâng cao chất lượng chuyên môn theo thực tế công việc đảm nhiệm.

2.2 Công tác rà soát sửa đổi bổ sung và xây dựng mới hệ thống Quy phạm nội bộ, cơ chế chính sách trong lĩnh vực SXKD và trong công tác quản trị điều hành, đảm bảo phù hợp với những thay đổi khung pháp lý, môi trường kinh doanh; trong nhiệm kỳ đã ban hành Điều lệ LAWACO vào tháng 6/2018, thực hiện sửa đổi lần 1 ngày 28/4/2021, ban

nhu

hàng Quy chế Nội bộ về Quản trị công ty vào ngày 8/6/2018, sửa đổi ngày 28/4/2021, Quy chế Quản lý Tài chính ban hành ngày 15/8/2019 sửa đổi ngày 27/12/2021, ban hành Quy chế Thi đua Khen thưởng ngày 15/8/2019, Quy chế hoạt động của HĐQT ngày 28/4/2021 và Quy chế Công bố thông tin ngày 27/12/2021.

2.3 Từng bước nghiên cứu, áp dụng chuyển đổi số với từng lĩnh vực hoạt động của LAWACO, đang xây dựng lộ trình chuyển đổi hợp lý để thay đổi nhận thức, tư duy quản lý công việc và văn hóa tổ chức, cung cấp những thông tin, dữ liệu một cách nhanh chóng, giảm thiểu tối đa chi phí vận hành, duy trì được yếu tố lợi thế cạnh tranh của LAWACO.

2.4 Hoạt động tài chính: HĐQT luôn nắm bắt kịp thời tình hình tài chính của LAWACO, giám sát chặt chẽ chi tiêu, bảo đảm an toàn nguồn vốn, kinh doanh hiệu quả; kiểm soát dòng tiền, kiểm kê tài sản và đảm bảo nguồn vốn không bị thất thoát.

Ban Điều hành luôn hoàn thành báo cáo tài chính tổng hợp LAWACO theo từng quý và hàng năm, sau đó số liệu kế toán đều được các Công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán; thực hiện tốt công tác cung cấp số liệu kế toán cho Ban kiểm soát LAWACO phục vụ kiểm soát số liệu kế toán hàng quý, năm và phục vụ công tác kiểm tra thuế hàng năm của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn thành công việc công bố thông tin tài chính trên Trang web của Sở giao dịch chứng khoán và Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo qui định pháp luật của Công ty đại chúng.

Xây dựng và liên tục nâng cấp phần mềm hệ thống quản trị nguồn nhân lực, phần mềm hệ thống kế toán... đáp ứng nhu cầu quản lý và kiểm soát của LAWACO.

Chi trả cổ tức đầy đủ và bảo đảm thời hạn theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.

Đẩy mạnh các hình thức thu tiền nước của khách hàng qua hệ thống ngân hàng, ứng dụng thu trên Smartphone và các Ví điện tử, theo dõi và thống kê số lượng khách hàng thu tiền nước qua ngân hàng.

Chế độ chính sách cho người lao động: Giải quyết chế độ cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc đúng thời gian qui định, người lao động được đào tạo tay nghề thường xuyên; bảo đảm quy trình sản xuất an toàn, kế hoạch sản xuất được dự trù và phân bổ hợp lý, việc phân công ca, kíp hợp lý giúp bảo đảm tình trạng thể chất của người lao động, giúp tăng năng suất lao động; bảo đảm việc chi trả đầy đủ tiền lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi của người lao động; công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường,... được tuân thủ và thực hiện nghiêm túc.

2.5 Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản: hoạt động sản xuất là chiến lược mang lại lợi ích bền vững cho LAWACO; vì vậy, HĐQT luôn chú trọng đầu tư, nâng cấp nhà máy xử lý, hệ thống máy móc, nhà xưởng; thường xuyên bổ sung, nâng cấp máy móc phục vụ sản xuất theo hướng hiện đại hóa, tự động nhằm giảm lao động thủ công; HĐQT thường xuyên theo dõi sát sao, đôn đốc thực hiện đầu tư hàng năm, trong nhiệm kỳ đã thực hiện được một số dự án, công trình trọng điểm sau:

- Nâng cấp NMN Hồ Than Thở giai đoạn từ 2018-2019
- Xây dựng mới Nhà máy nước Phát chi giai đoạn từ 2021-2022
- Thay mới 166.000m ống có đường kính <60mm
- Lắp mới 23.000m ống có đường kính từ 100mm đến 300mm

2.6 Hoạt động kinh doanh: HĐQT đã đề xuất các chiến lược, mục tiêu, chỉ đạo Ban Điều hành tập trung vào các mục tiêu trọng yếu như giá thành SX, tăng doanh thu qua việc quản lý định mức sử dụng nước, giá bán bình quân nâng dần hàng năm qua công tác thay đổi phương thức ghi, thu (trước đây với mô hình nhân viên Ghi đồng hồ và nhân viên Thu tiền nước là người khác nhau, nhân viên Ghi, chỉ biết ghi chỉ số, nhân viên Thu tiền chỉ biết thu theo hóa đơn, công tác giám sát lẫn nhau kém; khi thay đổi theo mô hình nhân viên ghi, thu là một người, thì với chức năng quản lý địa bàn nhân viên ghi thu dễ dàng phát hiện các đột biến trong sử dụng, trong định mức, giám sát người tiêu dùng, các đơn vị bên ngoài và cả người của LAWACO xâm phạm hệ thống cấp thoát nước, can thiệp vào đồng hồ nước; việc thay đổi mô hình ghi thu cũng đã giúp rút ngắn chu kỳ ghi thu nhờ đó việc đánh giá tỉ lệ thất thoát được chuẩn xác hơn ...

B. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ II (2023 – 2028)

Để giữ vững sự ổn định và phát triển, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông, quyền lợi, điều kiện làm việc tốt cho người lao động, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội. HĐQT xác định phương hướng hoạt động của nhiệm kỳ II như sau:

1. Xây dựng phương án nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất- kinh doanh nhằm đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ("ROE") của LAWACO trong những năm tiếp theo luôn đạt giá trị tốt.

2. Nghiên cứu, từng bước áp dụng chuyển đổi số với từng lĩnh vực hoạt động của LAWACO, trước mắt cần xây dựng lộ trình chuyển đổi hợp lý để thay đổi nhận thức, tư duy quản lý công việc và văn hóa tổ chức, cung cấp những thông tin, dữ liệu một cách nhanh chóng, giảm thiểu tối đa chi phí vận hành, duy trì được yếu tố lợi thế cạnh tranh của LAWACO; đẩy mạnh chuyển đổi số theo hướng mang lại kết quả thực chất, bền vững, ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc các Chương trình, Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số; phân đầu ban hành danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục; khai thác tối đa kho dữ liệu điện tử của tổ chức để giải quyết thủ tục cấp nước cho khách hàng.

3. Tiếp tục thực hiện tái sắp xếp theo hướng tinh gọn phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh đa dạng hướng đến một Công ty đa ngành nghề, chuyên nghiệp; mở rộng thị trường ra ngoài tỉnh và khu vực như:

3.1 Mở rộng ngành nghề hoạt động, đặc biệt là các lĩnh vực mà LAWACO có lợi thế như dịch vụ lắp đặt hệ thống cấp nước sau đồng hồ nước, tạo thêm việc làm, hạn chế việc người lao động phải nghỉ việc do không có việc làm; Nghiên cứu phát triển thị trường thi công hệ thống bên trong nhà (với một khách hàng dùng nước, chi phí lắp mới hệ thống cấp nước từ nguồn cấp đến đồng hồ nước chỉ chiếm khoảng 1/30 chi phí lắp đặt bên trong nhà), đây là một thị trường giàu tiềm năng, nếu khai thác được LAWACO sẽ kinh doanh được vật tư, thu được nhân công giá cao, ngăn chặn được việc khách hàng tự đấu nối hệ thống nước tự khai thác (không bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh vào mạng lưới cấp nước của LAWACO, hạn chế việc khách hàng tự lắp hệ thống bơm tăng áp sau đồng hồ nước sẽ gây sai lệch chỉ số, hư hỏng đồng hồ và giảm áp mạng lưới chung của LAWACO) ...

3.2 Kinh doanh vật tư ngành nước nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho LAWACO; với kinh nghiệm, năng lực sẵn có kèm với cơ chế, chính sách thâm nhập thị trường ống nhánh linh hoạt, hợp lý thì thị trường này sẽ giúp cho doanh thu và lợi nhuận của LAWACO tăng lên hàng năm. Việc thâm nhập thị trường bán lẻ vật tư ngành nước bằng cách chọn vật tư đặc trưng về chất lượng, kiểu dáng, xây dựng chương trình liên kết

với các đơn vị sản xuất vật tư ngành nước có uy tín để có thể cạnh tranh với cửa hàng vật tư ngành nước khác, từng bước sử dụng người lao động cao tuổi còn nhiệt huyết, có kinh nghiệm phụ trách các cửa hàng bán lẻ, có chế độ khuyến khích người mua, người bán hợp lý, để dần chiếm thị phần bán lẻ trên vùng cấp nước của LAWACO, tăng độ phủ các cửa hàng tạo hệ nhận diện thương hiệu.

3.3 Thực hiện dịch vụ kiểm định nước: hiện nay thị trường này đang do đơn vị kiểm định nhà nước quản lý thực hiện, đơn giá khá cao, với năng lực và cơ sở hiện có LAWACO hoàn toàn có thể thực hiện dịch vụ này với giá rẻ hơn, trước mắt là trong Tỉnh và vươn ra các địa phương lân cận như Ninh Thuận, Bình Thuận và các tỉnh Tây Nguyên...

4. Hoàn thiện phương án chống thất thoát, giảm tỷ lệ NRW (thất thoát thất thu nước) với mong muốn tỷ lệ thất thoát hàng năm là 1%, thì đến năm 2028 là 15% / năm. Căn cứ Tỷ lệ thất thoát hàng năm được ĐHQĐ phê duyệt, Ban Điều hành Công ty xây dựng biện pháp thực hiện và xây dựng cơ chế khen thưởng để tạo động lực phấn đấu cho người lao động đóng góp hiệu quả hơn nữa cho chương trình chống thất thu, thất thoát (có quy chế khen thưởng cho người lao động khi tỷ lệ được kéo giảm dưới tỷ lệ thất thoát kế hoạch; ngoài ra Ban Điều hành cho xây dựng phương án (lộ trình cụ thể) chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2028 nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch trong thời gian tới.

5. Bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao: Sản lượng nước thương phẩm tăng bình quân trên 2,5%/năm (giai đoạn 2023-2028); nâng tổng công suất từ 48.600m³ lên 72.600 m³/ngày đêm, thi công 77.000m ống có đường kính từ 50mm đến 80mm, thay mới 166.000m ống có đường kính nhỏ hơn 50mm, lắp mới 23.000m đường ống có đường kính từ 100mm đến 300mm, mở rộng vùng cấp nước, phát triển mới 18.590 hộ.

Đối với hoạt động xử lý nước thải: LAWACO có nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc tiếp tục quản lý và tổ chức hoạt động Xi nghiệp quản lý nước thải theo đơn đặt hàng của UBND thành phố Đà Lạt cho đến khi Nhà nước có phương án khác.

Sử dụng hợp lý nguồn vốn hiện có, phân kỳ đầu tư hợp lý với mục tiêu chính là đảm bảo cung cấp nước đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương, giá nước phù hợp bảo đảm khả năng chi trả của người dân và kế hoạch trả nợ các dự án ODA và có lãi cho LAWACO.

Một số chỉ tiêu chính phấn đấu thực hiện trong giai đoạn 2023-2028, các chỉ tiêu này sẽ được ĐHQĐ quyết định hàng năm theo tình hình kinh tế xã hội thực tế.

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	2026	2027	2028
Nước sản xuất (1.000 m ³)	25.204	27.125	27.414	27.738	28.091	28.482
Tỷ lệ thất thoát (%)	19,00	18,00	17,00	16,30	15,60	15,00
Chi phí đầu tư	31.438	22.458	46.458	25.058	34.418	21.458
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	11,379	11,664	11,955	12,254	12,561	12,875
Tổng doanh thu (triệu đồng)	330.642	356.555	369.899	381.862	395.801	410.766
Doanh thu hoạt động SXKD	285.885	310.251	322.221	333.007	345.977	359.462

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	2026	2027	2028
Doanh thu hoạt động tài chính	44.004	45.545	46.911	48.084	49.045	50.517
Tổng lợi nhuận trước thuế	73.856	77.059	78.888	80.547	82.098	84.245
Tổng lợi nhuận sau thuế	59.085	61.647	63.110	64.438	65.678	67.396
Cổ tức	3,95	4,30	4,40	4,50	4,58	4,70

Chi tiết xem phụ lục 05

6. Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để hội nhập khu vực và thế giới; tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người lao động.

7. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản phải thực hiện đúng phân cấp thẩm quyền, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ LAWACO; khẩn trương triển khai hoàn thành các dự án đầu tư chậm tiến độ, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hàng năm...

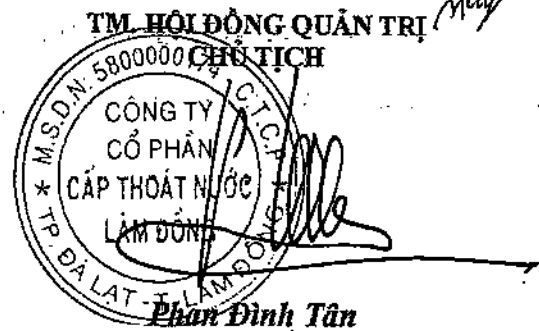
8. Đầu tư trang thiết bị nhằm đổi mới, cải thiện công nghệ, tăng năng suất, giảm lao động, bảo đảm an toàn trong lao động, thúc đẩy các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin cho việc quản trị Công ty. Tập trung đầu tư, đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao, tiến đến cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng; đảm bảo an ninh nước sạch, cấp nước trong điều kiện thiên tai, biến đổi khí hậu... giữ vững cấp nước an toàn, phân đầu công bố cấp nước an toàn khu vực do LAWACO cung cấp.

Trên đây là Báo cáo Tổng kết, đánh giá hoạt động HĐQT nhiệm kỳ I (2018 - 2023) và một số định hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2023 - 2028). Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được ý kiến đóng góp của Quý cổ đông, đặc biệt chỉ ra những hạn chế trong công tác quản lý Công ty và giám sát Ban điều hành để giúp HĐQT hoạt động ngày càng tốt hơn và qua đó làm cơ sở để HĐQT nhiệm kỳ II phân đầu hoàn thành những mục tiêu được ĐHĐCĐ giao phó.

Trân trọng gửi đến toàn thể Quý cổ đông lời chúc sức khỏe và thành đạt./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ 2023;
- HĐQT, BKS;
- Đăng website;
- Lưu: VT, Thư ký CTy.



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỶ
CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

V/v: Báo cáo hoạt động nhiệm kỳ 2018 – 2023 của Thành viên BKS

**Kính gửi: QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ**

- Căn cứ Luật DN số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Điều lệ Công ty Công ty CP Cấp thoát nước Lâm Đồng;
- Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;
- Căn cứ Quyết định Phân công nhiệm vụ trong Ban Kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát (BKS) Công ty CP Cấp thoát nước Lâm Đồng gửi tới quý vị cổ đông Báo cáo nhiệm kỳ hoạt động với nội dung chi tiết như sau:

BÁO CÁO NHIỆM KỶ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thành viên BKS: Nguyễn Thị Mỹ Vân

Nhiệm kỳ: 2018 - 2023

Ngày bổ nhiệm: 28/06/2018 tại ĐHĐCĐ năm 2018 của Công ty.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu: 0,001%

1. Hoạt động trong nhiệm kỳ:

Trong suốt nhiệm kỳ hoạt động đã phối hợp chặt chẽ với các Thành viên BKS, HĐQT và BDH theo sát việc ban hành và triển khai các nghị quyết HĐQT, ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó, tham gia kiểm tra giám sát hoạt động kiểm toán, đảm bảo hoạt động của bộ máy tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

Chi tiết các công việc đã triển khai cùng BKS như sau:

- Tổ chức quản lý, điều hành chung toàn bộ hoạt động của BKS theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, các Quy chế của Công ty đúng theo pháp luật hiện hành. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ được giao.
- Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của các Thành viên BKS, các yêu cầu về cung cấp hồ sơ của Thành viên BKS, cũng như nội dung các báo cáo của BKS theo nguyên tắc đa số.

- Tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT, BDH về các vấn đề liên quan đến các qui trình hoạt động của công ty.
- Thẩm tra các báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Nhà nước.
- Cập nhật tình hình Công ty thực hiện các khuyến nghị của BKS;
- Tham gia dự họp và góp ý kiến tại các cuộc họp HĐQT, BDH và các cuộc họp khác của Công ty;
- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập;
- Thay mặt BKS ký các văn bản, báo cáo của Ban sau khi đã tham khảo ý kiến HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ thường niên.
- Báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

2. Sự phối hợp hoạt động giữa các Thành viên Ban Kiểm soát:

Trong suốt nhiệm kỳ 2018-2023, đã thường xuyên phối hợp, trao đổi đầy đủ và kịp thời với các Thành viên BKS nhằm thực hiện tốt kế hoạch công việc đã đề ra.

3. Sự phối hợp hoạt động Thành viên BKS và HĐQT, Ban Điều hành:

Trong nhiệm kỳ hoạt động, Thành viên BKS được cung cấp đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành theo đúng diễn biến hoạt động của Công ty. Thành viên BKS đã duy trì được mối quan hệ công tác, sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Điều hành và cán bộ công nhân viên trong Công ty, được tạo điều kiện thuận lợi thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN THỊ MỸ VÂN

Số: 01/2023/BC-TVBKS-LAW

Lâm Đồng, ngày ... tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỶ
CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

V/v: Báo cáo đánh giá hoạt động nhiệm kỳ 2019 – 2023 của Thành viên BKS

**Kính gửi: QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ**

- Căn cứ Luật DN số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Điều lệ Công ty Công ty CP Cấp thoát nước Lâm Đồng;
- Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;

Thành viên Ban kiểm soát (BKS) Công ty CP Cấp thoát nước Lâm Đồng gửi tới quý vị cổ đông và Trưởng ban Kiểm soát nội bộ Báo cáo nhiệm kỳ hoạt động với nội dung chi tiết như sau:

BÁO CÁO NHIỆM KỶ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát: Ông Trần Văn Thuận

Nhiệm kỳ: 2019 - 2023

Ngày bổ nhiệm: 20/06/2019 tại ĐHĐCĐ năm 2019 của Công ty.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu: 0%

1. Hoạt động của Ông Trần Văn Thuận trong nhiệm kỳ:

Trong nhiệm kỳ hoạt động, Ông Trần Văn Thuận đã phối hợp chặt chẽ với các Thành viên Ban Kiểm soát, HĐQT và BĐH theo sát việc ban hành và triển khai các nghị quyết HĐQT. Bên cạnh đó, Ông cũng tham gia kiểm tra giám sát hoạt động kiểm toán, đảm bảo hoạt động của bộ máy tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

Chi tiết các công việc đã triển khai cùng Ban Kiểm soát như sau:

- Tham gia cùng các Thành viên Ban Kiểm soát xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BĐH trong nhiệm kỳ hoạt động theo qui định của pháp luật và Điều lệ Lawaco.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

- Tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT, BĐH về các vấn đề liên quan đến các qui trình hoạt động của công ty.
- Thẩm tra theo phân công của Trưởng ban Kiểm soát về các báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
- Tham vấn cho Trưởng ban Kiểm soát trong việc thực hiện các thủ tục liên quan tới công tác đại hội thường niên của ĐHCĐ Công ty và các phiên họp phát sinh thường kỳ của HĐQT.
- Cập nhật tình hình Công ty thực hiện các khuyến nghị của Ban Kiểm soát;
- Tham gia hỗ trợ Trưởng ban Kiểm soát Công ty trong công tác lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập;
- Tham gia cùng các Thành viên Ban Kiểm soát kiến nghị tới Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện các quy định của nhà nước liên quan tới các vấn đề về thuế và kế toán;
- Triển khai công tác soát xét BCTC hàng năm của Công ty;
- Hỗ trợ Trưởng ban Kiểm soát thông qua kết quả kiểm toán độc lập bán niên và cuối năm;
- Tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát về Kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ của các Thành viên Ban Kiểm soát.
- Tham gia các cuộc họp Ban Kiểm soát định kỳ về việc tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm hoạt động của BKS;

2. Sự phối hợp hoạt động giữa các Thành viên Ban Kiểm soát:

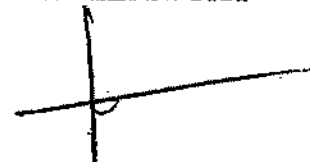
Trong suốt nhiệm kỳ 2019-2023, Ông Trần Văn Thuận đã thường xuyên phối hợp, trao đổi đầy đủ và kịp thời với các Thành viên Ban Kiểm soát nhằm thực hiện tốt kế hoạch công việc đã đề ra.

Trưởng ban Kiểm soát đã phân công công việc rõ ràng, đánh giá đúng năng lực và tạo điều kiện thuận lợi, khách quan cho các Thành viên Ban Kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát.

3. Sự phối hợp hoạt động Thành viên Ban Kiểm soát và HĐQT, Ban Điều hành:

Trong nhiệm kỳ hoạt động, Thành viên Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành theo đúng diễn biến hoạt động của Công ty. Thành viên Ban Kiểm soát đã duy trì được mối quan hệ công tác, sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Điều hành và cán bộ công nhân viên trong Công ty, được tạo điều kiện thuận lợi thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát.

**THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT**



TRẦN VĂN THUẬN

Số: 01/2023/BC-BKS

Đà Lạt, ngày 05 tháng 04 năm 2023

"V/v: Báo cáo, đánh giá hoạt động của
Thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023"

Kính gửi: - QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
- TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ

- ÷ Căn cứ Luật DN số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- ÷ Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;
- ÷ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng –Lawaco;

Thành viên Ban kiểm soát (BKS) Công ty CP Cấp thoát nước Lâm Đồng xin gửi tới quý Cổ đông và Trưởng Ban Kiểm Soát nội bộ về bản tự Báo cáo hoạt động các nhân năm 2022 của nhiệm kỳ 2018-2023 với nội dung chi tiết như sau:

Tôi tên: Vy Thị Bé – Thành viên Ban Kiểm Soát

Nhiệm kỳ 2018 - 2023

Bổ nhiệm ngày 28/04/2022 tại ĐHCĐ Công ty năm 2022

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động cá nhân trong nhiệm kỳ:

- **Về mặt tư tưởng:** mặc dù thời gian tiếp nhận công việc và nhiệm vụ được giao chưa lâu, nhưng bản thân luôn cố gắng tìm tòi, học hỏi để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, luôn đặt quyền lợi và lợi ích của các Cổ đông, lợi ích của Công ty và người lao động lên hàng đầu với mong muốn tình hình HĐSX KD của Công ty ngày càng phát triển vững mạnh.
- **Trong công việc:** làm việc theo sự phân công công việc của Trưởng Ban Kiểm Soát, bản thân luôn chủ động xây dựng phương án làm việc và thời gian phù hợp, phối hợp chặt chẽ với các Thành viên Ban Kiểm Soát, HĐQT và BĐH theo sát việc ban hành và triển khai các nghị quyết HĐQT, tham gia kiểm tra giám sát hoạt động kiểm toán nhằm đảm bảo hoạt động Công ty luôn tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và quy chế nội bộ Công ty.

Chi tiết Công việc đã triển khai cùng Ban Kiểm soát như sau:

- Tham gia cùng các Thành viên Ban Kiểm soát xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BĐH trong nhiệm kỳ hoạt động theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty Lawaco;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHCĐ thường niên.
- Tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT, BĐH về các vấn đề liên quan đến các quy trình hoạt động của công ty.

- Thẩm tra theo sự phân công của Trường Ban Kiểm Soát về các báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
- Tham vấn cho Trường Ban Kiểm Soát trong việc thực hiện các thủ tục liên quan tới công tác đại hội thường niên của ĐHCĐ Công ty và các phiên họp phát sinh thường kỳ của HĐQT.
- Cập nhật kịp thời về việc Công ty thực hiện các khuyến nghị của Ban Kiểm Soát;
- Tham gia hỗ trợ Trường Ban Kiểm Soát Công ty trong công tác lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập;
- Tham gia cùng các Thành viên Ban Kiểm Soát kiến nghị tới Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện các quy định của nhà nước liên quan tới các vấn đề về thuế và kế toán;
- Triển khai công tác soát xét BCTC hàng năm của Công ty;
- Hỗ trợ Trường Ban Kiểm Soát thông qua kết quả kiểm toán độc lập bán niên và cuối năm;
- Hỗ trợ Trường ban Kiểm soát thông qua kết quả kiểm toán độc lập bán niên và cuối năm;
- Tham gia các cuộc họp Ban Kiểm Soát định kỳ về việc tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm hoạt động của BKS;

2. Sự phối hợp hoạt động giữa các Thành viên Ban Kiểm soát:

- Trong năm 2022 cá nhân tôi đã thường xuyên phối hợp, trao đổi kịp thời với các Thành viên Ban Kiểm Soát nhằm thực hiện tốt kế hoạch và công việc được phân công;
- Trường Ban Kiểm Soát đã phân công công việc rõ ràng, quan tâm giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các Thành viên Ban Kiểm Soát thực hiện và hoàn thành tốt công tác kiểm tra, kiểm soát;

3. Sự phối hợp hoạt động Thành viên Ban Kiểm soát và HĐQT, Ban Điều hành:

- Trong nhiệm kỳ hoạt động, Thành viên Ban Kiểm Soát được cung cấp đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành theo đúng diễn biến hoạt động của Công ty. Thành viên Ban Kiểm Soát đã duy trì được mối quan hệ công tác, sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Điều Hành và cán bộ Công nhân viên trong Công ty, được tạo điều kiện thuận lợi thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát:

Trên đây là bản tự Báo cáo tóm tắt kết quả, hoạt động của bản thân tôi trong năm 2022. Kính chúc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ, thành công trên mọi phương diện, Kính chúc Quý Cổ Đông, HĐQT, BGD, BKS và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty nhiều sức khỏe và thành đạt.

Chân thành cảm ơn !
Trân trọng!

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



VY THỊ BÉ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Kính thưa Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước Lâm Đồng,

- ÷ Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco);
- ÷ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco);

Ban Kiểm soát kính trình báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

I. Thành viên và cơ cấu của BKS:

BKS hoạt động từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 gồm có: 03 thành viên

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân – Trưởng ban
- Bà Vy Thị Bé – Thành viên
- Ông Trần Văn Thuận – Thành viên

II. Các hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Xây dựng chương trình hoạt động kiểm tra; Thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS.
2. Tham dự đầy đủ và có ý kiến, báo cáo tại các cuộc họp Hội đồng quản trị (HDQT) để nắm bắt tình hình quản trị, điều hành của Lawaco; các phiên họp của BKS (tham dự trực tiếp và trực tuyến).
3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và các Nghị quyết của HDQT.
4. Giám sát việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành.
5. Giám sát hoạt động, đưa ra các ý kiến về Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022. Hàng quý thực hiện soát xét số liệu kế toán, tiền lương, thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và báo cáo quản trị Công ty.
6. Giám sát việc ban hành và thực hiện các quy chế nội bộ Công ty đã ban hành. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiến nghị các xây dựng mới các quy chế, quy trình,.. cần thiết liên quan đến quản lý nội bộ doanh nghiệp như các chính sách quản trị, hay phân cấp chức năng, quyền hạn giữa các bộ phận,.. tạo công cụ hữu ích trong công tác quản lý tại doanh nghiệp.

7. Thực hiện một số công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

8. Tổng kết các báo cáo đã thực hiện trong năm 2022:

- Xây dựng và ban hành chương trình công tác kiểm soát năm 2022 thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính; Soát xét số liệu kế toán; Báo cáo tình hình phải thu, phải trả của Công ty. Đánh giá việc thực hiện phân phối tiền lương của năm 2022.
- Thẩm định, soát xét báo cáo tài chính quý, 06 tháng, năm 2022.
- Báo cáo kết quả kiểm tra, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 so với kế hoạch đã đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022.
- Đánh giá quy trình quản lý nợ, nhờ thu, hoàn trả, nhận thông báo việc thanh toán tiền nước của khách hàng.
- Tham gia ý kiến một số nội dung đối với các Công ty liên kết: Cty CP CTN và XD Đức Trọng, Công ty CP CN và XD Di Linh.

* **Đánh giá:** Nhìn chung BKS đã hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2022 đề ra. Sau mỗi cuộc kiểm soát đều có biên bản làm việc ghi nhận tình hình hoạt động của Công ty và đề xuất các ý kiến, kiến nghị của BKS nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty.

III. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2023:

1. Nội dung:

Chương trình hoạt động của BKS tập trung vào những nội dung chính sau:

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát sự tuân thủ Điều lệ, các Quy chế và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình quản lý, điều hành và hoạt động của Lawaco.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm.
- Kiểm soát quản lý thu, chi, và các hoạt động thường xuyên của Lawaco.
- Đánh giá các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Xem xét việc ký kết hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch 2023 đã được HĐQT thông qua.
- Đánh giá việc thực hiện phân phối tiền lương, các chế độ khác liên quan đến người lao động.
- Rà soát quy trình, định mức liên quan đến các hoạt động đối với khách hàng sử dụng tiền nước, lắp đặt hệ thống mới.
- Kiểm tra việc công bố thông tin của Lawaco có được đầy đủ, trung thực và tuân thủ theo quy định của Pháp luật.
- Kiểm soát các vấn đề khác có liên quan đến nhiệm vụ của BKS.
- Theo dõi việc tổ chức thực hiện những kiến nghị của BKS đã đưa ra.

2. Tổ chức thực hiện:

- Công tác kiểm tra, kiểm soát phải thực hiện tuân thủ theo đúng Pháp luật hiện hành, Điều lệ Lawaco, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của BKS.
- Căn cứ và sự phân công trong BKS và nội dung chương trình nêu trên, từng thành viên BKS chủ động xây dựng nội dung làm việc và thời gian tiến hành cụ thể trước khi thực hiện.

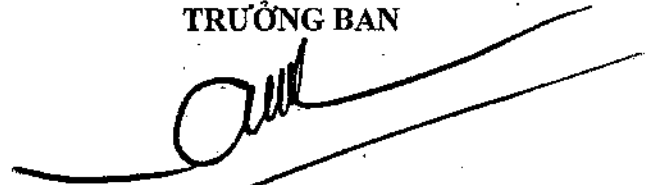
Trên đây là Báo cáo tóm tắt về tình hình hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát Lawaco, kính trình ĐHĐCĐ thường niên.

Xin kính chúc các Quý cổ đông nhiều sức khỏe và thành đạt, chúc đại hội thành công.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Hội đồng quản trị;
- Ban Điều hành;
- Lưu Thư ký, BKS.

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Mỹ Vân

Số: 07/2023/BC-BKS

Lâm Đồng, ngày 17 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG NHIỆM KỲ 2018-2023

Kính thưa Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước Lâm Đồng,

- ÷ Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco);
- ÷ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco);

BKS kính trình báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 về tổng kết nhiệm kỳ 2018 - 2023 như sau:

I. Thành viên và cơ cấu của BKS:

1. BKS hoạt động từ DIHDCĐ thường niên năm 2018 đến DIHDCĐ thường niên năm 2023 gồm có: 03 thành viên
2. Một số thay đổi
 - Ngày 08/6/2018, đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, bầu BKS gồm 03 thành viên: Nguyễn Hải Tâm, Nguyễn Mai Thanh, Nguyễn Thị Mỹ Vân.
 - Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, ngày 20/6/2019, ông Trần Văn Thuận được bầu làm thành viên BKS thay thế bà Nguyễn Mai Thanh đã gửi đơn xin rút khỏi chức danh thành viên BKS Công ty.
 - Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, ngày 09/6/2020, bà Trần Thị Thuý được bầu làm thành viên BKS, thay thế bà Nguyễn Hải Tâm đã gửi đơn xin rút khỏi chức danh thành viên BKS Công ty.
 - Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022, ngày 28/4/2022, bà Vy Thị Bé được bầu làm thành viên BKS, thay thế bà Trần Thị Thuý đã gửi đơn xin rút khỏi chức danh thành viên BKS Công ty.
3. Đến thời điểm hiện tại, danh sách thành viên Ban Kiểm soát gồm
 - Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân – Trưởng ban
 - Bà Vy Thị Bé – Thành viên
 - Ông Trần Văn Thuận – Thành viên

II. Các hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong suốt nhiệm kỳ, BKS đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ DIHDCĐ giao, cụ thể là theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS đã thực hiện với tinh thần trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong

Ban, tham gia các cuộc họp HĐQT, xây dựng kế hoạch hoạt động ngay từ đầu nhiệm kỳ, đầu năm để triển khai thực hiện.

BKS luôn giữ mối quan hệ làm việc đầy đủ, thường xuyên với HĐQT và TGD trong hoạt động kinh doanh, giám sát các hoạt động để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng pháp luật, thường xuyên trao đổi về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của BKS quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của BKS, các công việc của BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023 tham gia như sau:

- Tham gia ĐHĐCĐ thường niên của Công ty;
- Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT Công ty;
- Kiểm soát công tác tài chính kế toán, báo cáo tài chính năm và bán niên của Công ty;
- Thẩm tra định kỳ báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước.
- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các Công ty liên kết của Công ty.
- Tham gia ý kiến xây dựng quy chế quản lý, nội bộ của Công ty; Giám sát việc tuân thủ Quy chế, quy định nội bộ, Nghị quyết ĐHĐCĐ; Việc chấp hành Điều lệ Công ty.
- Phối hợp với các phòng ban chức năng thực hiện kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Các công việc khác theo chức năng và nhiệm vụ của BKS.

II. Kết quả kiểm tra giám sát:

I. Đánh giá của BKS đối với hoạt động HĐQT trong nhiệm kỳ

- Công tác quản trị được thực hiện theo đúng Pháp luật, các quy định đối với hoạt động của công ty niêm yết, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Hoạt động quản trị đảm bảo tính công khai, minh bạch và tập trung vào chiến lược kinh doanh, hướng đến mục tiêu hiệu quả.
- HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định. Các cuộc họp đều có nội dung cụ thể, được ghi biên bản và ban hành Nghị quyết.
- Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã trình ĐHĐCĐ sửa đổi kịp thời Điều lệ, một số quy chế hoạt động của Công ty, văn bản, nghị quyết, quyết định tạo cơ sở cho việc quản trị có hệ thống, tập trung và thống nhất.

2. Đánh giá của BKS đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT của Tổng Giám đốc:

- TGD đã thực hiện nhiều giải pháp tăng cường chống thất thoát giúp tỷ lệ thất thoát có xu hướng giảm, đạt hiệu quả cao. Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính thông qua việc kiểm soát chi phí, công nợ khách hàng, đạt mục tiêu của ĐHĐCD, HDQT đề ra
- Chủ động triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, với cổ đông và người lao động.
- Tổ chức hội nghị tổng kết hàng năm nhằm đánh giá đầy đủ các mặt hoạt động kinh doanh theo nghiệp vụ, đồng thời chỉ rõ những mặt hạn chế và tồn tại nhằm giải quyết tháo gỡ và khắc phục.
- Tập trung giải quyết các mặt tồn tại, hạn chế của Công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018 - 2023:

Công ty đã bám sát mục tiêu kế hoạch kinh doanh hàng năm mà ĐHĐCD đã đề ra, tập trung triển khai các giải pháp để nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm thiểu chi phí, tối đa hoá lợi nhuận.

- Một số chỉ tiêu chính:

Dvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	6TH CUỐI 2018	2019	2020	2021	2022
1	1. Doanh thu	128 066	296 274	298 062	275 586	320 212
2	Trong đó:					
3	- Nước sạch	95 410	221 321	220 469	208 323	248 625
4	- Xây dựng cơ bản	4 967	13 793	13 717	9 080	9 925
5	- Xử lý nước thải	9 415	17 752	16 325	14 467	17 829
6	- Khác	127	805	710	2 032	1 179
7	- Hoạt động tài chính	17 595	41 057	43 234	41 346	41 909
8	- Thu nhập khác	552	1 546	3 607	338	745
9	2. Lợi nhuận trước thuế	14 833	44 388	49 543	43 228	70 934
10	Trong đó:					
11	- Nước sạch	-4 297	3 115	2 989	-357	26 107
12	- Xây dựng cơ bản	-455	-527	3 075	1 374	1 663
13	- Xử lý nước thải	1 426	849	1 866	1 334	1 435
14	- Khác	139	212	252	579	317
15	- Hoạt động tài chính	17 595	41 057	43 234	41 346	41 909
16	- Hoạt động khác	425	-318	-1 873	-1 048	-497

Dvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	6TH CUỐI 2018	Thực hiện			
			2019	2020	2021	2022
1	Tổng doanh thu	128 066	296 274	298 062	275 586	320 212
2	Doanh thu sản xuất chính	109 920	253 671	251 221	233 902	277 558
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14 833	44 388	49 543	43 228	70 934
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế hoạt động SXKD chính	-3 187	3 649	8 182	2 930	29 522
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	11 794	35 286	38 649	34 458	56 674
6	Tổng quỹ lương	25 472	49 551	50 571	47 427	49 025
7	Tỷ lệ thất thoát	24,44%	22,65%	23,68%	22,04%	19,41%
8	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	0,82%	2,43%	2,58%	3,30%	3,78%

III. Nhận xét chung hoạt động của Ban Kiểm soát:

- BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Với tinh thần trách nhiệm cao, trong suốt nhiệm kỳ BKS đã hoàn thành nhiệm vụ mà các cổ đông đã tin tưởng giao cho, nhất là nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh và sử dụng vốn một cách có hiệu quả.
- Kết quả hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2018-2023 có sự nỗ lực của các thành viên và sự tin nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của HĐQT, BDH, các phòng ban tại Công ty.

IV. Định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028 của BKS:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của BKS; Chiến lược của Lawaco giai đoạn 2023-2028; Căn cứ diễn biến tình hình thực tế, trong nhiệm kỳ 2023 – 2028, BKS sẽ phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ, bao gồm các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Giám sát sự tuân thủ Điều lệ, các Quy chế và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình quản lý, điều hành và hoạt động của Lawaco. Việc thực hiện chủ trương và định hướng do HĐQT đề ra.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm.
- Kiểm soát quản lý thu, chi, và các hoạt động thường xuyên của Lawaco.

- Đánh giá các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Xem xét việc ký kết hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch trung hạn giai đoạn 2023 -2028 đã được HĐQT thông qua.
- Đánh giá việc thực hiện phân phối tiền lương, các chế độ khác liên quan đến người lao động.
- Rà soát quy trình, định mức liên quan đến các hoạt động đối với khách hàng của Công ty.
- Kiểm tra việc công bố thông tin của Lawaco có được đầy đủ, trung thực và tuân thủ theo quy định của Pháp luật.
- Kiểm soát các vấn đề khác có liên quan đến nhiệm vụ của BKS; Hoàn thành kế hoạch kiểm soát nội bộ hàng năm; Nâng cao chất lượng kiểm soát, tập trung giám sát các lĩnh vực có rủi ro cao,.. để kịp thời phát hiện các rủi ro, kịp thời cảnh báo, hạn chế tổn thất cho Công ty... đảm bảo tối đa lợi nhuận cho các cổ đông.
- Theo dõi việc tổ chức thực hiện những kiến nghị của BKS đã đưa ra.

Trên đây là Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ I năm 2018 -- 2023 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ II năm 2023 -- 2028 của BKS Lawaco, kính trình HĐQT.

Xin kính chúc các Quý cổ đông nhiều sức khỏe và thành đạt, chúc đại hội thành công.

Nơi nhận:

- HĐQT
- Hội đồng quản trị;
- Ban Điều hành;
- Lưu Thư ký, BKS.

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Mỹ Vân

BÁO CÁO

Kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Kính thưa Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước Lâm Đồng,

- ÷ Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco);
- ÷ Căn cứ tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Lawaco;
- ÷ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco);

Ban Kiểm soát kính trình báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 về kết quả kinh doanh của Lawaco; Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc năm 2022 như sau:

II. Kết quả công tác giám sát của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2022, Lawaco đã cơ bản đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định pháp luật đối với Công ty cổ phần đại chúng. Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh, việc thẩm tra các BCTC quý, BCTC bán niên; BCTC năm, soát xét số liệu, chứng từ kế toán, BKS có một số nhận xét như sau:

1/ Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Các hoạt động của Công ty vẫn đảm bảo phát triển, an toàn, bền vững và tuân thủ theo pháp luật. Việc triển khai thực hiện theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT được giám sát, đảm bảo đúng định hướng đề ra thông qua công tác giám sát, kiểm tra hàng quý do BKS thực hiện.

Công ty thực hiện tốt việc quản lý, vận hành mạng lưới phục vụ công tác cấp nước an toàn liên tục trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Công ty tập trung thực hiện các công trình xây dựng cơ bản kết hợp đồng thời với việc chỉnh trang đô thị tại địa phương, đặc biệt là công tác dò tìm, sửa ống bẻ ngầm chống thất thoát nước. Với nhiều nỗ lực, tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2022 đạt 19,41% giảm 0,59% so với kế hoạch năm, giảm 2,63% so với cùng kỳ 2021, đã góp phần mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác sản xuất, kinh doanh nước sạch: Doanh thu nước sạch năm 2022 đạt 112,59% so với kế hoạch và 119,35% so với thực hiện năm 2021.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản: trong năm đã hoàn thành 226 phiếu khoán công trình với tổng mức đầu tư là 14,565 tỷ đồng, ưu tiên nâng cấp, cải tạo các tuyến ống cấp nước tại các điểm bất lợi. Hoàn thành nhà máy nước Phát Chi đưa vào sử dụng từ tháng 07/2022, tổng giá trị đầu tư là 19,5 tỷ đồng.

Tổng tài sản cố định hữu hình tăng mới là 29,7 tỷ đồng.

Tổng giá trị tài sản cố định giảm trong năm là 503,612 tỷ đồng.

Dịch vụ thoát nước: cơ bản thực hiện tốt dịch vụ thoát nước theo đơn đặt hàng của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đã lập và ban hành nhiều biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố hóa chất, sự cố môi trường.

Bên cạnh các công tác Công ty đã thực hiện được, BKS cũng có một số kiến nghị cần lưu ý:

+ Công tác sản xuất nước sạch: tiếp tục khắc phục các điểm thiếu nguồn nước, cấp nước không liên tục tại một số nơi như: nhà máy nước Nam Ban, Bảo Lâm, Đơn Dương, và một số điểm bất lợi tại khu vực Đà Lạt. Tiếp tục triển khai ứng dụng khoa học công nghệ giúp nâng cao hiệu quả trong các hoạt động, tăng mức độ an toàn trong sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty cần phân tích, đánh giá thêm các số liệu về khách hàng, tính hiệu quả của công tác phát triển khách hàng, thay đổi phương thức, kênh kết nối trong công tác thu tiền của khách hàng, nhằm đẩy mạnh và phát huy chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển đổi số của Chính phủ.

+ Công tác xả thải: chỉ số amoni còn chưa ổn định so với tiêu chuẩn giấy phép xả thải của Bộ Tài nguyên môi trường. Công ty cần đẩy nhanh thủ tục xin chủ trương và kinh phí với các cấp có thẩm quyền và UBND tỉnh thực hiện công tác lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, thay thế thiết bị đã xuống cấp nhằm đảm bảo chất lượng nước thải liên tục theo quy định Nhà nước về môi trường.

2/ Thực hiện chế độ kế toán, BCTC và kết quả sản xuất kinh doanh:

BKS đã thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA (là đơn vị đã được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán). BKS luôn duy trì kênh thông tin hiệu quả với kiểm toán độc lập để đảm bảo giám sát được chất lượng báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính cũng như cập nhật kịp thời các kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: Đồng VN

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện		Tỷ lệ % 2022/2021
		Năm 2021	Năm 2022	
1	Tổng tài sản, trong đó:	1 460 887 159 502	1 173 257 848 106	80.31%
	+ Tài sản ngắn hạn	370 557 462 116	639 976 541 359	172.71%
	+ Tài sản dài hạn	1 090 329 697 386	533 281 306 747	48.91%
2	Nguồn vốn	1 460 887 159 502	1 173 257 848 105	80.31%
	+ Nợ phải trả	289 844 112 386	271 888 013 311	93.80%
	+ Vốn chủ sở hữu	1 171 043 047 116	901 369 834 794	76.97%
3	Vốn điều lệ	788 000 000 000	788 000 000 000	100.00%
4	Tổng doanh thu	233 902 460 940	277 558 293 179	118.66%
5	Tổng chi phí	190 674 393 896	206 624 133 015	108.36%
6	Lợi nhuận trước thuế	43 228 067 044	70 934 160 164	164.09%
7	Lợi nhuận sau thuế	34 458 390 737	56 674 027 288	164.47%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VDL (%)	4.37%	7.19%	164.47%
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	374	486	129.95%

Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Biến động
Tỷ suất LN thuần H&KD/DTT	25.74%	18.90%	6.84%
Tỷ suất GVHB/DTT	76.64%	84.00%	-7.36%
Tỷ suất Chi phí lãi vay/DTT	5.50%	7.10%	-1.60%
Tỷ suất CPBH/DTT	1.76%	2.20%	-0.44%
Tỷ suất CPQLDN/DTT	5.46%	5.40%	0.06%
Tỷ suất LNST/DTT	20.42%	14.70%	5.72%
ROE	5.47%	2.90%	2.57%

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Biến động
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	45.45%	74.63%	-29.18%
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	54.55%	25.37%	29.18%
2	Cơ cấu nguồn vốn			0.00%
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	23.17%	19.84%	3.33%
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	76.83%	80.16%	-3.33%
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	30.16%	24.74%	5.42%
3	Hệ số thanh toán			
	Hệ số thanh toán nhanh	9.12	6.12	3.00
	Hệ số thanh toán hiện hành	9.96	6.27	3.69
4	Tỷ suất lợi nhuận	Năm 2022	Năm 2021	
	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	4.30%	2.32%	1.98%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	20.42%	14.73%	5.69%
	Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	5.47%	2.91%	2.56%

Kết thúc năm 2022, tổng doanh thu của Công ty đạt 320,213 tỷ đồng, tăng 10,69% so với kế hoạch đề ra, và tăng 16,19% so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty đều tăng trưởng so với năm 2021, lần lượt tăng 64,09% và 64,47%. Sự tăng trưởng này chủ yếu từ doanh thu nước sạch tăng 19,35% so với năm 2021, chủ yếu do các ngành kinh doanh chủ lực của tỉnh Lâm Đồng từng bước phục hồi và phát triển sau dịch Covid 19.

Tổng tài sản năm 2022 giảm 19,69% so với năm 2021, do bàn giao tài sản hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung thành phố Đà Lạt cho UBND thành phố Đà Lạt, nguyên giá tại thời điểm bàn giao ngày 14/4/2022 là 503,167 tỷ đồng.

Khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả vẫn duy trì ở mức tốt.

III. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Điều hành (BDH):

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, BDH và các bộ phận quản lý của Lawaco trong năm 2022, BKS chưa thấy có dấu hiệu bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành.

1. Giám sát đối với HĐQT:

- HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo Điều lệ của Lawaco.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý, đã ban hành 07 nghị quyết và 01 quyết định trong năm 2022. Trong các kỳ họp HĐQT, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết, kịp thời định hướng, chỉ đạo các chủ trương, hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật.

- HĐQT đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông qua các cuộc họp HĐQT hàng quý và khi có yêu cầu đột xuất HĐQT/Chủ tịch HĐQT đã trao đổi trực tiếp và chất vấn các hoạt động của BDH trong việc thực hiện chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh.

2. Giám sát đối với Ban Giám đốc/Ban Điều hành:

- BDH đã thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết và quyết định của HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong BDH để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

- BDH cũng trình bày các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh và thảo luận, bản bạc trực tiếp với HĐQT để đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu mà ĐHĐCĐ thông qua.

3. Về kết quả thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, BKS xin nêu tóm lược như sau:

Chúng tôi nhất trí với báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính trong năm 2022 đã được kiểm toán. Trong đó, các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Nội dung	Năm 2022		Tỷ lệ hoàn thành
		Nghị quyết ĐHĐCĐ	Thực hiện	
1	Tổng doanh thu	289 276 000 000	320 212 860 539	110.7%
2	Doanh thu sản xuất chính	247 169 000 000	277 558 293 179	112.3%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	46 332 000 000	70 934 160 164	153.1%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	37 065 600 000	56 674 027 288	152.9%
5	Tổng quỹ lương	49 025 000 000	49 025 000 000	100.0%
6	Tỷ lệ thất thoát	20%	19.41%	Vượt KH 0,59%
7	Chia cổ tức năm 2022	>3.3% (>330 đồng/cp)	3.78%	114.5%

So sánh kết quả thực hiện với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu chính được giao: chỉ tiêu doanh thu đạt 110,7%; Lợi nhuận đạt 153%; thất thoát giảm 0,59 % so với kế hoạch 2022 và giảm 2,63% so với năm 2021. Đây là kết quả xứng đáng với những nỗ lực đến từ tập thể Công ty, đặc biệt là Lợi nhuận trước thuế đạt 70,934 tỷ đồng, vượt 53% so với kế hoạch đề ra. Kiến nghị BDH tiếp tục theo dõi tình hình, đánh giá các ảnh hưởng, đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 phù hợp với tình hình chung đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023 và cổ tức cho các cổ đông.

V. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BDH, các cán bộ quản lý và cổ đông:

1. Trong năm 2022, giữa BKS với HĐQT, BDH và các bộ phận quản lý đã cơ bản duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ của Lawaco. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và BDH được thực hiện phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

HĐQT đã kết hợp với BKS kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty để đóng góp ý kiến với BDH nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra. Các thành viên BKS đều được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, thông qua đó BKS có cơ hội trao đổi, bàn bạc trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với HĐQT, BDH với tư cách là giám sát và đại diện cổ đông.

2. Đối với cổ đông: BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Lawaco.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, BKH năm 2022 của Ban kiểm soát Lawaco, kính trình ĐHĐCĐ thường niên.

Thay mặt BKS tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, BDH, các Phòng ban chức năng có liên quan cùng Quý cổ đông đã luôn tạo điều kiện cho BKS thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Xin kính chúc các Quý cổ đông nhiều sức khỏe và thành đạt, chúc đại hội thành công.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Hội đồng quản trị;
- Ban Điều hành;
- Lưu Thư ký, BKS.

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Mỹ Vân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,

thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 27 tháng 5 năm 2023

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
SỐ 01**

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán
Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thương niên 2023 xem xét và thông qua: Báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm Toán Quốc Tế iCPA kiểm toán theo đúng các quy định hiện hành với các nội dung như sau:

Stt	Chỉ Tiêu	Số Tiền
A	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	
I	Vốn điều lệ	788.000.000.000
II	Vốn chủ sở hữu	901.369.834.794
III	Tổng tài sản	1.173.257.848.105
1	Tài sản ngắn hạn	639.976.541.359
	- Tiền và các khoản trong đương tiền	34.833.300.809
	- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	550.860.000.000
	- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	47.194.299.914
	- Hàng tồn kho	7.043.556.760
	- Tài sản ngắn hạn khác	45.383.876
2	Tài sản dài hạn	533.281.306.747
	- Các khoản phải thu dài hạn	330.000.000
	- Tài sản cố định	473.630.911.617
	- Tài sản dở dang dài hạn	748.686.373
	- Đầu tư tài chính dài hạn	38.675.252.238
	- Tài sản dài hạn khác	19.896.456.519
B	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	277.558.293.179
2	Giá vốn hàng bán	212.734.277.921

Stt	Chỉ Tiêu	Số Tiền
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.824.015.258
4	Doanh thu hoạt động tài chính	41.909.282.468
5	Chi phí tài chính	15.257.152.308
6	Chi phí bán hàng	4.892.964.529
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.152.216.196
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	71.430.964.693
9	Thu nhập khác	745.284.892
10	Chi phí khác	1.242.089.421
11	Lợi nhuận khác	(496.804.529)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.934.160.164
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.481.938.507
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(221.805.631)
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.674.027.288

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo tài chính.

(Chi tiết xem tại báo cáo tài chính)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phan Đình Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

**Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,
thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng**

MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 27 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 02

V/v thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2022

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét và thông qua: Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2022,

Báo cáo Hội đồng quản trị đã được đại diện Hội đồng quản trị trình bày chi tiết tại Đại hội, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua (chi tiết xem báo cáo của Hội đồng quản trị đính kèm).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phan Đình Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,
thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
MSTN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 27 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 03

Về việc thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2022

- Căn cứ: - Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

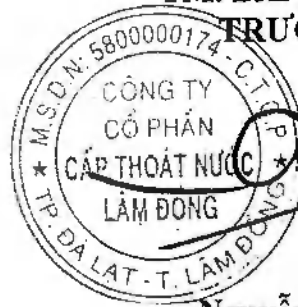
Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét và thông qua: Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2022.

Báo cáo đã được đại diện Ban kiểm soát trình bày chi tiết tại Đại hội, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(Chi tiết xem Báo cáo đính kèm).

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Mỹ Vân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,

thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 27 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 04

Về việc thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2022

- Căn cứ: - Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét và thông qua: Báo cáo của Ban kiểm soát về tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2022.

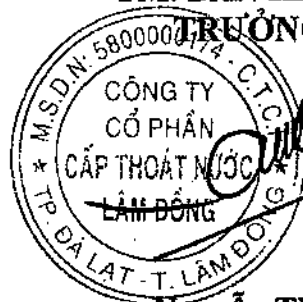
Báo cáo đã được đại diện Ban kiểm soát trình bày chi tiết tại Đại hội, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(Chi tiết xem Báo cáo đính kèm).

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Mỹ Vân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,
thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 27 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 05

Về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tiền lương, phân phối lợi nhuận và dự kiến mức cổ tức năm 2023

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét và thông qua: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tiền lương, phân phối lợi nhuận và dự kiến cổ tức năm 2023 gồm các chỉ tiêu chính như sau:

- Doanh thu tổng:	330.642.000.000 đồng
- Doanh thu sản xuất chính:	285.885.000.000 đồng
- Tổng giá trị đầu tư:	45.780.000.000 đồng
- Tỷ lệ thất thoát:	19%
- Tổng quỹ lương:	50.251.000.000 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế:	73.856.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế để phân phối:	59.084.800.000 đồng
- Cổ tức:	≥3,95% (≥395 đồng/cổ phần)

(Chi tiết được đính kèm tại phụ lục số:01/PL-ĐHĐCD-2023; phụ lục số:02/PL-ĐHĐCD-2023).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Đình Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,

thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 27 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 06

Về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023

- Căn cứ:**
- Luật Doanh nghiệp;
 - Luật Chứng khoán;
 - Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
 - Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét và thông qua: **việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023**, cụ thể như sau:

Trên cơ sở xem xét hồ sơ năng lực về Độ uy tín, chất lượng dịch vụ kiểm toán; thời gian kiểm toán đảm bảo; đơn giá dịch vụ kiểm toán cạnh tranh; kinh nghiệm kiểm toán lãnh vực ngành nước của các Công ty kiểm toán, Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng đề xuất các Công ty kiểm toán theo thông báo danh sách Công ty Kiểm toán và Kiểm toán viên được chấp thuận cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023 sau:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC. Địa chỉ: Số 01, Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội.

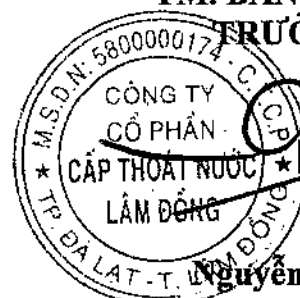
2. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế. Địa chỉ: Tầng 15 Tòa Nhà Center Building – Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội.

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Địa chỉ: Số 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông năm 2023 Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán nêu tại danh sách trên để kiểm toán cho Công ty năm tài chính 2023 theo đúng quy định của pháp luật .

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Mỹ Vân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,
thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 27 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 07

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022
và dự kiến mức phân phối lợi nhuận chia cổ tức năm 2023

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thương niên 2023 xem xét và thông qua: phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022 với nội dung như sau:

1. Phân phối lợi nhuận:

Stt	Nội Dung	Số Tiền
		<i>Đvt: đồng</i>
1	Lợi nhuận sau thuế năm nay (LNST)	56.674.027.288
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm nay	56.674.027.288
	Trong đó:	
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (2)*15% LNST	8.501.104.093
2.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)*28,93% LNST	16.394.197.153
	+ Quỹ khen thưởng (90%)	14.754.777.437
	+ Quỹ phúc lợi (10%)	1.639.419.715
2.3	Thù lao HĐQT và thành viên BKS	1.377.600.000
2.4	Trích thưởng HĐQT, BKS (TB+TV)	614.726.042
2.5	Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức (2)-(2.1)-(2.2)-(2.3)-(2.4)	29.786.400.000
3	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (%)=(2.5)/VDL	3,78

2. Đề xuất mức chi trả cổ tức, thời điểm và hình thức chia cổ tức năm 2022

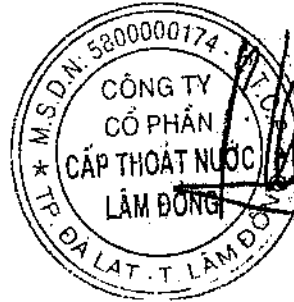
- Đề xuất mức cổ tức chi trả năm 2022: 3,78% vốn điều lệ
- Thời gian chi trả cổ tức: Dự kiến Ngày 15 tháng 07 năm 2023.
- Thực hiện việc chia cổ tức năm 2022 bằng tiền.

3. Dự kiến mức chi trả cổ tức năm 2023

- | | |
|--|--------------------------|
| - Tổng lợi nhuận trước thuế: | 73.856.000.000 đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế của hoạt động SXKD chính: | 26.368.000.000 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế để phân phối: | 59.084.800.000 đồng |
| - Cổ tức: | 3,95% (395 đồng/cổ phần) |

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phan Đình Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,
thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 27 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 08

Về việc thông qua Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2023

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thương niên 2023 xem xét và thông qua: Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2023 với nội dung như sau:

đvt: đồng

Stt	Chỉ Tiêu	Số người	Năm 2022			Kế hoạch 2023	So sánh KH 2023/TH 2022
			Kế hoạch	Thực hiện	So sánh TH/KH (%)		
I.	TIỀN THÙ LAO		1 147 200 000	1 377 600 000	120.08	1 377 600 000	100.00
1	Hội Đồng Quản Trị		960 000 000	1 152 000 000	120.00	1 152 000 000	100.00
	+ Chủ tịch	1	364 800 000	480 000 000	131.58	480 000 000	100.00
	+ Thành viên	4	595 200 000	672 000 000	112.90	672 000 000	100.00
2	Thành viên Ban Kiểm Soát	2	187 200 000	225 600 000	120.51	225 600 000	100.00
II.	TIỀN LƯƠNG		303 600 000	480 000 000	158.10	480 000 000	100.00
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	303 600 000	480 000 000	158.10	480 000 000	100.00
	Tổng (I)+(II)		1 450 800 000	1 857 600 000	128.04	1 857 600 000	100.00



Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện năm 2022 cao hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh kế hoạch năm 2021, 2022 nên thù lao của HĐQT, thành viên BKS và tiền lương của Trưởng BKS thực hiện năm 2022 được hưởng bằng mức thù lao, tiền lương kế hoạch năm 2021.

Cụ thể: Mức thù lao của Chủ tịch HĐQT là 40.000.000 đồng/tháng (số lượng: 01 người); mức thù lao của thành viên HĐQT là 12.000.000 đồng/tháng (số lượng: 04

người); mức thù lao của thành viên BKS là 9.400.000 đồng/tháng (số lượng: 02 người); mức lương của Trưởng BKS là 40.000.000 đồng/tháng (số lượng: 01 người).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Đình Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

**Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,
thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
MSDN: 5800000174**

Thành phố Đà Lạt, ngày 27 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 09

V/v xin bổ sung thêm ngành nghề

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

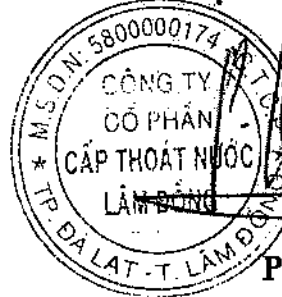
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét và thông qua việc bổ sung ngành nghề mới cho Công ty cụ thể là nghề : Thử nghiệm Hóa, Thử nghiệm sinh.

Đây là ngành nghề đang phục vụ cho công tác Kiểm nghiệm chất lượng nước của Công ty, vì vậy nếu được đăng ký hoạt động sẽ giúp tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty (xem phụ lục 03 đính kèm).

Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, xin được ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc điều chỉnh trong Điều lệ của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Đình Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,
thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 27 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 10

V/v Điều chỉnh Điều lệ

Căn cứ:

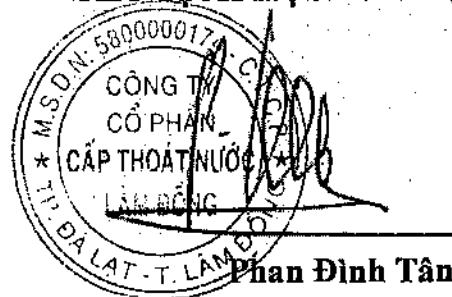
- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét và thông qua việc sửa đổi Điều lệ lần thứ 2 của Công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng.

Lý do: Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2022 có sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 148 có liên quan đến Điều 20, Điều lệ công ty và khoản 2 Điều 158 có liên quan đến Điều 22, Điều lệ của Công ty (chi tiết xem Phụ lục 04 đính kèm).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Đình Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,

thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 27 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 11

Về việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ I và bầu lại Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II

- Căn cứ: - Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;

Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ I được Đại hội đồng cổ đông bầu vào ngày 8/6/2018 đến nay đã được 05 năm.

Căn cứ Điều 25, Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét miễn nhiệm Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ I và cho bầu lại Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II

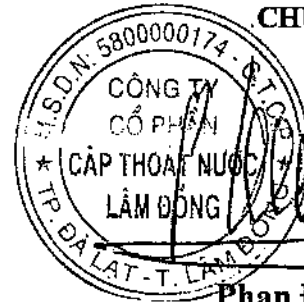
Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là: 05 người

Số lượng Kiểm soát viên là: 03 người.

Thời gian của nhiệm kỳ II là: từ năm 2023 đến năm 2028

Trân trọng kính trình!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Đình Tân

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023

Phần I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Căn cứ vào Kế hoạch Sản xuất kinh doanh và Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 đã được thông qua tại Nghị quyết số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Chức năng, nhiệm vụ chính vẫn là sản xuất và tiêu thụ nước sạch tại thành phố Đà Lạt và 06 huyện: Đơn Dương, Lâm Hà, Đạ Rông, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Bảo Lâm, và vận hành thu gom xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

Tính đến thời điểm hiện tại (31/12/2022) tổng số lao động của Công ty là 368 lao động gồm 268 nam, 100 nữ.

Trong năm 2022 có 13 trường hợp ký hợp đồng mới, 16 trường hợp ký lại hợp đồng; hợp đồng lao động xác định thời hạn: 22 trường hợp, hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 346 trường hợp.

Lao động nghỉ hưu, hết tuổi lao động: 04 trường hợp.

Lao động mất: 01 trường hợp.

Lao động nghỉ việc: 09 trường hợp.

Quyết định điều động nhân sự: 14 trường hợp.

Quyết định bổ nhiệm nhân sự: 2 trường hợp.

Tiền lương bình quân năm 2022 là 11.102.000 đồng/ người/tháng.

Trong năm, Công ty đã tiếp 02 đoàn thanh tra của Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng.

I. Thuận lợi

Công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty đã chủ động hơn, vai trò Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty phát huy hiệu quả và năng động trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ("SXKD").

Vẫn tiếp tục duy trì phối hợp nhịp nhàng qua các kênh thông tin mạng, góp phần cho dịch vụ cung cấp khách hàng ngày càng nhanh chóng và kịp thời.

Nền kinh tế cả nước nói chung cũng như tỉnh Lâm Đồng có nhiều chuyển biến tích cực, một số ngành nghề kinh doanh chủ lực của tỉnh Lâm Đồng từng bước dần hồi phục và phát

triển đặc biệt ngành du lịch có những bước phát triển mạnh mẽ trong thời gian qua dẫn tới doanh thu nước sạch đối với các đơn vị, cơ sở kinh doanh, dịch vụ tăng đáng kể.

Nhà máy nước Phát Chi xã Trạm Hành đã hoàn thành và đưa vào vận hành trong tháng 07 năm 2022 đảm bảo cung cấp nước sạch, ổn định cho người dân tại địa bàn Trại Mát -Phường 11, xã Xuân Thọ, xã Xuân Trường, xã Trạm Hành.

Nguồn cung cấp nước sạch cho thành phố Đà Lạt dần ổn định nên Công ty đã luôn đảm bảo nhu cầu dùng nước sạch của khách hàng trên địa bàn thành phố Đà Lạt, đặc biệt là vào các dịp Lễ, Tết ...

Tinh thần đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ, công khai của toàn thể cán bộ công nhân viên cũng là một thuận lợi để cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của Công ty đạt kết quả tốt.

2. Khó khăn

Công ty hiện đang quản lý tất cả các nhà máy nước của các huyện, địa bàn quản lý rộng, phân tán nhưng qui mô các nhà máy lại không lớn, hiệu quả kinh doanh của các nhà máy các huyện không cao.

Địa bàn cấp nước rộng không đều. Hệ thống mạng lưới phân phối cấp nước lắp đặt qua nhiều giai đoạn, sử dụng lâu năm đã cũ mục.

Thành phố Đà Lạt và các huyện cải tạo nâng cấp nhiều tuyến đường giao thông gây bê vỡ nên việc khắc phục sự cố bê vỡ giảm tỷ lệ thất thoát của các đơn vị còn gặp nhiều khó khăn.

Nguồn nước phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. Các trạm cấp nước thường xuyên xảy ra thiếu nước vào mùa khô như: Trạm cấp nước Đ'ran, Trạm cấp nước Đạm Ri; Trữ lượng nước ngầm của các trạm tại NMN Bảo Lâm đã cạn dần và xảy ra hiện tượng thiếu nước. Chất lượng nước hồ hồ Đankia, hồ Đa Thiện, hồ Dalyon ngày càng suy giảm, độ đục, mùi tăng cao, gây khó khăn trong khâu xử lý nước và tiêu hao nhiều hóa chất.

Lượng khách hàng tăng, nhu cầu sử dụng nước tăng trong khi hệ thống đường ống cấp còn bất cập như cũ, mục gây bê vỡ... đã ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ gây tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Nhu cầu dùng nước của khách hàng không ổn định theo khu vực và theo thời điểm, gây khó khăn trong công tác điều hành sản xuất nước sạch và đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về khai thác và sử dụng nguồn nước. Theo Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012, Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020, và Nghị định số 04/2022-NĐ-CP ngày 06/1/2022 khi chưa điều chỉnh giấy phép khai thác mà tự ý khai thác vượt công suất hoặc công suất khai thác không đạt 70% lưu lượng khai thác cho phép thì sẽ bị xử phạt vi phạm và buộc phải nộp lại số lợi bất hợp pháp.

Một số vị trí đất Công ty đã được chấp thuận cho thuê trước khi cổ phần hoá nhưng đến nay vẫn chưa được thuê đất như: Vị trí đất sử dụng làm giếng khoan số 2,3,4,6 của Nhà máy nước Bảo Lâm tại thị trấn Lộc Thắng huyện Bảo Lâm; vị trí đất sử dụng làm trạm thu nước thô Nhà máy nước Nam Ban tại Đông Thanh huyện Lâm Hà. Vị trí đất rừng Công ty đã được thuê từ năm 2009 để xây dựng Nhà máy nước Đa Thiện nhưng đất nay vẫn chưa thể chuyển mục đích sử dụng đất. Những tồn tại này gây khó khăn trong công tác quản lý và sử dụng đất của Công ty và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công tác xin phép đào đường, vỉa hè gặp nhiều khó khăn đặc biệt 03 tháng cuối năm do Thành phố Đà Lạt tổ chức Festival 2022 dẫn tới hạn chế việc cấp phép đã ảnh hưởng việc triển khai các công trình XD CB. Ngoài ra, một số tuyến đường thuộc quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lâm Đồng nên thủ tục xin phép đào đường khó khăn, kéo dài.

Tình trạng không sử dụng dịch vụ cấp nước của khách hàng ngày càng gia tăng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác sản xuất nước:

- Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ TH/KH (%)	Thực hiện năm 2021	Thực hiện 2022/2021 (%)
1	Nước sản xuất	1.000m ³	22.775	24.594	107,99	22.385	109,87
1.1	- Nước Công ty SX	1.000m ³	10.730	13.020	121,34	12.619	103,18
1.2	- Mua nước SG-DanKia	1.000m ³	10.585	10.190	96,27	9.467	107,64
1.3	- Mua nước Tuyền Lâm	1.000m ³	1.460	1.384	94,79	-	-
2	Nước ghi thu	1.000m ³	18.313	19.820	108,23	17.451	113,57
3	Tỷ lệ thất thoát	%	20	19,41	-0,59	22,04	-2,63
4	Phát triển khách hàng	hộ	3.430	4.190	122,16	4.590	91,29
5	Tổng doanh thu	Tr.đ	289.276	320.212	110,69	275.586	116,19
5.1	DT hoạt động SX công nghiệp	Tr.đ	247.169	277.558	112,29	233.902	118,66
	- Kinh doanh nước sạch	Tr.đ	220.822	248.625	112,59	208.323	119,35
	- Xây dựng cơ bản, lắp đặt HTCN	Tr.đ	9.352	9.925	106,13	9.080	109,31
	- Xử lý nước thải	Tr.đ	14.901	17.829	119,65	14.467	123,24
	- Khác (Thuê bao + khác)	Tr.đ	2.094	1.179	56,33	2.032	58,03
5.2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	41.759	41.909	100,36	41.346	101,36
5.3	Doanh thu hoạt động khác	Tr.đ	348	745	214,00	338	220,41
6	Giá bán bình quân	đ/m ³	12.058	12.544	104,03	11.938	105,08
7	Thu nhập bình quân	Tr.đ		12.647		10.596	119,36
8	Tổng số lao động	Người		368		369	99,73
9	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	46.332	70.934	153,10	43.228	164,09

*Ghi chú:

- Doanh thu SXCN, giá bán bình quân được tính trước thuế.

- Giá trị sản xuất công nghiệp của các đơn vị được thể hiện trong Phụ lục.1 đính kèm.

2. Công tác quản lý, điều hành sản xuất nước

- Công tác điều mạng lưới: Đã đảm bảo công tác điều hành mạng lưới cấp nước sạch cho thành phố Đà Lạt, đặc biệt vào các dịp Lễ, Tết ... Tiếp nhận thông tin 24/24 giờ nhằm kiểm tra, kiểm soát tình hình chất lượng dịch vụ, nước đục, nước yếu, bể ống ... theo yêu cầu của khách hàng: 1.269 vụ, thực hiện đóng mở nước cho công tác thi công sửa chữa rất kịp thời: 1.410, phối hợp niêm chì TLK sau khi khắc phục sự cố: 542 vụ,

ống bể, rò rỉ: 220 vụ. Cụ thể số vụ ống bể, rò rỉ tiếp nhận đã chuyển xử lý năm 2022 toàn Công ty: 4.711 vụ với lượng nước thất thoát ghi nhận được: 157.276 m³. Thường xuyên kiểm tra, đề xuất cải tạo hệ thống cấp nước tại các khu vực nước yếu, điểm bất lợi, đường ống cũ mục.

- Scada và các thiết bị trên hệ thống: Thiết lập DMA toàn Công ty và truyền dữ liệu về hệ thống SCADA. Kiểm tra báo cáo các thiết bị Scada, Camera giám sát, hệ thống điện lưới, trụ công, van điều khiển các bể chứa; Kiểm tra định kỳ, khắc phục sửa lỗi 24/24 các vấn đề về tín hiệu đường truyền và liên quan đến máy chủ Scada.

- Công tác Kỹ thuật: Công tác thẩm định hồ sơ XD/CB hoàn thành đúng theo tiến độ và quy định. Các công trình thi công đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động, kịp thời lập biên bản xử lý kỹ thuật khi phát sinh các vấn đề trong quá trình thi công. Tuy nhiên, các công trình đã có phiếu giao việc còn bị chậm tiến độ do công tác xin cấp phép đào đường, vỉa hè gặp nhiều khó khăn đặc biệt trong thời gian gần đây khi chuẩn bị diễn ra Festival 2022 nên việc xin cấp phép càng khó khăn hơn.

- Công tác vận hành: Thường xuyên kiểm tra lập biên bản các sự cố về máy móc thiết bị, giám sát công tác bảo trì bảo dưỡng tại NMN Đà Lạt, Xi nghiệp Quản lý Nước thải và các NMN đơn vị huyện: Hầu hết đã thực hiện tốt, bảo đảm cấp nước an toàn và liên tục. Thường xuyên phối hợp với phòng Kỹ Thuật trong việc điều hành sản xuất cung cấp nước sạch đầy đủ về sản lượng, chất lượng cho thành phố Đà Lạt và các nhà máy huyện. Trong sản xuất, các nhà máy luôn đề cao đến vấn đề chất lượng, tuân thủ các quy trình kiểm tra chất lượng nước thành phẩm theo quy định của Công ty và Bộ Y Tế. Nguyên nhiên liệu trong sản xuất được sử dụng hợp lý, không lãng phí.

- Công nghệ thông tin: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị kịp thời; khắc phục các sự cố tại văn phòng Công ty. Phối hợp với các đối tác chỉnh sửa, khắc phục sự cố các phần mềm Công ty đang áp dụng, cập nhật dữ liệu hàng ngày. Đăng bài trên website Công ty khi các phòng ban cung cấp.

3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm nước

Công tác kiểm tra chất lượng nước sạch được thực hiện thường xuyên tại các nhà máy xử lý nước với 3 chỉ tiêu cơ bản (độ đục, pH, Clo dư) đạt tiêu chuẩn trước khi đưa vào mạng phân phối.

Trong năm 2022 công tác phân tích nước cấp và nước thải tại thành phố Đà Lạt cũng như các huyện đều đảm bảo theo quy định ban hành. Nhìn chung, chất lượng nước cung cấp đảm bảo theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam.

Đã công bố sản phẩm hợp quy của tất cả các nhà máy.

Kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước trong kỳ báo cáo gồm các mẫu như sau:

Phối hợp lấy mẫu cùng CDC: 15 mẫu;

Phân tích chỉ tiêu nhóm A: 871 mẫu;

Phân tích nhóm chỉ tiêu nhóm B: 89 mẫu;

Phân tích mẫu đột xuất: 3 mẫu;

Phân tích mẫu nước thải: 2.691 mẫu;

Phân tích mẫu nước Bệnh viện Đa khoa: 490 mẫu.

4. Công tác quản lý chất lượng dịch vụ, thất thoát, thất thu:

4.1 Dò tìm rò rỉ- Chống thất thoát:

Trong năm 2022, Phòng Kỹ thuật đã thực hiện tốt công tác chống thất thoát tại khu vực trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Lắp đặt, cấu hình các cụm DMA phục vụ công tác chống thất thoát; Sử dụng thiết bị nghe dò tìm các tuyến đường kiểm tra bể vỡ, rò rỉ và báo cho Xí nghiệp Xây lắp sửa chữa. Tỷ lệ thất thoát năm 2022 toàn Công ty ở mức 19,41% giảm 0,59% so với kế hoạch năm, và giảm 2,63% so với cùng kỳ 2021 là nỗ lực lớn trong năm của toàn bộ các bộ phận, nhà máy tại Công ty (Thể hiện rõ tại Khu vực Đà Lạt 18,62%; NMN Đam Rông 11,70%). Tuy nhiên, tại các Nhà máy khác vẫn cao hơn rất nhiều so với Kế hoạch năm đề ra. (NMN Đơn Dương 19,09%; NMN Lâm Hà 23,35%; NMN Bảo Lâm 28,89% ; NMN Đa Tềh 24,15%; NMN Đa Huoai 33,46% ...), và đây là vấn đề cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị và phòng ban để tìm ra biện pháp hạn chế và hạ tỷ lệ thất thoát xuống như kế hoạch đề ra.

4.2 Công tác Ghi thu:

Ghi thu đúng phiên lộ trình, đảm bảo ghi đúng, đủ, phản ánh kịp thời các dấu hiệu bất thường trên hệ thống, tuy nhiên vẫn còn trường hợp ghi phóng, lố, chủ yếu do nhiều yếu tố khác nhau. Phối hợp kiểm soát chỉ số với Thủy lượng kế trong các quá trình xúc rửa, thay thế và đối chứng đồng hồ trên địa bàn. Tiếp nhận thông tin qua nhiều kênh Zalo, bộ phận một cửa, Đội Kiểm tra quy chế, ... nhanh chóng chuyển các đơn vị có liên quan xử lý kịp thời. Thực hiện in thông báo và ngưng dịch vụ theo đúng quy định đối với các trường hợp nợ khó đòi hoặc không dùng nước nhiều kỳ.

Chương trình ghi thu Wasspro Mobile App đã tổng hợp, thống kê số liệu nhanh chóng, nhiều bộ phận liên quan đều có thể truy cập khai thác dữ liệu cần thiết, các chương trình quản lý sử dụng hoá đơn điện tử, mở rộng các kênh thu tiền phi truyền thống ... đã tác động và góp phần hiệu quả đến công nợ tiền nước khách hàng.

Tiếp tục giới thiệu đến khách hàng các phương thức thanh toán tiền nước không dùng sử dụng tiền mặt. Tuy nhiên, tỷ lệ khách hàng thanh toán tiền nước không sử dụng tiền mặt còn thấp so với tổng số phát triển khách hàng. Công tác nhờ thu năm 2022 toàn Công ty khoảng 41.24% theo giá trị tiền. Công tác ghi thu đồng thời (ghi thu 1 lần) toàn Công ty năm 2022 khoảng 20,75% theo hóa đơn và 30,16% theo giá trị tiền.

5. Công tác quản lý Thủy lượng kế:

Thực hiện kiểm định ban đầu, định kỳ, đột xuất TLK có đường kính bằng hoặc dưới 50mm, niêm chì N64 do Tổng cục đo lường chất lượng cấp theo quy định hiện hành. Theo kế hoạch kiểm định giao khoán cho Xí nghiệp TLK năm 2022: 17.563 TLK. Công tác kiểm định TLK, năm 2022 Xí nghiệp đã thực hiện kiểm định 18.049 cái. Đạt 102,77 % cụ thể như sau:

- Kiểm định định kỳ:	18.049 cái.
- Công tác đột xuất:	2.098 cái.
+ Nâng đời TLK theo yêu cầu:	20 cái.
+ Bồi hoàn TLK:	77 cái.
+ Kiểm định khách hàng yêu cầu:	229 cái.
- Sửa chữa tại chỗ (Không thu phí):	1.772 cái.

Xác định tiêu chuẩn TLK phù hợp với từng nhà máy, hệ thống để có kế hoạch tham mưu đề xuất Giám Đốc Công ty trang bị.

Quản lý, bảo trì, bảo dưỡng hệ DMA trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

6. Công tác Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước:

6.1 Công tác sửa chữa mạng lưới cấp nước, khắc phục sự cố bể vỡ và chống thất thoát:

Sửa chữa 100% kịp thời các vụ ồng bể và dò rò rỉ chảy ngầm. Các vụ ồng bể đảm bảo thời gian khắc phục theo qui định của Công ty ≤ 24 giờ kể cả ngày chủ nhật. Thi công theo đúng thiết kế, đảm bảo thời gian theo quy định của Công ty là ≤ 4 ngày làm việc. Tổng số vụ sửa chữa và thông tắc là 3.774 vụ trong đó khắc phục ồng cấp nước là 3.436 vụ, thoát nước là 334 vụ, lập chiết tính sửa chữa là 1.482 vụ theo quy trình của Cty, với tổng lượng nước thất thoát: 7.770m³. Tổng số vụ cắt nước theo đề xuất của đội KTQC được ban Điều hành phê duyệt là 254 hộ. Phối hợp Phòng Kỹ thuật lắp DMA khu vực Thái Phiên, Khu vực van trích Ngã 5 và khu vực Ba Tháng Tư, thi công các tuyến có tỉ lệ thất thoát cao như: D300-D200 đường Hồ Xuân Hương, Cải tạo sang hệ Lý Thường Kiệt.

6.2 Thi công chiết tính (“CT”) ồng nhánh khách hàng tại Xí nghiệp:

- Chiết tính khách hàng theo Nghị định 117-CP: 2.456 CT, với giá trị: 3,69 tỷ đồng.
- Chiết tính theo thỏa thuận khách hàng: 3.104 CT, với tổng giá trị: 3,95 tỷ đồng.
- Chiết tính sửa chữa hệ thống thoát nước: 41 CT với tổng giá trị 221 triệu đồng.

6.3 Công tác xây dựng cơ bản:

Tổng số Phiếu giao việc và Phiếu khoán XN nhận và ký kết với Công ty thi công là 226 công trình, chuyển tiếp từ năm 2021 là 11 công trình, tổng cộng là 237 công trình. Trong đó đã thi công hoàn thành 214/237 Hạng mục/Công trình.

7. Công tác tiếp nhận đơn và Tư vấn phát triển dịch vụ khách hàng

7.1 Công tác tiếp nhận đơn và điều chỉnh hợp đồng:

Tiếp nhận đơn khách hàng tại Bộ phận một cửa trong năm 2022: 3.565 đơn.

Trong đó: Đơn lắp đặt mới HT cấp nước: 2.826 đơn; Lắp đặt mới hệ thống thoát: 75 đơn và các đơn khác như: Cải tạo, di dời, mở nước, ngưng nước, khác ...: 664 đơn.

Ký kết hợp đồng: 2.667 hợp đồng (Hợp đồng cấp nước: 2.616 hợp đồng; Hợp đồng thoát nước: 51 hợp đồng).

Tiếp nhận và điều chỉnh hồ sơ Hợp đồng: 1.965 hồ sơ.

Scan hồ sơ khách hàng: 17.830 hồ sơ.

Công tác lập hồ sơ xin phép đào đường: 118 hạng mục công trình.

7.2 Công tác Tư vấn phát triển dịch vụ khách hàng:

- Thực hiện khảo sát thiết kế các công trình cấp thoát nước phục vụ sản xuất kinh doanh công ty và nhu cầu đầu nối cấp thoát nước dịch vụ cho khách hàng, đây được xem là nhiệm vụ chính của Xí nghiệp Tư vấn, hao tổn nhân lực nhiều, nhưng doanh thu thì quá ít. Tư vấn thiết kế phát triển khách hàng cấp thoát nước theo đúng quy trình của Công ty (về thời gian và chất lượng hồ sơ) với phương châm phục vụ khách hàng tốt nhất, tạo uy tín của Công ty đối với khách hàng khi có nhu cầu lắp đặt hệ thống cấp nước và đầu nối nước thải.

- Thực hiện khảo sát thiết kế các hạng mục xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn theo kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.

- Thực hiện tư vấn các công trình khác, các hạng mục sửa chữa khi Công ty yêu cầu.

- Giám sát thi công xây dựng NMN Phát Chi.

Số đơn Xí nghiệp Tư vấn đã thực hiện trong năm 2022 là 3.694 đơn lắp đặt HT cấp nước và 87 đơn đầu nối nước thải (Bao gồm cả đơn mang sang từ năm 2021). Tổng Doanh thu từ dịch vụ khách hàng trong năm: 10.828 triệu đồng.

+ Doanh thu từ DVKH cấp nước: 10.552 triệu đồng.

+ Doanh thu từ DVKH thoát nước: 276 triệu đồng.

7.3 Công tác Khảo sát thiết kế công trình XDCB và Sửa chữa lớn:

- Các hạng mục Đầu tư mới và sửa chữa lớn theo kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty:

+ Hồ sơ xây dựng cơ bản: 30 hạng mục đạt 91% kế hoạch.

+ Hồ sơ sửa chữa lớn: 51 hạng mục đạt 100%.

- Ngoài ra, Xí nghiệp Tư vấn còn phối hợp thực hiện các công trình phát sinh khác, các hạng mục sửa chữa, phòng chống thất thoát khí Công ty yêu cầu: 60 hạng mục; Hồ sơ cấp nước khác: 21 hạng mục.

8. Công tác kiểm tra quy chế (“KTQC”)

Tổng số khách hàng được kiểm tra năm 2022 là: 15.441 hộ.

Số hộ được lập biên bản là: 6.985 hộ, đã xử lý được 6.931 biên bản. Số hộ được kiểm tra nhưng không lập biên bản là: 8.456 hộ (*chỉ, hệ thống tốt, chỉ sử dụng nước sinh hoạt, kiểm tra khách hàng không dùng*).

- Số biên bản niêm chỉ và truy thu: 471 biên bản, với m³ nước truy thu: 4.817 m³, giá trị truy thu: 82,53 triệu đồng.

- Giải quyết đơn thư kiến nghị của khách hàng (“KH”) gửi Công ty: 142 đơn.

- Biên bản bể vỡ hệ thống cấp thoát nước và khác: 1.784 vụ.

- Đề xuất xử lý: 189 khách hàng (*Cắt nước đầu nguồn, khác*).

- Kiểm tra khách hàng không dùng nước: 4.424 khách hàng (*Trong đó: Vẫn sử dụng: 4.047 khách hàng; Thanh lý hợp đồng: 258 khách hàng; Cắt nước đầu nguồn: 119 khách hàng*).

- Xác minh khác: 8.431 khách hàng

9. Công tác xử lý nước thải:

Công tác quản lý vận hành: Quản lý vận hành tất cả các công đoạn xử lý nước thải; Thực hiện công tác vệ sinh định kỳ các bể (lắng, lắng cát, lọc...), song chắn rác, hầm bơm, trạm bơm; Vận hành 14 trạm nâng và 1 trạm bơm chính; Kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa bơm, máy móc thiết bị hỏng đột xuất và theo kế hoạch.

Công tác xử lý nước thải: Năm 2022 đã bàn giao Tài sản cố định và thực hiện Hợp đồng với Trung tâm Quản lý đầu tư và khai thác công trình Thủy lợi Đà Lạt; Đã thanh quyết toán kinh phí vận hành hệ thống xử lý nước thải Quý 1, 2, 3 và đang hoàn tất hồ sơ để thanh quyết toán Quý 4/2022; Thực hiện xử lý bùn tự hoại của các xe hút hầm cầu, vận hành trạm bơm bệnh viện, lò mổ ...

Kết quả hệ thống thu gom xử lý nước thải với lưu lượng bình quân 8.582m³/ngày đêm và tổng lượng nước thải đã xử lý 3.132.497 m³, đạt 119,20% so với kế hoạch năm (2.628.000 m³).

Doanh thu dịch vụ xử lý nước thải đạt: 17.829 triệu đồng;

Lợi nhuận hoạt động xử lý nước thải: 1.435 triệu đồng.

III. CÔNG TÁC THI CÔNG ỒNG DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG VÀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN (“XDCB”)

1. Thi công chiết tính (“CT”) ống nhánh khách hàng toàn Công ty:

- Số lượng chiết tính Phát triển khách hàng theo Nghị định 117-CP: 2.863 CT. Giá trị: 4.027 triệu đồng;

- Số lượng chiết tính Phát triển khách hàng theo thỏa thuận với Khách hàng: 3.674 CT. Giá trị: 7.798 triệu đồng;

- Số lượng chiết tính sửa chữa hệ thống cấp nước: 1.687 CT. Giá trị: 1.634 triệu đồng;

- Số lượng chiết tính lắp đặt hệ thống thoát nước: 41 CT. Giá trị: 221 triệu đồng.

2. Thực hiện các Công trình đầu tư XD/CB, cụ thể như sau:

2.1. Công trình XD/CB chuyển tiếp từ năm 2021 chuyển sang, trong đó:

- Hoàn thành công trình trọng điểm là Xây dựng Nhà máy nước Phát Chi – xã Trạm Hành: Hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 28/06/2022 đảm bảo cung cấp nước sạch, ổn định cho người dân tại địa bàn Trại Mát -Phường 11, xã Xuân Thọ, xã Xuân Trường, xã Trạm Hành. Giá trị quyết toán là: 12.139 triệu đồng;

- Các hạng mục công trình khác triển khai thực hiện theo hình thức Phiếu khoán công trình cho các Đơn vị thành viên trực thuộc Công ty thực hiện, gồm: 29 PK với tổng giá trị dự toán là 2.373 triệu đồng.

+ Đã Quyết toán 24 PK với tổng giá trị quyết toán là 1.217 triệu đồng.

+ Còn 04 PK chưa quyết toán với giá trị là 900 triệu đồng (chuyển 2023)

+ Không thực hiện 01 PK với giá trị dự toán là 256 triệu đồng (*BD BTX*).

2.2. Hạng mục công trình XD/CB đầu tư năm 2022:

- Thực hiện theo hình thức Phiếu khoán công trình cho các Đơn vị thành viên trực thuộc Công ty thực hiện là: 226 PK với tổng giá trị dự toán 18.552 triệu đồng, trong đó:

+ Quyết toán 203 PK, giá trị QT 13.348 triệu đồng.

+ Còn 22 PK chưa quyết toán với giá trị là 4.374 triệu đồng (chuyển 2023)

+ Không thực hiện 01 PK, giá trị dự toán 105 triệu đồng (*cải tạo trụ CH Bảo Lâm*).

2.3. Các công trình từ nguồn vốn bên ngoài do khách hàng thanh toán

- Triển khai thực hiện là: 10 PK với tổng giá trị dự toán: 1.138 triệu đồng;

- Đã quyết toán: 8 CT, giá trị QT: 431 triệu đồng;

IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÔNG TY 2022 VÀ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC:

Năm 2022, Công ty đã tiếp đoàn thanh tra của Sở TN&MT, thanh tra về việc chấp hành các quy định của Luật Tài nguyên nước, Luật Đất đai. Ủy ban nhân dân tỉnh đã được ra kết luận thanh tra số 5951/UBND-MT ngày 10 tháng 8 năm 2022. Công ty đã thực hiện khắc phục những tồn tại theo kết luận thanh tra và đã gửi Văn bản số 293/CV-CTN ngày 28/9/2022, báo cáo khắc phục những tồn tại theo kết luận thanh tra đến Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Lâm Đồng.

1. Quản lý sử dụng đất:

- Tất cả các vị trí đất Công ty được cho thuê đã chuyển tên thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

- Vị trí đất đã được thuê nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) bao gồm 13 vị trí, trong đó: tại Đà Lạt có 4 vị trí; Lạc Dương: 01 vị trí; Lâm Hà: 01 vị trí; Bảo Lâm: 3 vị trí; Dạ Têh: 03 vị trí; Đơn Dương: 01 vị trí. Công ty đã gửi hồ sơ xin cấp GCN QSDĐ đến Sở TN&MT tỉnh Lâm Đồng.

Đề xuất: Phòng KH-KD tiếp tục liên hệ và phối hợp cơ quan chức năng có liên quan để hoàn thành xin cấp GCN QSDĐ.

- Vị trí đất cần chuyển sang thuê đất: Tất cả các vị trí đất trước đây Công ty sử dụng dưới hình thức được giao đất hoặc nhận chuyển nhượng đều đã được chuyển sang thuê đất.

- Vị trí đất cần lập hồ sơ thuê đất:

Gồm có 05 vị trí: Giếng số 02, 03, 04, 06 – NMN Bảo Lâm và vị trí công trình thu nước thô – NMN Nam Ban.

+ Tại Bảo Lâm: Công ty tham gia cuộc họp vào ngày 03/8/2022 theo giấy mời số 3265/GM-TNMT của Phòng TN&MT huyện Bảo Lâm cùng với sự hỗ trợ của Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Bảo Lâm để kiểm tra, xác minh hiện trạng, ranh giới thuê đất các vị trí giếng số 2,3,4,6. Cuộc họp thống nhất sau khi có kết quả của Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Bảo Lâm thì Phòng TN&MT huyện sẽ trả lời cụ thể về quy hoạch cũng như nguồn gốc của các vị trí đất trên. Tuy nhiên, đến nay Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi của Phòng TN&MT huyện Bảo Lâm. Công ty đã chủ động liên hệ Phòng TN&MT huyện Bảo Lâm nhưng vẫn chưa nhận được kết luận.

+ Vị trí đất tại Đông Thanh - Lâm Hà: Công ty đã phối hợp đơn vị đo đạc, đo vẽ lại hiện trạng lô đất. Tuy nhiên, vị trí đất trên bản vẽ hiện trạng và vị trí đất trên bản đồ được chấp thuận có sự sai lệch dù ranh giới ngoài thực địa là cùng 1 vị trí. Công ty đã gửi Văn bản đến UBND huyện Lâm Hà để được hỗ trợ xác định làm rõ.

Đề xuất: Phòng KH-KD phối hợp các nhà máy nước thành viên tiếp tục thực hiện các thủ tục xin thuê đất tại Lộc Thắng - Bảo Lâm và Đông Thanh - Lâm Hà.

2. Lĩnh vực Môi trường, Tài nguyên nước

- Giấy phép khai thác Tài nguyên nước:

Tất cả các nhà máy sản xuất nước sạch trực thuộc Công ty đều đã được UBND tỉnh Lâm Đồng cấp phép khai thác, sử dụng Tài nguyên nước. Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện gia hạn và điều chỉnh các giấy phép khai thác nước tại trạm cấp nước Đ'ran – Nhà máy nước Đơn Dương, nhà máy nước Đankia – Nhà máy nước Đà Lạt; Xin cấp mới giấy phép khai thác cho Nhà máy nước Hồ Than Thở - Nhà máy nước Đà Lạt;

Hoàn thành hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác đối với 10 công trình khai thác nước; đã nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác đối với công trình Nhà máy nước Phát Chi và Nhà máy nước Hồ Than Thở.

- Giấy phép Môi trường:

Theo Điều 39 Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14, các nhà máy sản xuất nước sạch trực thuộc Công ty là đối tượng phải được cấp giấy phép môi trường. Công ty hiện có 13 nhà máy trực thuộc đang hoạt động cần phải lập hồ sơ xin cấp phép môi trường. Công ty đã tiến hành lập hồ sơ xin cấp phép môi trường cho Nhà máy nước Phát Chi và Nhà máy nước Than Thở. Hồ sơ cấp xin cấp phép môi trường cho cơ sở Nhà máy nước Than Thở đã được Sở TN&MT kiểm tra, thẩm định. Công ty đã chỉnh sửa theo văn bản số 2898/STNMT-MT ngày 08/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng V/v hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy nước hồ Than Thở”.

- Giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

Công ty đã lắp đặt thiết bị quan trắc tự động cho các trạm khai thác nước dưới đất; thực hiện đúng theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường, cập nhập dữ liệu định kỳ vào hệ thống quản lý của Sở TNMT.

Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương xác định ranh giới, phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

V- CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Phòng Tài chính kế toán đã tổ chức công tác kế toán ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, không để xảy ra sai sót trọng yếu.

Kiểm soát dòng tiền, kiểm kê tài sản và đảm bảo nguồn vốn không bị thất thoát.

Hoàn thành báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty theo từng quý và cả năm 2022, sau đó số liệu kế toán phát sinh năm 2022 sẽ được Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế kiểm toán và dự thảo trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Hoàn thành công tác cung cấp số liệu kế toán cho Ban kiểm soát Công ty phục vụ kiểm soát số liệu kế toán trong năm 2022 và phục vụ công tác kiểm tra thuế năm 2022 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng.

Đang thực hiện kế hoạch tài chính 2023 của từng đơn vị trong công ty và toàn công ty, sẽ trình kế hoạch tài chính năm 2023 tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Hoàn thành công việc công bố thông tin tài chính trên Trang web của Sở giao dịch chứng khoán và Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo qui định pháp luật của Công ty đại chúng.

Thanh toán các giải quyết chế độ cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc đúng thời gian qui định.

Đã thực hiện quyết toán hoàn thành dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải TP Đà Lạt, Lâm Đồng theo Quyết định số 2929/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Lâm Đồng. Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng đã thông báo số 76/TB-KHĐT ngày 16/12/2022 cho Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng về kế hoạch bố trí bổ sung phần vốn ngân sách địa phương để thanh toán cho các nhà thầu còn lại của dự án, việc này sẽ được thực hiện đầu năm 2023 sắp tới.

Phối hợp với Đội Ghi thu trong việc đẩy mạnh các hình thức thu tiền nước của khách hàng qua hệ thống ngân hàng, ứng dụng thu trên Smartphone và các Ví điện tử, Theo dõi và thống kê số lượng khách hàng thu tiền nước qua ngân hàng. Phân tích tỷ lệ đối tượng khách hàng sử dụng nước.

Đang hoàn thiện phương án giá nước mới trình các Sở Ban ngành đầu năm 2023.

Ngoài ra, phối hợp giải quyết vật tư dự án cũ tồn kho có giá trị cao. Gửi văn bản đòi nợ đến các cơ quan, Công ty còn nợ. Quyết toán hoàn thành dự án Thoát nước Đà Lạt.

VI- CÔNG TÁC TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ MỘT SỐ CÔNG TÁC KHÁC

- Công tác bảo hiểm: Năm 2022, Công tác Bảo hiểm được thực hiện một cách đầy đủ, nghiêm túc, đảm bảo lợi ích cho Người lao động Công ty. Công ty đã đóng bảo hiểm cho cán bộ người lao động với tổng số tiền:

+ Bảo hiểm xã hội: 7.784.487.647 đồng;

+ Bảo hiểm y tế: 1.401.401.690 đồng;

+ Bảo hiểm thất nghiệp: 389.176.470 đồng

- Chế độ chính sách: Tổ chức ôn tập và thi nâng bậc cho người lao động; Lập danh sách khám sức khỏe định kỳ cho người lao động chia thành 2 đợt trong tháng 1 và tháng 5 năm 2022; Tổ chức may đồng phục cho toàn thể CBCNV; Tổ chức Tham quan, nghỉ

dưỡng cho người lao động theo Kế hoạch số 79/KII-CTN ngày 29/7/2022. Chia làm 3 đợt trong tháng 7 và tháng 8 năm 2022;

Nghiên cứu, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, ban hành Nội quy lao động, Quy chế, Tiêu chí thi đua khen thưởng.

Tham mưu cho Ban điều hành Công ty đánh giá lại mô hình tổ chức để báo cáo Hội đồng Quản trị.

Xác định nguồn lương năm 2022; Trích tỷ lệ Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi năm 2022.

Tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

Xây dựng Nội quy PCCC và thực hiện niêm yết theo quy định; Xây dựng các phương án ứng cứu khẩn cấp, hồ sơ vệ sinh môi trường; Kiểm tra, báo cáo công tác ATVSLD 2022.

VII- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Nhìn chung năm 2022, Công ty đảm bảo mục tiêu chính là cấp nước an toàn cho nhân dân và khách hàng.

Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính đạt so với kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực hiện được 277.558 triệu đồng, đạt 112,29 % so với kế hoạch năm là 247.169 triệu đồng.

- Tỷ lệ thất thoát: 19,41% giảm 0,59% so với kế hoạch năm là 20%.

- Giá bán bình quân: 12.544đ/m³ tăng 486đ/m³ đồng so với kế hoạch năm là 12.058đ/m³.

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 70.934 triệu đồng, đạt 153,10% so với kế hoạch năm 46.332 triệu đồng.

Dựa trên những kết quả đã đạt được, có thể rút ra được một số nhận xét như sau:

1. Ưu điểm:

Các đơn vị đã có cố gắng trong công tác vận hành hết công suất nhà máy để phục vụ cấp nước trên địa bàn, tránh không để xảy ra tình trạng khan hiếm kéo dài nhất là trong dịp Tết nguyên đán, các dịp Lễ.

Chất lượng nước luôn được quan tâm đảm bảo theo những quy định hiện hành của Nhà nước, không để xảy ra tình trạng dịch bệnh hay ô nhiễm qua nguồn nước.

Công tác chuẩn bị thực hiện quản lý đầu tư, quản lý kỹ thuật, tài chính đã được thực hiện theo đúng qui định của Nhà nước và theo đặc thù của đơn vị.

Công tác kiểm tra xử lý vi phạm của khách hàng sử dụng nước đã góp phần tạo lập trật tự trong việc quản lý, hạn chế khắc phục tình trạng khai thác sử dụng nước trái phép góp phần giảm được tỷ lệ thất thoát.

Việc thực hiện tốt công tác súc rửa định kỳ và đợt xuất TLK của khách hàng nhằm tạo sự khách quan, công bằng trong thanh toán tiền nước và giảm tỷ lệ thất thoát cho Công ty.

Quy chế một cửa trong việc giao tiếp với khách hàng đã và đang hoạt động tốt, tránh được phiền hà, cửa quyền đối với khách hàng.

2. Nhược điểm

Công tác điều hành mạng lưới: đôi khi vẫn còn xảy ra tình trạng thiếu hụt nước ở một số khu vực bất lợi, việc đầu tư nâng cấp HFCN còn chậm. Dịch vụ cấp nước tại một số khu vực còn bất cập, ẩn chứa nhiều rủi ro mất an toàn cấp nước.

Chưa xây dựng giành chính sách ưu đãi cho những khách hàng VIP, khách hàng có đóng góp vào việc chống thất thoát của Công ty...

3. Nguyên nhân:

a. Nguyên nhân chủ quan:

Công tác kiểm tra đôn đốc chưa kịp thời, các đơn vị chưa thực hiện hết trách nhiệm phân công, chưa tham mưu cho lãnh đạo một cách sâu sắc, toàn diện.

b. Nguyên nhân khách quan:

Công tác xin phép đào đường, vỉa hè gặp nhiều khó khăn, thời gian cấp phép chậm dẫn tới việc nâng cấp, cải tạo HTCN còn chậm so với kế hoạch.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

I. Công tác sản xuất kinh doanh:

S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	Ghi chú
1	Nước sản xuất	1 000m ³	25.204	
	- Nước Công ty	1 000m ³	12.794	
	- Mua nước SG-DanKia	1 000m ³	10.950	Theo lộ trình mua bán nước sạch đã thỏa thuận (30.000 m ³ /ng.đ)
	- Mua nước Tuyên Lâm	1 000m ³	1.460	
2	Nước ghi thu	1 000m ³	20.414	
3	Tỷ lệ thất thoát	%	19%	Theo Kế hoạch Quản lý, phòng và chống thất thoát của Công ty. Giai đoạn 2021-2025
4	Phát triển khách hàng	Hộ	3.020	
5	Doanh thu HĐ SXKD	Tr đồng	285.885	
6	Lợi nhuận HĐ SXKD	Tr đồng	29.851	
7	Lương bình quân	Tr đồng	11,32	
4	Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt (tại TP. Đà Lạt)	M ³ /ng.đ	8.600	Tăng 0.21% so với thực hiện năm 2022

1. Về công tác quản lý điều hành sản xuất nước:

Duy trì thường xuyên công tác bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị tại các nhà máy, trạm bơm và mạng lưới, kịp thời khắc phục sửa chữa các sự cố kỹ thuật ống cái, ống nhánh bể vỡ đảm bảo việc cấp nước ổn định cho khách hàng.

Tăng cường thực hiện công tác chống thấm các bể chứa chứa, dò tìm rò rỉ, có biện pháp hữu hiệu để giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Đối với các Nhà máy nước thành viên trực thuộc Công ty:

Vận hành, sản xuất theo đúng quy trình, quy phạm theo sổ tay vận hành, đảm bảo chất lượng nước sạch theo quy định của Bộ Y Tế. Đảm bảo sản lượng sản xuất theo kế hoạch công ty giao cho đơn vị.

Giảm thất thoát; tiết kiệm điện năng; hóa chất ... trong quá trình sản xuất.

Từng phân cải tạo, nâng cấp, tự động hóa, hiện đại hóa các nhà máy với phương châm tiết kiệm và hiệu quả.

2. Công tác quản lý chất lượng dịch vụ, tư vấn thiết kế, thi công xây lắp, quản lý thủy lượng kế, kiểm tra quy chế.

Chất lượng dịch vụ: Tăng cường nâng cao hiệu quả công tác quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ khách hàng toàn hệ thống. Tiếp nhận thường xuyên thông tin phản ánh về chất lượng nước sạch trên mạng lưới. Kịp thời xử lý các sự cố liên quan đến chất lượng nước nhằm đảm bảo cấp nước an toàn cho khách hàng. Sử dụng hiệu quả các phần mềm ứng dụng trong việc đọc chỉ số đồng hồ, hóa đơn điện tử thu nộp tiền nước, kiểm soát công nợ tiền nước.

Tiếp tục làm việc với một số đối tác Ngân hàng, ứng dụng thu trên Smartphone và các Ví điện tử, các đơn vị cung cấp dịch vụ Ví điện tử như: ZaloPay, VNPT, FPT ... nhằm đa dạng hóa hơn phương thức thanh toán cho khách hàng, hạn chế, không dùng tiền mặt.

Tư vấn thiết kế: Đáp ứng theo yêu cầu cấp thoát nước cho khách hàng kịp thời. Triển khai thực hiện theo mô hình giao khoán của Công ty cho đơn vị.

Công tác quản lý thủy lượng kế: Tăng cường giám sát, kiểm tra thực hiện công tác kiểm định TLK. Kế hoạch Kiểm định năm 2023: 18.066 TLK/năm. Ngoài ra, Xi nghiệp chủ động phối hợp với các Phòng ban thực hiện công tác chống thất thoát cho toàn Công ty.

Công tác Kiểm tra Quy chế: Kiểm tra xử lý nhanh chóng, kịp thời các sự cố ồng bề do khách quan và chủ quan, truy thu nước thất thoát và súc rửa đường ống tương đương. Phối hợp với các Phòng ban đề xuất kịp thời sửa chữa, thay thế các TLK hỏng, sai số góp phần cho công tác chống thất thoát. Tiếp nhận thông tin và tổ chức kiểm tra, xử lý cá hành vi xâm phạm trên hệ thống cấp nước, hệ thống thu gom xử lý nước thải ... Tổ chức kiểm tra lộ trình ghi bằng cách ghi đối chứng nhằm hạn chế sai số trong mỗi kỳ ghi thu. Tăng cường công tác quản lý địa bàn, kiểm tra, rà soát, xác định mục đích dùng nước của khách hàng dùng nước để áp giá phù hợp với mục đích sử dụng và giúp nâng giá bán bình quân. Xử lý nghiêm, kiên quyết hơn nữa đối với các đơn vị thi công công trình cải tạo, nâng cấp đường giao thông trên thành phố Đà Lạt làm ảnh hưởng đến hệ thống cấp thoát nước. Tiếp tục rà soát khách hàng không sử dụng nước, đề xuất ngưng dịch vụ đối với khách hàng nợ tiền nước, thường xuyên không sử dụng nước từ 3 kỳ trở lên.

II. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

Tiếp tục kiểm tra rà soát các công trình đầu tư XD CB năm 2023 có tính khả thi để triển khai thực hiện theo kế hoạch đã được duyệt. Đối với các công trình phát sinh ngoài kế hoạch, lập báo cáo thuyết minh tính hiệu quả kinh tế trình đề xuất Hội đồng quản trị Công ty xem xét thực hiện.

Đối với các công trình có vốn đầu tư bên ngoài:

- Tạo điều kiện pháp lý cho CB-CNV Công ty có đủ điều kiện để tham gia đấu thầu các công trình, góp phần tạo việc làm cho người lao động và tăng lợi nhuận cho Công ty;

- Trong điều kiện hiện nay, năng lực kinh nghiệm còn ít cần phải liên kết với các Công ty bên ngoài để đảm bảo đủ điều kiện năng lực khi tham gia đấu thầu các công trình, nhằm tăng thêm năng lực hoạt động và đem lại lợi nhuận cho Công ty.

Đối với các công trình có vốn đầu tư của Công ty:

- Tuân thủ theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật để triển khai thực hiện tất cả các công trình trong kế hoạch đầu tư năm 2023 và các công trình phát sinh được phê duyệt.

III. Công tác quản lý đối với Xí nghiệp Nước thải

Thanh quyết toán hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung năm 2023 trên địa bàn TP Đà Lạt với Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt. Phối hợp với các phòng chức năng Công ty để chuẩn bị công tác đấu thầu quản lý vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung TP Đà Lạt theo quy định.

Năm 2023 sản lượng nước xử lý ước đạt khoảng: 8.600 m³/ngđ (Tăng 0,21% so với thực hiện năm 2022).

IV. Công tác tài chính.

Chủ động hơn trong việc thu hồi những công nợ khó đòi các năm trước.

Nâng cao khả năng phân tích tình hình tài chính Công ty và kiến nghị đến Ban điều hành Công ty; Kiểm tra đối soát số liệu kế toán cụ thể, chi tiết cung cấp cho Ban điều hành Công ty.

Chủ động kết hợp các phòng ban trong Công ty để đẩy nhanh quá trình thu tiền nước qua ngân hàng, các giải pháp để chăm sóc khách hàng sử dụng nước, đặc biệt là khách hàng sử dụng nhiều, thanh toán sớm (chiết khấu thanh toán)...

Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, bảo toàn được nguồn vốn và có lãi.

Thực hiện đầy đủ kịp thời nghĩa vụ thu nộp ngân sách nhà nước.

V. Quản lý đất đai và công tác môi trường, tài nguyên nước

Hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với các vị trí đất đã được cho thuê nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

Tiếp tục thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất (NMN Đa Thiện); liên hệ cơ quan quản lý xin thuê đất tại các vị trí đất đang sử dụng vẫn chưa được thuê đất (Nam Ban và Bảo Lâm).

Hoàn thiện hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác sử dụng nước, xin cấp Giấy phép môi trường (cho Nhà máy nước Phát Chi và Nhà máy nước Hồ Than Thò).

Phối hợp các đơn vị liên quan xác định trữ lượng nước và thực hiện điều chỉnh giấy phép khai thác nước đối với các giếng khoan tại nhà máy nước Bảo Lâm; trạm cấp nước Thạnh Mỹ - Nhà máy nước Đơn Dương.

Xin cấp phép thăm dò và khai thác nước tại vị trí giếng số 02 (mới) Thạnh Mỹ - Nhà máy nước Đơn Dương.

Rà soát những nhà máy khai thác dưới 70% công suất được cấp phép, để lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước theo đúng nhu cầu thực tế.

Tiếp tục thực hiện giám sát khai thác nước theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường, cập nhật dữ liệu định kỳ vào hệ thống quản lý của Sở TNMT.

Thực hiện quan trắc 02 lần/năm các chỉ tiêu nước thô, chỉ tiêu môi trường theo cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường,...đối với các cơ sở sản xuất

nước cấp đến khi được cấp phép bảo vệ môi trường; thực hiện quan trắc định kỳ các chỉ tiêu môi trường theo đánh giá tác động môi trường, giấy phép xả thải đối với nhà máy xử lý nước thải.

Lập báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước năm theo từng giấy phép cho mỗi nhà máy.

VI. Công tác tổ chức hành chính và một số công tác khác

Tiếp tục thực hiện các công việc theo định kỳ hàng tháng: Tiền lương, bảo hiểm, báo cáo biên động.

- Chuẩn bị, phát quà Tết cho NLD, lao động hưu trí, hết tuổi của Công ty.
- Tổ chức họp mặt đầu năm 2023 cho người lao động.
- Chuẩn bị cho Hội nghị Người lao động thường niên năm 2023.
- Tổ chức khám bệnh định kỳ năm 2023 cho người lao động.
- Cung cấp đồng phục và Bảo hộ lao động cho người lao động toàn Công ty năm 2023.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- UBND tỉnh LD (báo cáo);
- Sở Xây dựng LD (báo cáo);
- Hội đồng quản trị Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Các Đơn vị thành viên Cty;
- Các tổ chức đoàn thể Cty;
- Lưu: VT, P.KH-KD.



PHỤ LỤC 1: BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

ST T	Đơn vị tính	Kế hoạch năm toàn Công ty	Thực hiện năm toàn Công ty	Khu vực Đà Lạt	NMN Đà Lạt	NNN Đơn Dương	NMN Lâm Hà	NMN Bảo Lâm	NMN ĐạTẻh	NMN ĐaHuoi	NMN Đam Rông	Xí nghiệp TLK	Xí nghiệp QLNT
A	Sản xuất công nghiệp												
1	Nước sản xuất	m ³	22.774.793	24.594.119									
	Nước Cty sản xuất	m ³	10.729.793	13.020.035		9.879.217	462.588	968.919	655.409	453.533	437.124	163.245	
	Nước mua SG-DanKia	m ³	10.585.000	10.190.084									
	Nước mua Hồ Tuyền Lâm	m ³	1.460.000	1.384.000									
2	Nước Ghi thu	m ³	18.313.401	19.819.688	17.457.672		374.267	742.709	466.050	343.985	290.862	144.143	
3	Tỷ lệ thất thoát (KH)	%	20		19		18	24	26	21	29	16	
4	Tỷ lệ thất thoát (TH)	%		19,41	18,62		19,09	23,35	28,89	24,15	33,46	11,70	
	Chênh lệch				-0.38		+1,09	-0.65	+2.89	+3.15	+4,46	-4,30	
5	Tỷ lệ tồn thu (GT tiền)	%	<=1	0,68	0,68		0,70	0,69	0,02	0,22	0,55	0,15	
6	Phát triển khách hàng	hộ	3.430	4.190	2.576		106	318	84	991	82	33	
7	Tổng số khách hàng	"		90.683	69.857		3.472	5.847	4.438	4.015	2.402	652	
8	Kiểm định TLK	TLK	16.868	18.049									18.049
9	Kiểm tra quy chế KH	Hộ	15.000	15.441	15.441								
10	Xử lý nước thải	1.000 M ³	2.628	3.132									3.132
B	Tổng doanh thu	Tr. đ	289.276	320.212									
	<i>Trong đó:</i> Kinh doanh nước sạch	Tr. đ	220.822	248.625	223.666		3.926	8.282	4.674	3.514	2.894	1.669	
C	Giá bán bình quân	đ/m ³											
	- Kế hoạch	"	12.058		12.295		10.436	11.033	9.926	10.026	9.916	11.327	
	- Thực hiện	"		12.544	12.812		10.489	11.150	10.028	10.215	9.951	11.581	
D	Tổng lợi nhuận	Tr. đ	46.332	70.934									
	- Kinh doanh nước sạch	Tr. đ		26.107	33.873		-1.746	-382	-1.631	-939	-2.262	-805	

PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 – CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC CTY.

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch toàn Công ty	Địa bàn Tp.Đà Lạt	NMN ĐàLạt	NNN Đ.Dương	NMN Lâm Hà	NMN B.Lâm	NMN ĐàTêh	NMN Đạ Huoai	NMN Đam Rông	Xí nghiệp QLNT
A	Sản xuất công nghiệp											
1	Nước sản xuất	m ³	25.204.077									
	Nước Công ty sản xuất	m ³	12.794.077		9.650.363	474.455	980.631	640.897	455.112	417.952	174.667	
	Nước mua SG-ĐK	m ³	10.950.000									
	Nước mua Tuyên Lâm	m ³	1.460.000									
2	Nước Ghi thu	m ³	20.414.279	17.981.402		385.495	764.990	480.032	354.305	299.588	148.467	
3	Tỷ lệ thất thoát	%	19	18,49		18,75	21,99	25,10	22,15	28,32	15,00	
4	Tỷ lệ tồn thu	%	<1	<1		0,5	<0,5	<0,5	0,5	0,5	<0,5	
5	Phát triển khách hàng	hộ	3.020	2.500		100	150	80	100	70	20	
6	Tổng số khách hàng	hộ	93.703	72.357		3.572	5.997	4.518	4.115	2.472	672	
B	Doanh thu	Tr.đ										
1	Doanh thu sản xuất nước	Tr.đ	256.083	230.394		4.040	8.520	4.810	3.620	2.980	1.720	
2	Xây dựng lắp đặt HTCN	Tr.đ	10.223	9.109		100	200	300	143	93	50	228
C	Giá bán bình quân	VNĐ/m³	12.544	12.813		10.480	11.137	10.020	10.217	9.947	11.585	
Đ	Dịch vụ thoát nước											
1	Xử lý nước thải	m ³	3.139.000									3.139.000
2	Doanh thu	Tr.đ	18.364									19.067

BẢNG LIỆT KÊ CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐIỀU LỆ

	LUẬT SỬA ĐỔI 2022	ĐIỀU LỆ 2021	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI 2023
	<p>5. Sửa đổi, bổ sung <u>khoản 1</u> và <u>khoản 2 Điều 148</u> như sau: “1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:....</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.”.</p>	<p>Điều 20.Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>.....</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 20.Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>.....</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>
	<p>Sửa đổi, bổ sung <u>Khoản 2 Điều 158</u> như sau: “2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ,</p>	<p>Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước</p>

<p>e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.”.</p>	<p>j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây: Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.”.</p>
---	---	--

TỜ TRÌNH

**V/v Báo cáo kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh giai đoạn 06/2018-03/2023
và Xây dựng kế hoạch Sản xuất kinh doanh trung hạn giai đoạn 2023-2028
tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.**

Kính gửi: : Hội đồng Quản trị Công ty CP Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐQT ngày 23/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, về việc Họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng lần 02 năm 2023;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ("SXKD") giai đoạn từ tháng 06 năm 2018 đến hết quý I năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;

Căn cứ Kế hoạch đầu tư Xây dựng cơ bản ("XD CB") tại các Đơn vị thành viên trực thuộc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng giai đoạn 2023-2028.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình lên Hội đồng quản trị ("HĐQT") kết quả hoạt động SXKD giai đoạn từ tháng 06/2018 đến hết quý I/2023 và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2023-2028, cụ thể như sau:

A. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Phấn đấu là doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả tiến đến cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, phát triển việc cấp nước an toàn, phấn đấu công bố cấp nước an toàn toàn mạng vào năm 2028; tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, khoa học quản lý và khoa học kỹ thuật để hội nhập khu vực và thế giới; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân viên.

Đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty; đảm bảo ổn định, không gây ra biến động lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh; đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động và thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

B. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) có hiệu quả cao: Sản lượng nước thương phẩm tăng bình quân trên 2,5%/năm (giai đoạn 2023-2028); Nâng tổng công suất từ 48.600m³ lên 72.600 m³/ngày đêm, thi công 77,0 km đường ống từ DN50-DN800; Giảm tỷ lệ NRW (thất thoát thất thu nước) hàng năm là 1%.

Mở rộng ngành nghề hoạt động, đặc biệt là các lĩnh vực mà Công ty có lợi thế như dịch vụ lắp đặt hệ thống cấp nước sau thủy lượng kế, kinh doanh vật tư ngành nước nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty. Tạo thêm việc làm, hạn chế việc người lao động phải nghỉ việc do không có việc làm;

Đối với hoạt động xử lý nước thải: Công ty cổ phần có nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc tiếp tục quản lý và tổ chức hoạt động Xí nghiệp quản lý nước thải theo đơn đặt hàng của nhà nước cho đến khi nhà nước có phương án khác. Trong giai đoạn I thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt từ các hộ thoát nước thuộc các

Phường 1,2, một phần Phường 5, 6 và 8 trên tổng số 12 phường về xử lý tập trung nhằm đảm bảo nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

Sử dụng hợp lý nguồn vốn huy động được từ việc phát hành thêm cổ phiếu, phân kỳ các giai đoạn đầu tư hợp lý, đảm bảo cung cấp nước đáp ứng nhu cầu phát triển, giá nước phù hợp khả năng chi trả của người dân và kế hoạch trả nợ các dự án ODA;

Tập trung đầu tư, đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao, tiến đến cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng; đảm bảo an ninh nước sạch, cấp nước trong điều kiện thiên tai, biến đổi khí hậu,... giữ vững cấp nước an toàn, phấn đấu công bố cấp nước an toàn khu vực do công ty cung cấp;

Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, khoa học quản lý và khoa học công nghệ để hội nhập khu vực và thế giới; tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần CBCNV.

C. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Theo Giấy xác nhận số 6528/21 ký ngày 07/5/2021 của Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

1. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan như: Tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước, giám sát thi công công trình xây dựng. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thẩm tra dự án đầu tư, đánh giá tác động môi trường. Thiết kế dự toán công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi (*Mã ngành: 7110*);
2. Khai thác, xử lý và cung cấp nước (*Mã ngành: 3600*);
3. Thoát nước và xử lý nước thải (*Mã ngành: 3700*);
4. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: sản xuất nước uống đóng chai (*Mã ngành: 1104*);
5. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn kính phẳng, đồ ngũ kim và khóa, ống nối, khớp nối, chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước, thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác (*Mã ngành: 4663*);
6. Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, trong các cửa hàng chuyên doanh: Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị cấp thoát nước (*Mã ngành: 4752*);
7. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đồng hồ đo nước lạnh kiểu cơ khí, đường kính từ 15mm đến 50mm (*Mã ngành: 7120*);
8. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (*Mã ngành: 4322*);
9. Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề có điều kiện (*Mã ngành: Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*);

10. Phân tích mẫu nước cấp các chỉ tiêu loại A (chưa được bổ sung vào ngành nghề kinh doanh của Công ty).

D. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÔNG TY

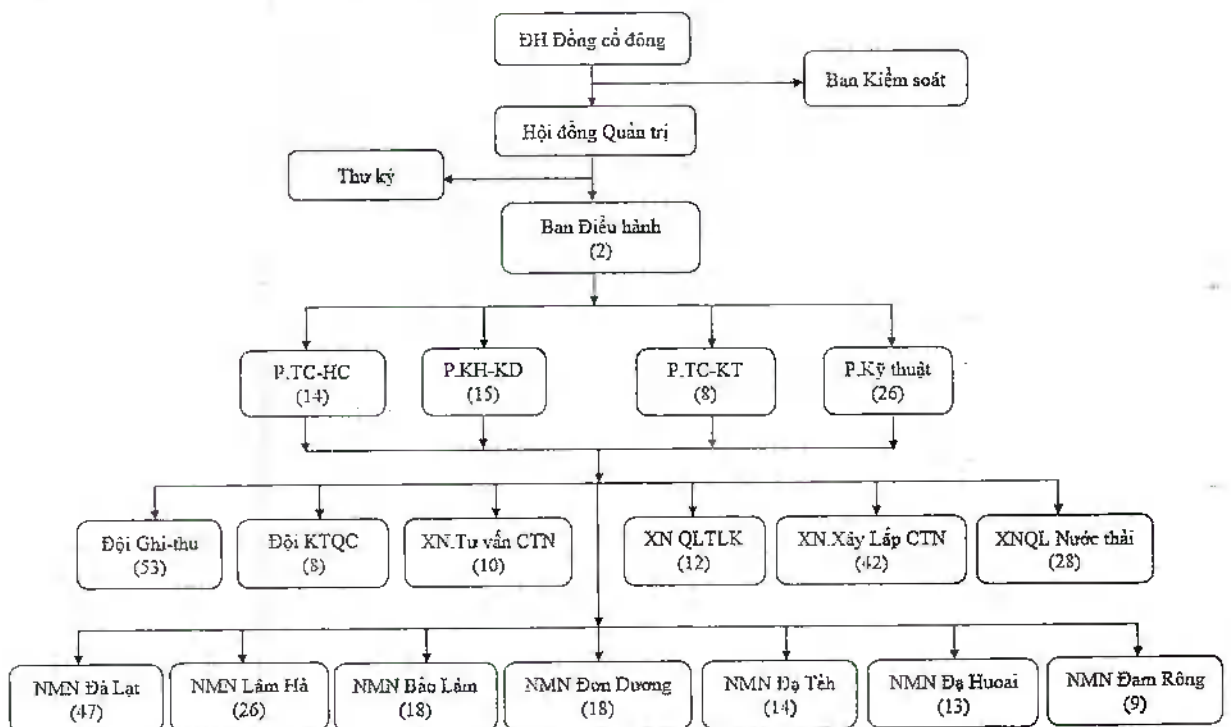
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc;
- Các Phòng ban chuyên trách và các đơn vị trực thuộc.

Riêng đối với Xí nghiệp xử lý nước thải: TSCĐ đã chuyển về cho UBND Thành phố Đà Lạt quản lý, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng đang tiếp tục quản lý và tổ chức hoạt động Xí nghiệp xử lý nước thải theo đơn đặt hàng của nhà nước cho đến khi nhà nước có phương án khác; đồng thời, kế thừa tiếp nhận toàn bộ người lao động đang làm việc tại Xí nghiệp quản lý nước thải trừ trường hợp các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Lâm Đồng có phương án sắp xếp lại tổ chức bộ máy của đơn vị này.

1. Sơ đồ mô hình tổ chức hiện tại của Công ty như sau: (tính đến tháng 3/2023)



2. Chức năng, nhiệm vụ của các Phòng chức năng, Đơn vị

2.1. Phòng Tổ chức – Hành chính:

Phòng Tổ chức – Hành chính với chức năng tham mưu cho Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành công ty về các vấn đề tổ chức bộ máy, quản trị nhân sự, hành chính, văn phòng; công tác lao động tiền lương, bảo hiểm, chế độ, chính sách, thi đua khen thưởng, an ninh trật tự, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy.

Ngoài ra, phòng còn thực hiện các nhiệm vụ đột xuất hoặc phát sinh do Ban Điều hành giao; tham gia hỗ trợ giữa các phòng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Cơ cấu nhân sự phòng Tổ chức – Hành chính hiện tại gồm:

- Lãnh đạo: Trưởng phòng, phó phòng có nhiệm vụ quản lý, lãnh đạo nhân viên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của phòng.

- Tổ nghiệp vụ: gồm Văn thư và bộ phận chuyên viên thực hiện các lĩnh vực công tác chuyên môn, nghiệp vụ của phòng.

- Tổ dịch vụ: gồm bảo vệ, lái xe, tạp vụ thực hiện công tác hành chính của Công ty.

2.2. Phòng Tài chính – Kế toán:

Phòng Tài chính – Kế toán có chức năng tham mưu cho Ban Điều hành, Hội đồng quản trị về: Lĩnh vực liên quan đến tài chính doanh nghiệp đảm bảo nguồn vốn kinh doanh, phản ánh dòng vốn kinh doanh của doanh nghiệp để doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả. Các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán đảm bảo đúng quy định của nhà nước về Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và nguyên tắc kế toán. Thực hiện một số chức năng khác khi được Tổng Giám đốc giao.

- Cơ cấu nhân sự phòng Tài chính – Kế toán hiện tại gồm:

+ Lãnh đạo: Trưởng phòng, phó phòng có nhiệm vụ quản lý, lãnh đạo nhân viên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của phòng.

+ Bộ phận chuyên viên: thực hiện các lĩnh vực công tác chuyên môn, nghiệp vụ của phòng.

2.3. Phòng Kế hoạch – Kinh doanh:

Phòng Kế hoạch – Kinh doanh có chức năng tham mưu cho Ban Điều hành về hoạt động sản xuất, kinh doanh đúng ngành nghề, đúng pháp luật mang lại hiệu quả cao; tham mưu trong công tác đấu thầu- xây dựng, đấu thầu – giao thầu, xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa và xây dựng mới cơ sở hạ tầng; đánh giá kế hoạch sản xuất, kinh doanh; xây dựng chiến lược kinh doanh; thực hiện công tác 1 cửa, chuẩn thu toàn Công ty; lập thủ tục xin cấp giấy phép đào đường.

Cơ cấu nhân sự phòng Kế hoạch – Kinh doanh:

- Lãnh đạo phòng: Trưởng phòng, Phó phòng có nhiệm vụ quản lý, lãnh đạo nhân viên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của phòng.

- Bộ phận gián tiếp: gồm lập phiếu thu tiền nước tại chỗ, giao dịch khách hàng, chuẩn thu, lưu trữ, kho.

- Bộ phận chuyên viên: thực hiện công tác chuyên môn nghiệp vụ của phòng.

2.4. Phòng Kỹ thuật:

Phòng Kỹ thuật có chức năng tham mưu cho Ban Điều hành công ty về công tác quản lý hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật về sản xuất, chất lượng nước, công nghệ xử lý nước; công tác kỹ thuật, công nghệ, định mức và chất lượng sản phẩm; Kế hoạch Cấp nước an toàn, nghiên cứu giải pháp kỹ thuật giảm thất thu, thất thoát nước sạch; công tác kỹ thuật chất lượng, số lượng hàng hóa, vật tư khi mua vào, sử dụng và tự sản xuất; quản lý, điều hành mạng lưới cấp, thoát nước; kiểm tra, quản lý kỹ thuật trong công tác thi công, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa; ứng dụng khoa học, công nghệ liên quan đến ngành nước; hỗ trợ hội đồng Khoa học - Công nghệ.

Ngày 26/2/2021, Công ty có Văn bản số 24/CV-CTN về việc bổ sung nhiệm vụ của Phòng Kỹ thuật Công ty: Dò tìm và sửa chữa ống bể vỡ trên địa bàn.

Cơ cấu nhân sự của phòng bao gồm:

- Lãnh đạo phòng: Trưởng phòng, Phó phòng có nhiệm vụ quản lý, lãnh đạo nhân viên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của phòng.
- Tổ Lab: thực hiện các công việc hóa nghiệm theo tiêu chuẩn.
- Tổ Thông tin – Điều hành: quản lý DMA, hệ thống mạng...
- Tổ Kỹ thuật – Công nghệ: thực hiện công tác chuyên môn nghiệp vụ của phòng.
- Tổ chống thất thoát: kiểm tra, dò tìm ống bể, các nguy cơ gây ảnh hưởng đến thất thoát... phối hợp với các đơn vị khác trong công tác chống thất thoát.

2.5. Đội Ghi thu:

Ngày 24/5/2021, Công ty có Quyết định số 41/QĐ-CTN về việc sáp nhập 3 phân khu (1,2,3) thành Đội Ghi- thu.

Chức năng của Đội ghi thu là quản lý khách hàng sử dụng nước và tài sản (cấp nước và thu gom nước thải) của Công ty có trong khu vực được giao quản lý; Tổ chức Ghi chỉ số đồng hồ nước (TLK) và thu tiền nước; Theo dõi, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu các công trình liên quan đến hệ thống cấp nước và thu gom nước thải hoặc xác nhận hiện trạng hệ thống cấp nước và thu gom nước thải trong khu vực quản lý.

Cơ cấu nhân sự của đội Ghi thu như sau:

- Đội trưởng: Có nhiệm vụ quản lý, lãnh đạo nhân viên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của đội.
- Các Tổ trưởng: gồm 03 tổ thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2.6. Đội Kiểm tra Quy chế:

Đội Kiểm tra Quy chế có chức năng thực hiện công tác đảm bảo Quy chế cung cấp nước và quy chế quản lý nước thải được thực thi đúng đắn và nghiêm túc, hạn chế xâm phạm hệ thống cấp nước và hệ thống thu gom nước thải, chống thất thoát nước và thất thu tiền nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Cơ cấu nhân sự của đội Kiểm tra Quy chế như sau:

- Đội trưởng: Có nhiệm vụ quản lý, lãnh đạo nhân viên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của đội.
- Nhân viên Nghiệp vụ: thực hiện theo các lĩnh vực công tác chuyên môn của đội.

2.7. Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước:

Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước có chức năng tổ chức thi công, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng các công trình thuộc hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, các công trình xây dựng khác do Công ty giao và công trình đơn vị tự khai thác.

Cơ cấu nhân sự của Xí nghiệp:

- Lãnh đạo: Giám đốc và Phó Giám đốc có nhiệm vụ quản lý, lãnh đạo nhân viên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Xí nghiệp.
- Bộ phận gián tiếp: Giao dịch khách hàng, lập chiết tính, tổng hợp...
- Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ: thực hiện các công việc liên quan đến kỹ thuật của Xí nghiệp.
- Bộ phận trực tiếp: gồm các tổ thi công, tổ sửa chữa, tổ thoát nước.

2.8. Xí nghiệp Tư vấn Cấp thoát nước:

Xí nghiệp Tư vấn Cấp thoát nước là đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, hoạt động theo quy định của pháp luật và phân cấp của Công ty. Xí nghiệp có chức năng thực hiện các công việc tư vấn đầu tư và xây dựng, khảo

sát thiết kế các công trình cấp nước, thoát nước phục vụ sản xuất kinh doanh và nhu cầu thực tế của khách hàng.

Cơ cấu nhân sự của Xí nghiệp như sau:

- Lãnh đạo: Giám đốc Xí nghiệp có nhiệm vụ quản lý, lãnh đạo nhân viên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của phòng.

- Bộ phận gián tiếp: giao dịch khách hàng, lập chiết tính, tổng hợp, lập hồ sơ xin phép đào đường, vỉa hè ... (gồm bản vẽ và thuyết minh).

- Bộ phận chuyên môn: thực hiện công tác chuyên môn của Xí nghiệp.

2.9. Xí nghiệp quản lý Thủy lượng kế:

Xí nghiệp Quản lý Thủy lượng kế có chức năng thực hiện quản lý về thủy lượng kế (TLK) trong toàn Công ty theo quy định. Kiểm định, xác nhận chất lượng, niêm chì TLK theo phân cấp của cơ quan Đo lường chất lượng.

Cơ cấu nhân sự của Xí nghiệp như sau:

- Lãnh đạo: Giám đốc Xí nghiệp có nhiệm vụ quản lý, lãnh đạo nhân viên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Bộ phận gián tiếp: giao dịch khách hàng, tổng hợp, lập chiết tính,...

- Bộ phận trực tiếp: thực hiện công tác của Xí nghiệp.

2.10. Xí nghiệp quản lý Nước thải:

Xí nghiệp quản lý Nước thải có chức năng thực hiện công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý, vận hành các trạm bơm và nhà máy xử lý nước thải trên địa bàn TP. Đà Lạt. Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch do Công ty giao, đảm bảo việc xử lý chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn cho phép. Vận hành thiết bị, máy móc an toàn theo quy trình, quy phạm; sửa chữa khắc phục kịp thời các sự cố xảy ra.

Cơ cấu nhân sự của Xí nghiệp quản lý Nước thải như sau:

- Lãnh đạo: Giám đốc và Phó Giám đốc có nhiệm vụ quản lý, lãnh đạo nhân viên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Xí nghiệp.

- Tổ Vận hành: vận hành nhà máy và các trạm bơm.

- Tổ Bảo trì: thực hiện các công việc bảo trì, bảo dưỡng nhà máy, trạm bơm.

- Tổ Văn phòng: thực hiện các công việc theo chức năng nhiệm vụ của Xí nghiệp.

2.11. Nhà máy nước Đà Lạt:

Nhà máy nước Đà Lạt có chức năng, nhiệm vụ như sau: Quản lý tài sản, máy móc thiết bị hiện có, sản xuất nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế; hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch do Công ty giao, đảm bảo việc cung cấp nước sạch đầy đủ, đáp ứng nhu cầu của khách hàng sử dụng nước; vận hành thiết bị, máy móc an toàn theo quy trình, quy phạm; khắc phục kịp thời sự cố xảy ra. Hiện tại, Nhà máy nước Đà Lạt đang quản lý và vận hành Nhà máy nước Đan Kia, Nhà máy nước Hồ Than Thở, Nhà máy nước Đa Thiện, Nhà máy nước Phát Chi. Ngoài ra, nhà máy nước Đà Lạt còn quản lý trạm Hùng Vương, trạm Xuân Trường, trạm Chiến Thắng.

Cơ cấu nhân sự của Nhà máy nước Đà Lạt như sau:

- Lãnh đạo: Giám đốc, Phó Giám đốc Nhà máy có nhiệm vụ quản lý, lãnh đạo nhân viên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Nhà máy.

- Tổ Văn phòng: thực hiện các công việc kiểm nghiệm chất lượng nước và các công việc chuyên môn của Nhà máy.

- Tổ Bảo trì: thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị của Nhà máy.

- Tổ Vận hành: thực hiện các công việc vận hành Nhà máy và trạm bơm.

2.12. Nhà máy nước các Huyện

- Nhà máy nước các Huyện có chức năng, nhiệm vụ như sau: sản xuất và kinh doanh nước sạch tại các địa bàn Công ty giao quản lý như Đơn Dương, Bảo Lâm, Lâm Hà, Đam Rông, Đạ Huoai, Đạ Tẻh; thi công, sửa chữa, lắp đặt hệ thống cấp nước và các công trình xây dựng Công ty giao, công trình đơn vị tự khai thác; bảo toàn tài sản, tiền vốn, lao động do Công ty giao và tổ chức sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả; Chấp hành quy định của Công ty và quy định của Pháp luật; Ngoài ra thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác do Công ty giao.

- Cơ cấu nhân sự của Nhà máy nước các Huyện như sau:

+ Lãnh đạo: Giám đốc, Phó Giám đốc có nhiệm vụ quản lý, lãnh đạo nhân viên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Nhà máy.

+ Tổ Kỹ thuật: Vận hành, thi công, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy móc.

+ Tổ Kinh doanh: Văn phòng, Ghi thu, KTQC ...

E. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC GIAI ĐOẠN 2018-QUÝ I NĂM 2023:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Chức năng, nhiệm vụ chính vẫn là sản xuất và tiêu thụ nước sạch tại thành phố Đà Lạt và 06 huyện: Đơn Dương, Lâm Hà, Đam Rông, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Bảo Lâm, và vận hành thu gom xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

1. Thuận lợi

Công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty đã chủ động hơn, vai trò Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty phát huy hiệu quả và năng động trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ("SXKD").

Vẫn tiếp tục duy trì phối hợp nhịp nhàng qua các kênh thông tin mạng, góp phần cho dịch vụ cung cấp khách hàng ngày càng nhanh chóng và kịp thời.

Nền kinh tế cả nước nói chung cũng như tỉnh Lâm Đồng có nhiều chuyển biến tích cực, một số ngành nghề kinh doanh chủ lực của tỉnh Lâm Đồng từng bước phát triển đặc biệt ngành du lịch có những bước phát triển mạnh mẽ trong thời gian qua dẫn tới doanh thu nước sạch đối với các đơn vị, cơ sở kinh doanh, dịch vụ tăng đáng kể.

Nguồn cung cấp nước sạch cho thành phố Đà Lạt dần ổn định nên Công ty đã luôn đảm bảo nhu cầu dùng nước sạch của khách hàng trên địa bàn thành phố Đà Lạt, đặc biệt là vào các dịp Lễ, Tết ...

Tinh thần đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ, công khai của toàn thể cán bộ công nhân viên cũng là một thuận lợi để cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của Công ty đạt kết quả tốt.

2. Khó khăn

Công ty hiện đang quản lý tất cả các nhà máy nước của các huyện, địa bàn quản lý rộng, phân tán nhưng qui mô các nhà máy lại không lớn, hiệu quả kinh doanh của các nhà máy các huyện không cao.

Hệ thống mạng lưới phân phối cấp nước lắp đặt qua nhiều giai đoạn, sử dụng lâu năm đã cũ mục.

Thành phố Đà Lạt và các huyện cải tạo nâng cấp nhiều tuyến đường giao thông gây bề vỡ nên việc khắc phục sự cố bề vỡ giảm tỷ lệ thất thoát của các đơn vị còn gặp nhiều khó khăn.

Địa bàn cấp nước rộng không đều.

Nguồn nước phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. Các trạm cấp nước thường xuyên xảy ra thiếu nước vào mùa khô như: Trạm cấp nước D'ran, Trạm cấp nước Đạm Ri; Trữ lượng nước ngầm của các trạm tại NMN Bảo Lâm đã cạn dần và xảy ra hiện tượng thiếu nước. Chất lượng nước thô hồ Đankia, hồ Đa Thiện, hồ Đalyon ngày càng suy giảm, độ đục, mùi tăng cao, gây khó khăn trong khâu xử lý nước và tiêu hao nhiều hóa chất.

Lượng khách hàng tăng, nhu cầu sử dụng nước tăng trong khi hệ thống đường ống cấp còn bất cập như cũ, mục gây bề vỡ... đã ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ gây tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công tác xin phép đào đường, vỉa hè gặp nhiều khó khăn đặc biệt thời điểm cận kề các dịp lễ, tết dẫn tới hạn chế việc cấp phép. Ngoài ra, một số tuyến đường thuộc quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lâm Đồng nên thủ tục xin phép đào đường khó khăn, kéo dài.

Tình trạng không sử dụng dịch vụ cấp nước ngày càng gia tăng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Công tác sản xuất nước:

- Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	06/2018 - 12/2018	2019	2020	2021	2022	03/2023
1	Nước sản xuất	1.000m ³	11.100	22.960	23.847	22.385	24.594	6.473
1.1	- Nước Công ty SX	1.000m ³	6.492	13.773	14.155	12.619	13.020	3.593
1.2	- Mua nước SG-Dankia	1.000m ³	4.608	9.187	9.692	9.766	10.190	2.520
1.3	- Mua nước Tuyên Lâm	1.000m ³	-	-	-	-	1.384	360
2	Nước ghi thu	1.000m ³	8.456	17.759	18.201	17.451	19.820	5.296
3	Tỷ lệ thất thoát	%	23,82	22,65	23,68	22,04	19,41	18,18
4	Phát triển khách hàng	hộ	-	3.744	3.464	4.590	4.190	667
5	Tổng doanh thu	Tr.đ	128.066	296.274	298.062	275.586	320.212	84.646
	Tổng Doanh thu hoạt động SXKD	Tr.đ	109.919	253.671	251.221	233.902	277.558	73.661
	- Kinh doanh nước sạch	Tr.đ	95.409	221.321	220.469	208.323	248.625	67.051
	- Xây dựng cơ bản, lắp đặt HTCN	Tr.đ	5.083	13.793	13.717	9.080	9.925	1.682
	- Xử lý nước thải	Tr.đ	9.414	17.752	16.325	14.467	17.829	4.664
	- Khác (Thuê bao + khác)	Tr.đ	13	805	710	2.032	1.179	264
6	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	17.595	41.057	43.234	41.346	41.909	10.467

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	06/2018 - 12/2018	2019	2020	2021	2022	03/2023
7	Doanh thu hoạt động khác	Tr.đ	552	1.546	3.607	338	745	518
8	Giá bán bình quân	đ/m ³	11.283	12.469	12.113	11.938	12.544	12.660
9	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng	8.200	10.300	11.071	10.596	12.647	11.191
10	Tổng số lao động	Người		388	373	369	368	365
11	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	14.834	44.388	49.543	43.228	70.934	23.553

***Ghi chú:**

- Doanh thu SXCN, giá bán bình quân được tính trước thuế.
- Giá trị sản xuất công nghiệp của các đơn vị được thể hiện trong Phụ lục.1 đính kèm.

2. Công tác quản lý, điều hành sản xuất nước

- Công tác điều mạng lưới: Đã đảm bảo công tác điều hành mạng lưới cấp nước sạch cho thành phố Đà Lạt, đặc biệt vào các dịp Lễ, Tết ... Tiếp nhận thông tin 24/24 giờ nhằm kiểm tra, kiểm soát tình hình chất lượng dịch vụ, nước đục, nước yếu, bể ống Thường xuyên kiểm tra, đề xuất cải tạo hệ thống cấp nước tại các khu vực nước yếu, điểm bất lợi, đường ống cũ mục.

- Scada và các thiết bị trên hệ thống: Thiết lập DMA toàn Công ty và truyền dữ liệu về hệ thống SCADA. Kiểm tra báo cáo các thiết bị Scada, Camera giám sát, hệ thống điện lưới, trụ công, van điều khiển các bể chứa; Kiểm tra định kỳ, khắc phục sửa lỗi 24/24 các vấn đề về tín hiệu đường truyền và liên quan đến máy chủ Scada.

- Công tác Kỹ thuật: Công tác thẩm định hồ sơ XD CB hoàn thành đúng theo tiến độ và quy định. Các công trình thi công đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động, kịp thời lập biên bản xử lý kỹ thuật khi phát sinh các vấn đề trong quá trình thi công.

- Công tác vận hành: Thường xuyên kiểm tra lập biên bản các sự cố về máy móc thiết bị, giám sát công tác bảo trì bảo dưỡng tại NMN Đà Lạt, Xí nghiệp Quản lý Nước thải và các NMN đơn vị huyện: Hầu hết đã thực hiện tốt, bảo đảm cấp nước an toàn và liên tục. Các đơn vị thường xuyên phối hợp với phòng Kỹ Thuật trong việc điều hành sản xuất cung cấp nước sạch đầy đủ về sản lượng, chất lượng cho thành phố Đà Lạt và các nhà máy huyện. Trong sản xuất, các nhà máy luôn đề cao đến vấn đề chất lượng, tuân thủ các quy trình kiểm tra chất lượng nước thành phẩm theo quy định của Công ty và Bộ Y Tế. Nguyên nhiên liệu trong sản xuất được sử dụng hợp lý, không lãng phí.

- Công nghệ thông tin: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị kịp thời; khắc phục các sự cố tại văn phòng Công ty. Phối hợp với các đối tác chỉnh sửa, khắc phục sự cố các phần mềm Công ty đang áp dụng, cập nhật dữ liệu hằng ngày. Đăng bài trên website Công ty khi các phòng ban cung cấp.

3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm nước

Công tác kiểm tra chất lượng nước sạch được thực hiện thường xuyên tại các nhà máy xử lý nước với 3 chỉ tiêu cơ bản (độ đục, pH, Clo dư) đạt tiêu chuẩn trước khi đưa vào mạng phân phối.

Công tác phân tích nước cấp và nước thải tại thành phố Đà Lạt cũng như các huyện đều đảm bảo theo quy định ban hành. Nhìn chung, chất lượng nước cung cấp đảm bảo theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam.

Đã công bố sản phẩm hợp quy của tất cả các nhà máy.

4. Công tác quản lý chất lượng dịch vụ, thất thoát, thất thu:

4.1 Dò tìm rò rỉ- Chống thất thoát:

Phòng Kỹ thuật đã thực hiện tốt công tác chống thất thoát tại khu vực trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Lắp đặt, cấu hình các cụm DMA phục vụ công tác chống thất thoát; Sử dụng thiết bị nghe dò tìm các tuyến đường kiểm tra bể vỡ, rò rỉ và báo cho Xí nghiệp Xây lắp sửa chữa. Tỷ lệ thất thoát các năm có chiều hướng giảm. Tỷ lệ thất thoát Quý I năm 2023 là 18,18%, năm 2022 là 19,41% giảm 4,99% so với năm 2018 là nỗ lực lớn trong năm của toàn bộ các bộ phận, nhà máy tại Công ty (Thể hiện rõ tại Khu vực Đà Lạt tỷ lệ thất thoát nước năm 2022 là 18,62%; NMN Đam Rông 11,70%). Tuy nhiên, tại các Nhà máy khác vẫn cao hơn rất nhiều so với Kế hoạch năm đề ra. (NMN Đơn Dương tỷ lệ thất thoát nước năm 2022 là 19,09%; NMN Lâm Hà tỷ lệ thất thoát nước năm 2022 là 23,35%; NMN Bảo Lâm tỷ lệ thất thoát nước năm 2022 là 28,89% ; NMN Đa Tềh tỷ lệ thất thoát nước năm 2022 là 24,15%; NMN Đa Huoai tỷ lệ thất thoát nước năm 2022 là 33,46% ...), và đây là vấn đề cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị và phòng ban để tìm ra biện pháp hạn chế và hạ tỷ lệ thất thoát xuống như kế hoạch đề ra.

4.2 Công tác Ghi thu:

Ghi thu đúng phiên lộ trình, đảm bảo ghi đúng, đủ, phản ánh kịp thời các dấu hiệu bất thường trên hệ thống, tuy nhiên vẫn còn trường hợp ghi phóng, lố, chủ yếu do nhiều yếu tố khác nhau (*đồng hồ nằm trong khuôn viên hàng rào, trong nhà khi khách hàng đi vắng, không liên lạc được khách hàng, bị chôn lấp...*). Phối hợp kiểm soát chỉ số với Thủy lượng kế trong các quá trình xúc rửa, thay thế và đối chứng đồng hồ trên địa bàn. Tiếp nhận thông tin qua nhiều kênh Zalo, bộ phận một cửa, Đội Kiểm tra quy chế, ... nhanh chóng chuyển các đơn vị có liên quan xử lý kịp thời. Thực hiện in thông báo và ngưng dịch vụ theo đúng quy định đối với các trường hợp nợ khó đòi hoặc không dùng nước nhiều kỳ.

Chương trình ghi thu Wasspro Mobile App đã tổng hợp, thống kê số liệu nhanh chóng, nhiều bộ phận liên quan đều có thể truy cập khai thác dữ liệu cần thiết, các chương trình quản lý sử dụng hoá đơn điện tử, mở rộng các kênh thu tiền phi truyền thống ... đã tác động và góp phần hiệu quả đến công nợ tiền nước khách hàng.

Tiếp tục giới thiệu đến khách hàng các phương thức thanh toán tiền nước không dùng sử dụng tiền mặt. Tuy nhiên, tỷ lệ khách hàng thanh toán tiền nước không sử

dụng tiền mặt còn thấp so với tổng số phát triển khách hàng. Công tác nhờ thu tính đến năm 2022 toàn Công ty khoảng 41.24% theo giá trị tiền. Công tác ghi thu đồng thời (ghi thu 1 lần) toàn Công ty năm 2022 khoảng 20,75% theo hóa đơn và 30,16% theo giá trị tiền.

5. Công tác quản lý Thủy lượng kế:

Thực hiện kiểm định ban đầu, định kỳ, đột xuất TLK có đường kính bằng hoặc dưới 50mm, niêm chì N64 do Tổng cục đo lường chất lượng cấp theo quy định hiện hành

Xác định tiêu chuẩn TLK phù hợp với từng nhà máy, hệ thống để có kế hoạch tham mưu đề xuất Giám Đốc Công ty trang bị.

Quản lý, bảo trì, bảo dưỡng hệ DMA trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

6. Công tác Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước:

6.1 Công tác sửa chữa mạng lưới cấp nước, khắc phục sự cố bể vỡ và chống thất thoát:

Sửa chữa 100% kịp thời các vụ ống bể và dò rò rỉ chảy ngầm. Các vụ ống bể đảm bảo thời gian khắc phục theo qui định của Công ty ≤ 24 giờ kể cả ngày chủ nhật. Thi công theo đúng thiết kế, đảm bảo thời gian theo quy định của Công ty là ≤ 4 ngày làm việc.

7. Công tác tiếp nhận đơn và Tư vấn phát triển dịch vụ khách hàng

- Thực hiện khảo sát thiết kế các công trình cấp thoát nước phục vụ sản xuất kinh doanh công ty và nhu cầu đầu nối cấp thoát nước dịch vụ cho khách hàng, đây được xem là nhiệm vụ chính của Xí nghiệp Tư vấn, hao tổn nhân lực nhiều, nhưng doanh thu thì quá ít. Tư vấn thiết kế phát triển khách hàng cấp thoát nước theo đúng quy trình của Công ty (về thời gian và chất lượng hồ sơ) với phương châm phục vụ khách hàng tốt nhất, tạo uy tín của Công ty đối với khách hàng khi có nhu cầu lắp đặt hệ thống cấp nước và đầu nối nước thải.

- Thực hiện khảo sát thiết kế các hạng mục xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn theo kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.

- Thực hiện tư vấn các công trình khác, các hạng mục sửa chữa khi Công ty yêu cầu.

8. Công tác kiểm tra quy chế (“KTQC”)

Thường xuyên thực hiện kiểm tra việc tuân thủ của khách hàng trong quá trình sử dụng dịch vụ, giải quyết đơn thư, khiếu nại của khách hàng trong quá trình sử dụng. Ngoài ra, thường xuyên kiểm tra, lập biên bản bể vỡ hệ thống cấp nước...

9. Công tác xử lý nước thải:

Công tác quản lý vận hành: Quản lý vận hành tất cả các công đoạn xử lý nước thải; Thực hiện công tác vệ sinh định kỳ các bể (lắng, lắng cát, lọc...), song chắn rác, hầm bơm, trạm bơm; Vận hành 14 trạm nâng và 1 trạm bơm chính; Kiểm tra

bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa bom, máy móc thiết bị hỏng đột xuất và theo kế hoạch.

Công tác xử lý nước thải: Năm 2022 đã bàn giao Tài sản cố định và thực hiện Hợp đồng với Trung tâm Quản lý đầu tư và khai thác công trình Thủy lợi Đà Lạt; Đã thanh quyết toán kinh phí vận hành hệ thống xử lý nước thải Quý 1, 2, 3 và đang hoàn tất hồ sơ để thanh quyết toán Quý 4/2022; Thực hiện xử lý bùn tự hoại của các xe hút hầm cầu, vận hành trạm bơm bệnh viện, lò mổ ...

III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÔNG TY ĐẾN NĂM 2022 VÀ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC:

1. Quản lý sử dụng đất:

- Tất cả các vị trí đất Công ty được cho thuê đã chuyển tên thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

- Vị trí đất đã được thuê nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) bao gồm 13 vị trí, trong đó: tại Đà Lạt có 4 vị trí; Lạc Dương: 01 vị trí; Lâm Hà: 01 vị trí; Bảo Lâm: 3 vị trí; Đạ Tẻh: 03 vị trí; Đơn Dương: 01 vị trí. Công ty đã gửi hồ sơ xin cấp GCN QSDĐ đến Sở TN&MT tỉnh Lâm Đồng.

- Vị trí đất cần chuyển sang thuê đất: Tất cả các vị trí đất trước đây Công ty sử dụng dưới hình thức được giao đất hoặc nhận chuyển nhượng đều đã được chuyển sang thuê đất.

- Vị trí đất cần lập hồ sơ thuê đất:

Gồm có 05 vị trí: Giếng số 02, 03, 04, 06 – NMN Bảo Lâm và vị trí công trình thu nước thô – NMN Nam Ban.

+ Tại Bảo Lâm: Công ty đã gửi các Văn bản và làm việc với các cơ quan chức năng. Tuy nhiên, đến nay Công ty vẫn chưa thể hoàn thành hồ sơ xin thuê đất của các giếng khoan tại huyện Bảo Lâm.

+ Vị trí đất tại Đông Thanh - Lâm Hà: Công ty đã phối hợp đơn vị đo đạc, do vẽ lại hiện trạng lô đất. Công ty đã gửi Văn bản đến UBND huyện Lâm Hà để được hỗ trợ Công ty hoàn thành thủ tục thuê đất.

2. Lĩnh vực Môi trường, Tài nguyên nước

- Giấy phép khai thác Tài nguyên nước:

Tất cả các nhà máy sản xuất nước sạch trực thuộc Công ty đều đã được UBND tỉnh Lâm Đồng cấp phép khai thác, sử dụng Tài nguyên nước.

- Giấy phép Môi trường:

Công ty đã tiến hành lập hồ sơ xin cấp phép môi trường cho Nhà máy nước Than Thở. Dự kiến trong quý 1/2023 Nhà máy nước Than Thở sẽ được cấp Giấy phép Môi trường.

- Giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

Công ty đã lắp đặt thiết bị quan trắc tự động cho các trạm khai thác nước dưới đất; thực hiện đúng theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ

trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường, cập nhật dữ liệu định kỳ vào hệ thống quản lý của Sở TNMT.

Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương xác định ranh giới, phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Phòng Tài chính kế toán đã tổ chức công tác kế toán ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, không để xảy ra sai sót trọng yếu.

Kiểm soát dòng tiền, kiểm kê tài sản và đảm bảo nguồn vốn không bị thất thoát.

Hoàn thành báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty theo từng quý và hàng năm, sau đó số liệu kế toán phát sinh hàng năm sẽ được các Công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán.

Hoàn thành công tác cung cấp số liệu kế toán cho Ban kiểm soát Công ty phục vụ kiểm soát số liệu kế toán hàng năm và phục vụ công tác kiểm tra thuế hàng năm của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng.

Đang thực hiện kế hoạch tài chính 2023 của từng đơn vị trong công ty và toàn công ty, sẽ trình kế hoạch tài chính năm 2023 tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Hoàn thành công việc công bố thông tin tài chính trên Trang web của Sở giao dịch chứng khoán và Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo qui định pháp luật của Công ty đại chúng.

Thanh toán các giải quyết chế độ cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc đúng thời gian qui định.

Đã thực hiện quyết toán hoàn thành dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải TP Đà Lạt, Lâm Đồng theo Quyết định số 2929/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Phối hợp với Đội Ghi thu trong việc đẩy mạnh các hình thức thu tiền nước của khách hàng qua hệ thống ngân hàng, ứng dụng thu trên Smartphone và các Ví điện tử, Theo dõi và thống kê số lượng khách hàng thu tiền nước qua ngân hàng. Phân tích tỷ lệ đối tượng khách hàng sử dụng nước.

Đang hoàn thiện phương án giá nước mới trình các Sở Ban ngành đầu năm 2023.

Ngoài ra, phối hợp giải quyết vật tư dự án cũ tồn kho có giá trị cao. Gửi văn bản đòi nợ đến các cơ quan, Công ty còn nợ. Quyết toán hoàn thành dự án Thoát nước Đà Lạt.

V. CÔNG TÁC TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

- Công tác bảo hiểm: được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, đảm bảo lợi ích cho Người lao động, Công ty. Công ty đã đóng bảo hiểm cho cán bộ người lao động với tổng số tiền:

- Chế độ chính sách: hàng năm Tổ chức ôn tập và thi nâng bậc cho người lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; Tổ chức Tham quan, nghỉ dưỡng cho người lao động

- Nghiên cứu, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, ban hành Nội quy lao động, Quy chế, Tiêu chí thi đua khen thưởng.

- Tham mưu cho Ban điều hành Công ty đánh giá lại mô hình tổ chức để báo cáo Hội đồng Quản trị.

- Xác định nguồn lương các năm; Trích tỷ lệ Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi hàng năm.

- Tổ chức đại hội cổ đông thường niên hàng năm.

- Xây dựng Nội quy PCCC và thực hiện nghiêm ngặt theo quy định; Xây dựng các phương án ứng cứu khẩn cấp, hồ sơ vệ sinh môi trường; Kiểm tra, báo cáo công tác ATVSLĐ.

VI. NGUỒN NGUYÊN NHIÊN VẬT LIỆU:

1. Nguyên liệu:

Các nguyên vật liệu chính chủ yếu sử dụng trong sản xuất nước: Nước thô khai thác từ các giếng nước ngầm (NMN Đơn Dương - Thạnh Mỹ,...) và nước mặt các sông (NMN Bảo Lâm, NMN Đam Rông, NMN Đa Hoai,...), hóa chất xử lý nước như: phèn đơn, xút vẩy, chlorine...

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty: Công ty TNHH sản xuất hóa chất TM DV Gia Định (Phèn); Công ty TNHH TM DV Trung Lê (Phèn, Vôi, Soda); Nhà máy hóa chất Biên Hòa (Clo),...

Chi phí nguyên vật liệu thường chiếm một tỷ lệ nhất định trong giá thành sản phẩm. Giá nguyên vật liệu, hóa chất tương đối ổn định, có tăng nhưng nằm trong giới hạn cho phép, Công ty có thể kiểm soát được. Tuy nhiên vật liệu chính là nguồn nước thô phụ thuộc điều kiện thời tiết thiên nhiên nên có những tháng khô cạn hoặc mùa mưa lũ chất lượng nước thô có thay đổi... phải hao tốn nhiều về chi phí điện năng và hóa chất để xử lý.

2. Sự ổn định của nguồn nguyên nhiên vật liệu:

Do các loại nguyên vật liệu Công ty sử dụng khá phổ biến trên thị trường, giá cả nguyên vật liệu cũng ít biến động nên tình hình sử dụng nguyên vật liệu không ảnh hưởng nhiều đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

F. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB TRUNG HẠN TỪ 2023-2028

Công ty sẽ nỗ lực đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh và chú trọng vào lĩnh vực cung cấp nước sạch. Trước mắt duy trì sự hoạt động ổn định của Công ty, về lâu dài nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp nhằm xây dựng Công ty trở thành một trong những công ty cấp nước mạnh trong khu vực Miền trung Tây nguyên.

1. Chiến lược đầu tư XDCB giai đoạn 2023-2028 tại các Đơn vị thành viên:

- Bảng tổng hợp:

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Giá trị (Triệu đồng)	Năm đầu tư					
			2023	2024	2025	2026	2027	2028
I	ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT	54.850	4.775	4.295	29.295	7.895	4.295	4.295
II	Nhà máy nước Đơn Dương	22.712	3.452	3.452	3.452	3.452	5.452	3.452
III	Nhà máy nước Lâm Hà	33.888	13.398	4.898	3.898	3.898	3.898	3.898
IV	Nhà máy nước Đam Rông	8.476	586	586	586	586	5546	586
V	Nhà máy nước Bảo Lâm	7.560	1.260	1.260	1.260	1.260	1.260	1.260
VI	Nhà máy nước Đạ Huoai	9.660	1.110	1.110	1.110	1.110	4.110	1.110
VII	Nhà máy nước Đạ Tẻh	11.142	1.357	1.357	1.357	1.357	4.357	1.357
VIII	Chống thất thoát	33.000	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500
TỔNG CỘNG		181.288	31.438	22.458	46.458	25.058	34.418	21.458

(Đính kèm bảng chi tiết các hạng mục công trình đầu tư tại các Đơn vị thành viên)

- Bảng chi tiết các hạng mục công trình đầu tư tại các Đơn vị thành viên giai đoạn 2023-2028:

Đơn vị tính : Triệu đồng.

STT	Danh mục đầu tư	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Khái toán theo năm						Ghi chú	
					2023	2024	2025	2026	2027	2028		Tổng
I	Phát triển nguồn nước											
1	Nâng CS NMN Đan kia 1 lên 50.000 m3/ngđ	m3/ngđ	24.000									
	- Xây dựng cụm bể lắng 25.000/m3/ngđ	BỂ	1	25.000			25.000				25.000	
	- Xây dựng bể chứa 3.000 m3	BỂ	1	3.000				3.000			3.000	
	- Lắp bơm cấp 1	CỤM	1	600				600			600	
	- Xây dựng tuyến ống nước thô D500	100m	2	300	480						480	
	- Hạng mục phụ trợ khác	TK	1	5.000	833	833	833	833	833	833	4.998	
2	Nâng CS NMN Đình Văn lên 6.000 m3/ngđ	m3/ngđ	5.000									
	- Xây dựng cụm xử lý mới CS 6.000 m3/ngđ	CỤM	1	8.000	8.000						8.000	
	- Cải tạo bể lắng ngang thành bể xử lý bùn	BỂ	1	500	500						500	
	- Thay mới trạm bơm cấp 2	TK	1	1.000	1.000						1.000	
	- Xây bể chứa 300m3	BỂ	1	1.000		1.000					1.000	
4	Nâng CS NMN D'Ran lên 2.000 m3/ngđ	m3/ngđ	500									
	- Lắp mới bể lọc trọng lực tự rửa 500 m3/ngđ	BỂ	1	1.000					1.000		1.000	
	- Cải tạo bể lắng đứng thành bể lắng lamen	BỂ	4	250					1.000		1.000	
5	Nâng CS NMN Đạm rồng lên 1.500 m3/ngđ	m3/ngđ	1.000									
	- Lắp mới bể lọc trọng lực tự rửa 500 m3/ngđ	BỂ	2	1.000					2.000		2.000	
	- Cải tạo bể lắng đứng thành bể lắng lamen	BỂ	4	250					1.000		1.000	
	- Lắp thêm ống chuyển tải nước sạch D150	100m	12	100					1.200		1.200	
	- Thay bơm cấp I Q=75m3/h; H=75m	BỘ	2	300					600		600	
	- Lắp bổ sung ống nước thô D150	100m	2	100					160		160	
7	Nâng CS NMN Đạ M'Ri lên 1.000 m3/ngđ	m3/ngđ	500									

STT	Danh mục đầu tư	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Khái toán theo năm							Ghi chú
					2023	2024	2025	2026	2027	2028	Tổng	
	- Xây dựng bể lọc chậm CS 500m3/ngđ	Bê	1	1.000					1.000		1.000	
	- Nguồn bổ sung cho TB cấp I	TK	1	2.000					2.000		2.000	
8	Nâng CS NMN Đạ Tẻh lên 4.000 m3/ngđ	m3/ngđ	1.000									
	- Cài tạo bể lắng đứng thành bể lamen	Bê	4	250					1.000		1.000	
	- Cài tạo đan lọc 2 tầng cho bể lọc	Bê	4	500					2.000		2.000	
II	Mở rộng mạng lưới và phát triển khách hàng											
1	NMN Đà Lạt	Hộ	3.849									
	- Lắp đặt mới khách hàng	Hộ	3.849	2	962	962	962	962	962	962	5.772	Lắp theo 117
	- Lắp ống dịch vụ D63-25 HDPE	100m	400	30	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	12.000	Lắp các hèm, nhánh
	- Lắp ống phân phối D100-300	100m	30	100	500	500	500	500	500	500	3.000	Mở rộng hệ thống
2	NMN Đinh Văn	Hộ	3.020									
	- Lắp đặt mới khách hàng	Hộ	3.020	2	755	755	755	755	755	755	4.530	Lắp theo 117
	- Lắp ống dịch vụ D63-25 HDPE	100m	200	30	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	6.000	Lắp các hèm, nhánh
	- Lắp ống phân phối D100-200	100m	20	100	333	333	333	333	333	333	1.998	Mở rộng hệ thống
3	NMN Tân Hà	Hộ	116									
	- Lắp đặt mới khách hàng	Hộ	116	2	29	29	29	29	29	29	174	Lắp theo 117
	- Lắp ống dịch vụ D63-25 HDPE	100m	10	30	50	50	50	50	50	50	300	Lắp các hèm, nhánh
4	NMN Nam Ban	Hộ	2.255									
	- Lắp đặt mới khách hàng	Hộ	2.255	2	564	564	564	564	564	564	3.384	Lắp theo 117
	- Lắp ống dịch vụ D63-25 HDPE	100m	200	30	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	6.000	Lắp các hèm, nhánh
	- Lắp ống phân phối D100-200	100m	10	100	167	167	167	167	167	167	1.002	Mở rộng hệ thống
5	NMN Thạnh Mỹ	Hộ	2.184									
	- Lắp đặt mới khách hàng	Hộ	2.184	2	546	546	546	546	546	546	3.276	Lắp theo 117
	- Lắp ống dịch vụ D63-25 HDPE	100m	200	30	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	6.000	Lắp các hèm, nhánh

STT	Danh mục đầu tư	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Khái toán theo năm							Ghi chú
					2023	2024	2025	2026	2027	2028	Tổng	
6	- Lắp ống phân phối D100-200	100m	10	100	167	167	167	167	167	167	1.002	Mở rộng hệ thống
	NMN D'Ran	Hộ	2.288									
	- Lắp đặt mới khách hàng	Hộ	2.288	2	572	572	572	572	572	572	3.432	Lắp theo 117
7	- Lắp ống dịch vụ D63-25 HDPE	100m	200	30	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	6.000	Lắp các hèm, nhánh
	- Lắp ống phân phối D100-200	100m	10	100	167	167	167	167	167	167	1.002	Mở rộng hệ thống
	NMN Đam Rông	Hộ	676									
	- Lắp đặt mới khách hàng	Hộ	676	2	169	169	169	169	169	169	1.014	Lắp theo 117
	- Lắp ống dịch vụ D63-25 HDPE	100m	50	30	250	250	250	250	250	250	1.500	Lắp các hèm, nhánh
8	- Lắp ống phân phối D100-200	100m	10	100	167	167	167	167	167	167	1.002	Mở rộng hệ thống
	NMN Bảo Lâm	Hộ	1.372									
	- Lắp đặt mới khách hàng	Hộ	1.372	2	343	343	343	343	343	343	2.058	Lắp theo 117
	- Lắp ống dịch vụ D63-25 HDPE	100m	150	30	750	750	750	750	750	750	4.500	Lắp các hèm, nhánh
9	- Lắp ống phân phối D100-200	100m	10	100	167	167	167	167	167	167	1.002	Mở rộng hệ thống
	NMN Đạ M'Ri	Hộ	641									
	- Lắp đặt mới khách hàng	Hộ	641	2	160	160	160	160	160	160	960	Lắp theo 117
	- Lắp ống dịch vụ D63-25 HDPE	100m	50	30	250	250	250	250	250	250	1.500	Lắp các hèm, nhánh
10	- Lắp ống phân phối D100-200	100m	10	100	167	167	167	167	167	167	1.002	Mở rộng hệ thống
	NMN Madaguoi	Hộ	465									
	- Lắp đặt mới khách hàng	Hộ	465	2	116	116	116	116	116	116	696	Lắp theo 117
	- Lắp ống dịch vụ D63-25 HDPE	100m	50	30	250	250	250	250	250	250	1.500	Lắp các hèm, nhánh
11	- Lắp ống phân phối D100-200	100m	10	100	167	167	167	167	167	167	1.002	Mở rộng hệ thống
	NMN Đạ Têh	Hộ	1.760									
	- Lắp đặt mới khách hàng	Hộ	1.760	2	440	440	440	440	440	440	2.640	Lắp theo 117
	- Lắp ống dịch vụ D63-25 HDPE	100m	150	30	750	750	750	750	750	750	4.500	Lắp các hèm, nhánh

STT	Danh mục đầu tư	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Khái toán theo năm							Ghi chú
					2023	2024	2025	2026	2027	2028	Tổng	
	- Lắp ống phân phối D100-200	100m	10	100	167	167	167	167	167	167	1.002	Mở rộng hệ thống
III	Chương trình chống thất thoát				5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	33.000	Theo kế hoạch năm
Tổng cộng chi phí đầu tư					31.438	22.458	46.458	25.058	34.418	21.458	181.288	

2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH TRUNG HẠN (2023-2028)

2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2023-2028

Với kế hoạch kinh doanh, đầu tư như trên, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2023 – 2028 dự kiến như sau:

DVT: triệu đồng.

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	2026	2027	2028
Doanh thu thuần	285.885	310.251	322.221	333.007	345.977	359.462
Giá vốn hàng bán	220.533	243.202	255.104	266.026	279.240	292.467
Lợi nhuận gộp	65.352	67.049	67.117	66.981	66.737	66.995
Doanh thu từ hoạt động tài chính	44.004	45.545	46.911	48.084	49.045	50.517
Chi phí tài chính	14.952	14.653	13.920	13.085	12.038	11.075
Chi phí bán hàng	4.942	5.041	5.142	5.193	5.245	5.297
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.607	15.841	16.078	16.239	16.401	16.893
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	73.856	77.059	78.888	80.547	82.098	84.245
Thu nhập khác	752	760	768	771	779	787
Chi phí khác	752	760	768	771	779	787
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	73.856	77.059	78.888	80.547	82.098	84.245
Thuế TNDN	14.771	15.412	15.778	16.109	16.420	16.849
Lợi nhuận sau thuế	59.085	61.647	63.110	64.438	65.678	67.396
Lợi nhuận sử dụng để phân phối (triệu đồng) (*)	59.085	61.647	63.110	64.438	65.678	67.396
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5% LNST phân phối (triệu đồng)	8.863	9.247	9.467	9.666	9.852	10.109
- Trích quỹ đầu tư phát triển 5% LNST phân phối (triệu đồng)	17.725	18.494	18.933	19.331	19.703	20.219
- % LNST PP/Vốn điều lệ	4,12	4,30	4,40	4,50	4,58	4,70

Ghi chú:

(*) Kế hoạch phân phối lợi nhuận từ năm 2023 đến năm 2028 (trình bày ở bảng trên) là kế hoạch dự kiến. Mức trích cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần quyết định chính thức hàng năm.

2.2. Các chỉ tiêu phân đầu cụ thể hàng năm trong giai đoạn 2023-2028

2.2.1. Kế hoạch sản xuất và cung cấp dịch vụ giai đoạn 2023 – 2028:

Stt	Chỉ tiêu	2023	2024	2025	2026	2027	2028	Tăng BQ (%)
1	Nước sản xuất (1.000 m ³)	25.204	27.125	27.414	27.738	28.091	28.482	2,50
	- Nước Công ty sản xuất	12.794	14.715	15.004	15.328	15.681	16.072	3,70
	- Nước mua SG Đankia	10.950	10.950	10.950	10.950	10.950	10.950	1,24
	- Nước mua Tuyên Lâm	1.460	1.460	1.460	1.460	1.460	1.460	0,92
2	Nước ghi thu (1.000 m ³)	20.414	22.242	22.755	23.216	23.710	24.210	3,42
3	Tỷ lệ thất thoát (%)	19,00	18,00	17,00	16,30	15,60	15,00	-4,00
4	Khách hàng (Hộ)	94.314	97.034	100.153	102.998	106.006	109.309	3,00
5	Giá bán bình quân (đ/m ³)	12.544	12.550	12.655	12.644	12.690	12.739	1,37

2.2.2. Kế hoạch doanh thu giai đoạn năm 2023-2028:

Thực hiện được các kế hoạch sản xuất kinh doanh trên, Công ty có thể đạt được mức doanh thu:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu doanh thu	2023	2024	2025	2026	2027	2028	Tăng BQ (%)
1	Hoạt động kinh doanh nước sạch	256 084	279 131	290 297	300 457	312 475	324 974	4,90
2	Hoạt động xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	10 223	10 427	10 636	10 848	11 174	11 509	2,40
3	Hoạt động xử lý nước thải	18 364	19 466	20 050	20 451	21 064	21 696	3,40
4	Hoạt động khác	1 214	1 227	1 239	1 251	1 264	1 283	1,10
	Tổng doanh thu	285 885	310 251	322 221	333 007	345 977	359 462	4,70

2.2.3. Một số chỉ tiêu khác giai đoạn 2023-2028:

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	2026	2027	2028
Vốn điều lệ (triệu đồng)	788.000	788.000	788.000	788.000	788.000	788.000
Tổng số lao động (người)	368	368	368	368	368	368
Tổng quỹ lương (triệu đồng)	50.251	51.507	52.795	54.115	55.468	56.854
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	11,379	11,664	11,955	12,254	12,561	12,875

2.2.4. Cơ cấu lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2023-2028:

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu doanh thu	2023	2024	2025	2026	2027	2028	Tăng BQ (%)
1	Hoạt động kinh doanh nước sạch	26.368	27.950	28.369	28.795	29.313	29.900	2,56
2	Hoạt động xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	1.696	1.730	1.747	1.782	1.818	1.864	1,90
3	Hoạt động xử lý nước thải	1.464	1.508	1.530	1.553	1.581	1.621	2,06
4	Hoạt động khác	323	327	330	333	340	345	1,30
	Tổng cộng	29.851	31.515	31.977	32.464	33.052	33.729	2,48

3. Các giả định dự phòng kế hoạch kinh doanh 2023 – 2028

Sản lượng nước thương phẩm tăng 3,42%/năm. Doanh thu sản xuất công nghiệp tăng bình quân khoảng 3,58% năm đạt 342.328 triệu đồng vào năm 2028;

Khai thác các thị trường tiềm năng để có số khách hàng đầu nối mới vào hệ thống cấp nước sạch tăng bình quân 2,50%/năm;

Tăng cường quản lý vận hành hệ thống cấp nước để tối ưu hóa mạng lưới, giảm thất thoát và tiết kiệm chi phí;

Tỷ lệ thất thoát nước sạch giảm xuống 15,00% vào năm 2028 và xuống dưới 15% theo chương trình quốc gia chống thất thoát thất thu nước sạch;

Tăng giá bán nước sạch bình quân dự kiến là 0,26% trong giai đoạn 2023 – 2028 để đạt mức lợi nhuận và chia cổ tức theo dự kiến.

Kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm - dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Chất lượng nước sạch đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn 01/2009 quy định, và các chỉ tiêu cụ thể quy định trong Quyết định 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng về Phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Phát triển thị trường, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các khách hàng; duy trì và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nội bộ theo ISO 9001:2016 trong toàn Công ty hướng đến 100% khách hàng hài lòng về sản phẩm nước sạch và dịch vụ cung cấp.

G. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Để thực hiện các chỉ tiêu trên, Công ty sẽ tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

1. Giải pháp về cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ

Sản phẩm và dịch vụ của Công ty sẽ được phát triển và hoàn thiện nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các đối tượng khách hàng phù hợp với định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050:

Thường xuyên kiểm soát nguồn nước về lưu lượng và chất lượng nước để chủ động thích ứng và kiến nghị kịp thời với các cơ quan chức năng quản lý nhà nước có liên quan trên địa bàn nhằm có các giải pháp bảo vệ nguồn nước cả về số lượng và chất lượng phục vụ cho cấp nước sinh hoạt;

Chủ động kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định;

Thực hiện kế hoạch súc, rửa định kỳ các bể chứa, các hệ thống tuyến ống theo quy định. Tiếp nhận thường xuyên thông tin phản ánh về chất lượng nước sạch trên mạng lưới và có biện pháp xử lý kịp thời;

Xây dựng các kế hoạch cải tạo, nâng cấp hệ thống bao gồm cả các nhà máy và mạng lưới;

Cải thiện các qui trình thủ tục liên quan đến khách hàng, triển khai hệ thống quản lý chất lượng nội bộ toàn Công ty;

Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng đến năm 2028: giải quyết kịp thời, thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng. Triển khai chữ ký điện tử, hóa đơn điện tử, văn phòng điện tử, đa dạng hóa các hình thức thu tiền nước như: hoàn thiện hệ thống quầy thu toàn tỉnh, thực hiện chấm điểm chất lượng dịch vụ của nhân viên và các thủ tục hành chính liên quan thông qua màn hình cảm ứng tại quầy; nhờ thu qua ngân hàng, bưu điện văn hóa xã... Nâng cấp Website chăm sóc khách hàng và bộ phận tiếp nhận xử lý thông tin;

Chú trọng các giải pháp chăm sóc khách hàng, cải tiến các thủ tục có liên quan đến khách hàng, thiết lập các dịch vụ xử lý nhanh các yêu cầu của khách hàng. Định kỳ lấy ý kiến thăm dò về chất lượng dịch vụ. Triển khai các dịch vụ giao dịch trực tuyến đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

2. Giải pháp về thị trường và chăm sóc khách hàng

Giải pháp về marketing là rất quan trọng nhằm phát triển đầu nổi mới vào hệ thống cấp và thoát nước của Công ty, mở rộng thị trường, góp phần chống thất thoát thất thu và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp, bảo vệ nguồn nước và hệ thống cấp nước. Các giải pháp về thị trường phải được cụ thể hóa như tuyên truyền, vận động với các hình thức đa dạng phong phú.

Chú trọng các giải pháp chăm sóc khách hàng, cải tiến các thủ tục có liên quan đến khách hàng, thiết lập các dịch vụ xử lý nhanh các yêu cầu của khách hàng. Định kỳ lấy ý kiến thăm dò về chất lượng dịch vụ. Triển khai các dịch vụ giao dịch trực tuyến đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Triển khai chương trình chăm sóc khách hàng đối với khách hàng thanh toán tiền nước sớm, sử dụng nhiều. Thưởng cho khách hàng phát hiện bể vỡ đường ống, báo cho công ty xử lý, giảm tỷ lệ thất thoát nước cho công ty.

3. Giải pháp về kiểm soát chi phí

Hướng tới 100% các bộ phận khoán chi phí, khoán lương theo sản phẩm và công việc; Thực hiện kiểm toán nội bộ; Xây dựng, theo dõi việc thực hiện ngân sách hàng tháng, hàng quý, nâng cao quản lý hoạt động thu chi, quản trị dòng tiền. Đẩy mạnh hiệu quả công tác Quản lý tài sản.

4. Giải pháp về đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ

Phát triển dịch vụ lắp đặt nước nội thất hệ thống sau Thủy lượng kế;

Xây dựng các cửa hàng vật tư ngành nước;

Cung ứng dịch vụ phân tích xét nghiệm nhanh mẫu nước cho tổ chức, người dân có nhu cầu.

Tổ chức quảng bá, giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ của Công ty đến với tất cả các công ty cấp nước trên toàn quốc và các khách hàng có nhu cầu.

5. Giải pháp về kỹ thuật và khoa học công nghệ

Chú trọng đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học, thành lập Quỹ KHCN, bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D), chuyên nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới; Khuyến khích nghiên cứu, sáng tạo các sản phẩm, dịch vụ mới, các giải pháp mới, giải quyết các vấn đề phát sinh trong SXKD của Công ty và khách hàng;...

Đăng ký đề tài tham gia Giải thưởng sáng tạo KHCN và Hội thi sáng tạo kỹ thuật của tỉnh Lâm Đồng và Trung ương;

Quản lý thông minh HTCN: nâng cao hiệu quả công tác quản lý và vận hành, tối ưu hóa quá trình xử lý nước, điều hành, cung cấp nước với việc củng cố, duy trì bộ phận quản lý mạng qua đó xây dựng Trung tâm điều khiển hiện đại có màn hình điện tử hiển thị thông tin áp lực, chất lượng nước với hệ thống SCADA và GIS sẽ giám sát, chẩn đoán, điều khiển từ xa toàn bộ hoạt động của Công ty. Đồng thời Xây dựng chương trình quản lý tổng thể ERP về quản lý khách hàng, hoá đơn, tài chính kế toán, vật tư, nhân sự, quản lý vận hành các nhà máy nước và mạng đường ống cấp nước;

Lắp đặt thêm đường ống chuyển tải DN600 hoặc DN800 từ Nhà máy nước Đan Kia Suối Vàng ra bể Tùng Lâm, dự phòng thay thế cho đường ống hiện có được lắp đặt từ năm 1984;

Triển khai áp dụng hệ thống ISO, tích cực áp dụng triết lý Kaizen và 5S; Hoàn thiện các quy trình quản lý, quy trình tác nghiệp. Đổi mới phương pháp và tư duy, tăng cường kinh tế tri thức, làm việc để nâng cao NSLĐ;

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý: Hoàn thiện chương trình quản lý khách hàng (GIS), xây dựng chương trình quản lý sản xuất (MIS); Ứng dụng chương trình quản lý XDCB; Hoàn thiện phần mềm quản lý nhân sự (tích hợp thêm module thanh toán tiền lương); Xây dựng phần mềm theo dõi dòng tiền vào ra; Phần mềm bảo trì máy móc thiết bị; Ứng dụng phần mềm trong quản lý tài sản nhà máy; Xây dựng chương trình quản lý văn thư – lưu trữ...

6. Giải pháp để giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch

Lập kế hoạch và lộ trình giảm thiểu nước thất thoát gồm các khu vực cấp nước an toàn bền vững, hiệu quả trong 5 năm (2023-2028):

- Thay đồng hồ cấp B (hiện nay chiếm khoảng 70%) bằng đồng hồ cấp C;

- Xác định chu kỳ ghi, thu khoa học, các thủy lượng kế có khối lượng sử dụng cao sẽ có chu kỳ ghi ngắn hơn những thủy lượng kế có khối lượng thấp qua đó thay đổi phiên lộ trình Ghi, thu hợp lý;

- Phân đấu mỗi năm giảm 1%, đến năm 2028 đạt tỷ lệ ở mức 15%;

Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý địa bàn để kịp thời phát hiện các vi phạm về quy chế sử dụng nước máy cũng như phát hiện và xử lý kịp thời những điểm rò rỉ, bể vỡ đường ống;

Kiểm tra, kiểm định Thủy lượng kế đúng quy định và phát hiện kịp thời những trường hợp bất thường để xử lý (cân chỉnh, thay thế, truy thu . . .);

Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến từng hộ khách hàng sử dụng nước thực hiện việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và đúng mục đích. Có chế độ khen thưởng để khuyến khích khách hàng, người dân trình báo về sự cố bể vỡ đường ống cũng như các vi phạm sử dụng nước;

Công tác vật tư: tại kho công ty, đơn vị phải luôn chủ động có đầy đủ vật tư để kịp thời phục vụ cho công tác sửa chữa khắc phục bể vỡ đường ống;

Về mạng lưới cấp nước (MLCN): tiến hành kiểm tra, thống kê từng tuyến ống và phân tích dữ liệu cụ thể để có kế hoạch sửa chữa, cải tạo hoặc thay thế cho phù hợp (lập sơ đồ hiện trạng MLCN; xác định số hộ dùng nước và tình hình sử dụng nước trên từng tuyến ống; thống kê số lượng van và thiết bị trên từng tuyến ống; xem xét hệ thống đường ống: ống chuyển tải, ống phân phối, ống dịch vụ, vật liệu và đường kính ống);

Chia vùng kiểm tra: Chia MLCN thành các vùng nhỏ để kiểm tra, xác định số lượng van trong vùng kiểm tra (nên < 30 van) có khớp với sơ đồ không và các van đóng mở có kín nước không; xác định vị trí lắp đồng hồ đo lưu lượng, áp lực; cho dòng nước chảy theo một chiều nhất định và không ra khỏi vùng; kiểm tra hệ thống có rò rỉ không;

Kiểm soát có chủ động áp lực trên toàn mạng lưới để đảm bảo việc cung cấp nước cũng như hạn chế bể vỡ, rò rỉ trên đường ống (dùng van giảm áp ở lưu vực áp lực cao, lắp Data logger để kiểm soát áp lực . . .);

Tại các nhà máy, trạm bơm (cấp II): điều chỉnh chế độ bơm một cách hợp lý; lắp biến tần cho các trạm bơm khi trên mạng không có bể chứa, đài nước điều hòa áp lực;

Phát huy tối đa tinh thần sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong quản lý, sản xuất và vận hành hệ thống cấp nước tại đơn vị mình và áp dụng cho toàn Công ty nhằm đạt hiệu quả cao trong sản xuất và kinh doanh;

Trang bị thiết bị cần thiết như các đồng hồ tổng đo lượng nước sạch cung cấp vào mạng lưới: tại các nhà máy và trên mạng phân phối (theo từng vùng, từng lưu vực cấp nước); thiết bị dò tìm rò rỉ; đồng hồ siêu âm; đồng hồ đo áp lực . . .

7. Giải pháp về quản lý đất đai, quản lý khai thác nước và công tác Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

7.1. Quản lý đất đai:

- Thực hiện các thủ tục thuê đất tại các vị trí đất đã được UBND tỉnh chấp thuận cho thuê đất nhưng chưa được cho thuê đất: 04 vị trí tại Bảo Lâm (Giếng số 2,3,4,6); 01 vị trí tại Đông Thanh (trạm bơm nước thô NMN Nam Ban).

- Xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các vị trí đất Công ty đã được cho thuê nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Gồm 15 vị trí: Đà Lạt: 04 vị trí; Lạc Dương: 01 vị trí; Lâm Hà: 01 vị trí; Bảo Lâm: 03 vị trí; Đạ Tẻh: 04 vị trí; Đơn Dương: 02 vị trí).

7.2. Công tác Quản lý khai thác nước và Bảo vệ môi trường trong sản xuất:

- Hoàn thiện thủ tục xin cấp phép môi trường đối với các nhà máy nước trực thuộc Công ty;

- Điều chỉnh giấy phép khai thác đối với các nhà máy có lưu lượng khai thác thay đổi so với lưu lượng khai thác được cấp phép;

- Tiếp tục thực hiện giám sát khai thác nước theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường, cập nhập dữ liệu định kỳ vào hệ thống quản lý của Sở TNMT.

- Thực hiện quan trắc 02 lần/năm các chỉ tiêu nước thô, chỉ tiêu môi trường theo cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường,... đối với các cơ sở sản xuất nước cấp đến khi được cấp phép bảo vệ môi trường.

8. Giải pháp về tổ chức, quản trị nhân sự và đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực là chiến lược chức năng và là công cụ nhằm thực hiện chiến lược doanh nghiệp. Chiến lược này bao gồm tổng thể các hoạt động nhằm: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hoàn thiện quy mô và cơ cấu nguồn nhân lực một cách có tổ chức của của Công ty:

Cấu trúc bộ máy cho phù hợp và hiệu quả;

Áp dụng các cơ chế quản trị mới theo hướng chủ động nhằm phát huy nguồn nhân lực;

Triển khai xây dựng các thiết chế quản trị doanh nghiệp mới và áp dụng có hiệu quả;

Lựa chọn nguồn nhân lực tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn;

Tổ chức đào tạo nội bộ về kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho các nhóm cán bộ, nhân viên ở các tổ đội chuyên môn;

Đào tạo theo hình thức cầm tay chỉ việc, chuyển giao tri thức cho các nhân viên mới theo cách thức vừa làm vừa học hỏi dưới sự hướng dẫn của các nhân viên có kinh nghiệm;

Tổ chức đào tạo chuyên môn về marketing cho đội ngũ kinh doanh;

Tổ chức đào tạo về kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp và thái độ phục vụ cho đội ngũ nhân viên chuyên môn, đào tạo cơ bản, chuyên sâu, đào tạo chuyên gia;

Kiến toàn bộ máy: Sau Cổ phần hóa Công ty sẽ tiến hành tái cơ cấu các bộ phận, bố trí, sắp xếp cán bộ đúng việc, đúng chức năng nhiệm vụ, đổi mới quy trình quản lý, công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; tổ chức thi tuyển các chức danh nội bộ.

9. Chính sách đối với người lao động trong Công ty

Các chính sách về lao động của Công ty trong giai đoạn sau cổ phần hóa có những điểm chính sau:

Căn cứ vào quỹ tiền lương đăng ký và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

Việc trả lương thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc;

Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước;

Về tiền thưởng: Theo quy định của Nhà nước và quy chế của Công ty;

Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc Công ty theo đúng quy định hiện hành ;

Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của cán bộ công nhân viên;

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động và các chính sách của Công ty.

10. Giải pháp về tài chính và đầu tư phát triển

Các giải pháp tài chính là hết sức quan trọng đối với Công ty nhằm thực hiện các kế hoạch sản xuất và doanh thu. Trong giai đoạn sau cổ phần hóa, công tác tài chính của Công ty sẽ chú trọng những biện pháp sau:

Các giải pháp tài chính trong đầu tư xây dựng:

- Triệt để sử dụng nguồn vốn đầu tư hệ thống cấp nước từ các chủ đầu tư bên ngoài;

- Tiếp tục triển khai mô hình xã hội hóa trong cải tạo, nâng cấp và mở rộng mạng lưới;

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự có của doanh nghiệp;

- Sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành thêm cổ phần khi cổ phần hóa để đầu tư cải tạo, phát triển nguồn và mạng phân phối nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2028 và bổ sung vốn lưu động sử dụng trong hoạt động xây dựng cơ bản và tư vấn.

11. Các giải pháp tài chính trong hoạt động kinh doanh:

Chú trọng biện pháp tài chính khuyến khích phát triển khách hàng, tăng số hộ đầu nối mới trong vùng phục vụ;

Thực hiện thay đổi địa bàn nhân viên ghi thu, duy trì các giải pháp quản lý thu nộp tiền nước để từng bước giảm tối thiểu tồn thu, thất thu; đảm bảo tỷ lệ tồn thu hàng năm dưới 0,5%. Từng bước áp dụng các mô hình ghi thu hiện đại và tiện lợi.

12. Giải pháp khác

Tiếp tục duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp, xây dựng các bộ quy tắc ứng xử phù hợp để trở thành động lực, mục tiêu của công ty; đăng ký bản quyền logo, slogan của Công ty để tạo chất keo kết dính giữa cá nhân và Công ty, góp phần xây dựng nguồn nhân lực mang bản sắc, nét đặc trưng của công ty.

Xây dựng cơ sở dữ liệu, tài liệu và các văn bản liên quan về chuyên môn, kỹ thuật, pháp luật...

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động SXKD giai đoạn từ tháng 06/2018 đến Quý 1 năm 2023 và phương hướng hoạt động trung hạn giai đoạn năm 2023 đến năm 2028 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, kính trình Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng xem xét và cho ý kiến chỉ đạo thực hiện.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Điều hành Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Các Đơn vị thành viên Cty;
- Các tổ chức đoàn thể Cty;
- Lưu: VT, P.KH-KD.



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

Số: 24.../KH – CTN

Đà Lạt, ngày 27 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

“ V/v Xác định quỹ lương kế hoạch Công ty năm 2023”

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, quỹ lương thực hiện năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.

Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng xây dựng quỹ lương kế hoạch năm 2023 như sau:

1. Quỹ lương người lao động năm 2023 bao gồm:

1.1 Quỹ lương kinh doanh nước sạch tính theo đơn giá tiền lương sản xuất nước là: 127,54 đồng/1000 đồng doanh thu tiền nước.

1.2 Quỹ lương xử lý nước thải tính theo đơn giá 3.161,68 đồng/m³ nước thải xử lý.

1.3 Quỹ lương xây dựng cơ bản và lắp đặt hệ thống ống nhánh cấp nước cho khách hàng tính theo nhân công từng công trình và chiết tính thực tế như sau:

- Nếu thực hiện đạt hoặc vượt kế hoạch sẽ được hưởng 100% quỹ lương theo kế hoạch và cộng thêm phần vượt.

- Nếu thực hiện không đạt sẽ được hưởng theo thực tế thực hiện.

Điều kiện hưởng: lợi nhuận sản xuất công nghiệp phải đạt theo kế hoạch.

2. Quỹ lương của Ban hành công ty năm 2023 tính theo đơn giá là : 6,79 đồng/ 1000 đồng doanh thu sản xuất công nghiệp.

Điều kiện hưởng: lợi nhuận sản xuất công nghiệp phải đạt theo kế hoạch.

(Có báo cáo chi tiết đính kèm theo)

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (thay báo cáo);
- Lưu TC-VT.



Nguyễn Hùng Cường

Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm và tiền lương thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023
(kèm theo Kế hoạch số 24 /KH-CTN, ngày 27 tháng 01 năm 2023)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM 2022			NĂM 2023		Ghi chú
			Kế hoạch năm toàn công ty	Thực hiện	Tỷ lệ % so với KH	Kế hoạch	Tỷ lệ % Kế hoạch 2023/ Thực hiện 2022	
A	Doanh thu (Kế hoạch)	Tr.đồng	289 275	321 515	111.1	331 957	103.2%	
1	Doanh thu SXCN	Tr.đồng	247 168	277 558	112.3	285 885	103.0%	
1.1	Kinh doanh nước sạch	Tr.đồng	220 822	248 625	112.6	256 084	103.0%	
1.2	Doanh thu Ông nhánh, XD CB	Tr.đồng	9 352	9 925	106.1	10 223	103.0%	
1.3	Xử lý nước thải	Tr.đồng	14 901	17 829	119.6	18 364	103.0%	
1.4	Doanh thu khác	Tr.đồng	2 093	1 179	56.3	1 214	103.0%	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đồng	41 759	41 909	100.4	44 004	105.0%	
3	Doanh thu khác		348	2 048	588.5	2 068	101.0%	
B	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	46 331	71 903	155.2	74 869	104.1%	
1	Lợi nhuận hoạt động SXCN	Tr.đồng	4 372	30 491	697.4	30 865	101.2%	
1.1	- Kinh doanh nước sạch	Tr.đồng	1 000	27 076	2 707.6	27 347	101.0%	
1.2	- Doanh thu XD CB, Lắp đặt HTCN	Tr.đồng	1 415	1 663	117.5	1 713	103.0%	
1.3	- Xử lý nước thải	Tr.đồng	1 361	1 435	105.4	1 478	103.0%	
1.4	- Khác	Tr.đồng	596	317	53.2	327	103.2%	
2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	Tr.đồng	41 759	41 909	100.4	44 004	105.0%	
3	Lợi nhuận hoạt động khác	Tr.đồng	200	(497)	(248.5)		0%	
B	Tổng quỹ lao động tiền lương	Tr.đồng	49 025	49 025	100.0	50 251	102.5%	

12/

1	Tổng quỹ lương CB-CNV	Tr.đồng	47 132	47 132	100.0	48 310	102.5%	
1.1	- Quỹ lương sản xuất nước	Tr.đồng	31 864	31 864	100.0	32 661	102.50%	
1.2	- Quỹ lương xây dựng cơ bản	Tr.đồng	2 558	2 558	100.0	2 622	102.50%	
1.3	- Quỹ lương ống nhánh khách hàng	Tr.đồng	3 587	3 587	100.0	3 677	102.50%	
1.4	- Quỹ lương xử lý nước thải	Tr.đồng	9 123	9 123	100.0	9 351	102.50%	
2	Tổng quỹ lương Ban Điều hành	Tr.đồng	1 893	1 893	100.0	1 940	102.50%	

Đề nghị quỹ lương thực hiện năm 2023 tính cụ thể như sau:

i. Tiền lương người lao động năm 2023

1.1 Quỹ lương sản xuất nước tính theo đơn giá: 127,54 đồng/1000 đồng doanh thu tiền nước. (32,661 tỷ/ 256,084 tỷ x 1000 đồng doanh thu tiền nước)

1.2 Quỹ lương xây dựng cơ bản và lắp đặt ống nhánh khách hàng tính theo nhân công thực tế thực hiện các công trình và chiết tính thực tế được thanh quyết toán. Nếu thực hiện đạt hoặc vượt kế hoạch sẽ được hưởng 100% quỹ lương theo kế hoạch và cộng thêm phần nhàn công vượt kế hoạch. Nếu thực hiện không đạt kế hoạch sẽ được hưởng theo thực tế thực hiện.

1.3. Quỹ lương xử lý nước thải tính theo đơn giá: 3.161,68 đồng/ m3 nước thải xử lý theo Tờ trình số: 1.360/TTr-STC, ngày 13/06/2017 của Sở Tài chính Lâm Đồng.

2. Đơn giá tiền lương của Ban điều hành công ty năm 2023 là : 6,79 đồng/ 1000 đồng doanh thu sản xuất công nghiệp (1,940 tỷ / 285,885 tỷ đồng x1000 đồng doanh thu sản xuất công nghiệp)

PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH

nhom

Nguyễn Hoàng Khâm

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

[Signature]

Bùi Hoàng Cường Vi



Nguyễn Hùng Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÁI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 40

1101
ÉM
-CI
S
1988

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên
Bà Vy Thị Bé	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Bà Trần Thị Thủy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hùng Cường - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Chau ma và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 2 năm 2023

Số: 1592/2023/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 2 năm 2023, từ trang 4 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1741-2023-072-1



Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2767-2019-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 2 năm 2023

BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		639.976.541.359	370.557.462.116
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		34.833.300.809	25.231.261.916
1. Tiền	111	V.1	34.833.300.809	25.231.261.916
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		550.860.000.000	278.844.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10	550.860.000.000	278.844.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.194.299.914	57.514.489.337
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.551.249.778	28.938.000.131
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	468.095.880	4.330.047.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	46.275.503.930	29.438.718.187
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.104.960.760)	(5.192.276.281)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.411.086	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	7.043.556.760	8.967.710.863
1. Hàng tồn kho	141		9.379.890.344	10.377.310.508
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.336.333.584)	(1.409.599.645)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.383.876	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	45.383.876	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÀN TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022


Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		533.281.306.747	1.090.329.697.386
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		330.000.000	228.036.580
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	330.000.000	228.036.580
II. Tài sản cố định	220		473.630.911.617	780.761.085.616
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	472.217.891.079	779.236.069.422
- Nguyên giá	222		1.007.127.577.027	1.481.084.102.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(534.909.685.948)	(701.848.033.391)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.413.020.538	1.525.016.194
- Nguyên giá	228		2.033.591.000	2.003.591.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(620.570.462)	(478.574.806)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		748.686.373	7.952.760.520
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	748.686.373	7.952.760.520
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	38.675.252.238	276.125.252.238
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.125.252.238	11.125.252.238
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		27.550.000.000	265.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.896.456.519	25.262.562.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	12.536.949.897	17.826.641.383
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	221.805.631	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.13	7.137.700.991	7.435.921.049
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.173.257.848.105	1.460.887.159.502


BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		271.888.013.311	289.844.112.386
I. Nợ ngắn hạn	310		64.225.322.843	59.069.135.673
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	14.298.020.851	12.818.767.448
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	572.822.043	1.207.665.636
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	12.211.275.514	3.829.608.622
4. Phải trả người lao động	314		7.967.609.873	9.709.869.871
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.745.626.460	2.949.634.444
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.421.091.406	1.371.417.072
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	22.793.678.239	22.793.678.241
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1.215.198.457	4.388.494.339
II. Nợ dài hạn	330		207.662.690.468	230.774.976.713
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	439.862.275	490.687.935
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	207.068.700.585	229.862.378.815
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		154.127.608	421.909.963
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		901.369.834.794	1.171.043.047.116
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	901.369.834.794	875.708.359.169
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		788.000.000.000	788.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		788.000.000.000	788.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.512.122.705	28.512.122.705
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		16.853.160.429	1.200.937.430
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	12.206.383.925
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.674.027.288	34.458.390.737
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		56.674.027.288	34.458.390.737
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		11.330.524.372	11.330.524.372
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	295.334.687.947
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.22	-	295.334.687.947
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.173.257.048.105	1.460.887.159.502


 Trần Thị Tuyết Ngọc
 Người lập biểu


 Bùi Hoàng Trường Vĩ
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Hùng Cường
 Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2022	2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	277.558.293.179	233.902.460.940
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		277.558.293.179	233.902.460.940
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	212.734.277.921	196.493.363.089
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		64.824.015.258	37.409.097.851
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	41.909.282.468	41.346.042.816
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.257.152.308	16.651.101.221
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.257.152.308	16.651.101.221
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.892.964.529	5.199.156.890
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.152.216.196	12.628.591.222
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		71.430.964.693	44.276.291.334
11. Thu nhập khác	31	VI.7	745.284.892	337.612.530
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.242.089.421	1.385.836.820
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40	VI.7	(496.804.529)	(1.048.224.290)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		70.934.160.164	43.228.067.044
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	14.481.938.507	8.769.676.307
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	(221.805.631)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		56.674.027.288	34.458.390.737
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	486	374



Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu



Bùi Hoàng Trường Vi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2022	2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	300.589.610.067	254.120.889.154
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(129.306.046.437)	(114.566.621.856)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(45.665.917.009)	(45.728.732.320)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(15.425.378.247)	(16.790.663.453)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(8.464.585.712)	(9.805.745.544)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.315.131.881	2.441.190.830
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(44.803.578.161)	(45.738.122.315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	64.239.236.382	23.932.194.496
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18.496.787.652)	(13.687.896.962)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(313.410.000.000)	(562.344.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	300.844.000.000	562.233.353.993
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.223.268.395	41.438.343.928
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.839.519.257)	27.639.800.959
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.793.678.232)	(22.793.698.628)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.004.000.000)	(20.398.546.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(48.797.678.232)	(43.192.245.548)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	9.602.038.893	8.379.749.907
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	25.231.261.916	16.851.512.009
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	34.833.300.809	25.231.261.916



Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu



Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 2 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (doanh nghiệp 100 % vốn Nhà nước), được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt cơ cấu vốn khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 ngày 22 tháng 6 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp và được cập nhật thay đổi vào ngày 7 tháng 5 năm 2021 do đăng ký bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty là 788.000.000.000 đồng, được chia thành 78.800.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh là: Lam Dong Water Supply and Sewerage Joint Stock Company, tên viết tắt là: Lawaco.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: LDW.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 368 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 363 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước; giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thẩm tra dự án đầu tư; đánh giá tác động môi trường; thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; xử lý nước thải; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy nước Lâm Hà	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Bảo Lâm	Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Tẻh	Khu phố 6A, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đơn Dương	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Huoai	Thị trấn Madaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đam Rông	Thị trấn Bằng Lũng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xử lý nước thải	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp tư vấn cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Tỉnh Lâm Đồng	37,01%	37,01%	Khai thác, kinh doanh nước sạch
2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Tỉnh Lâm Đồng	32,10%	32,10%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, Công ty đã thực hiện bàn giao hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt thuộc sở hữu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt cho Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt quản lý.

Trong năm, dự án đầu tư xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt đã được nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 25

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm hệ thống đường ống nhánh, lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Hệ thống đường ống nhánh

Chi phí Công ty bỏ ra để đầu tư hệ thống đường ống nhánh được ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn, phân bổ theo định mức với đơn giá 297 đồng/m³ ghi thu theo quy định về cơ cấu giá thành sản xuất nước do Sở Tài chính và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành.

Đối với phần giá trị tăng thêm của hệ thống đường ống nhánh khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, Công ty thực hiện phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích 10 năm.

Công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác

Công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là số vốn thực tế được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản các công trình công ích. Khi công trình hoàn thành và nghiệm thu quyết toán, Công ty được ghi tăng tài sản cố định và nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định. Đây là các tài sản mà Công ty vận hành và quản lý thay cho Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Thông tin bộ phận

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ mảng kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	116.677.273	146.348.534
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.716.623.536	25.084.913.382
Cộng	34.833.300.809	25.231.261.916

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt (i)	2.266.703.663	-
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm	2.004.963.755	1.719.872.407
Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	500.000.000	-
Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng (i)	427.446.691	477.446.691
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh	-	3.628.863.931
Các khoản phải thu khách hàng khác	-	22.000.000.000
	352.135.669	1.111.817.102
Cộng	5.551.249.778	28.938.000.131

(i) Trước khi dự án được bàn giao cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt, Công ty ký hợp đồng với Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng về việc quản lý và vận hành nhà máy xử lý nước thải thuộc hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt. Sau khi bàn giao cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt, Công ty đã ký hợp đồng với Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt để cung cấp dịch vụ xử lý nước thải.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp thoát Nước Lâm Đồng	206.195.000	206.195.000
Công Ty TNHH Sài Gòn Kỹ Thuật	201.039.880	-
Công ty TNHH Kỹ thuật U.S	-	3.906.852.300
Các nhà cung cấp khác	60.861.000	217.000.000
Cộng	468.095.880	4.330.047.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**4. Phải thu khác**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	38.521.622.933	22.177.861.068
Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải (i)	3.688.211.187	3.688.211.187
Phải thu Nhà nước liên quan đến dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt (ii)	1.587.664.778	1.587.664.778
Thù lao Hội đồng Quản trị chờ quyết toán (iii)	1.087.600.000	1.116.100.000
Phải thu về cổ tức được chia	342.252.208	-
Các khoản phải thu khác	1.048.152.824	868.881.154
	46.275.503.930	29.438.718.187
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ	330.000.000	228.036.580
Tổng cộng phải thu khác	46.605.503.930	29.666.754.767
Trong đó, số dự phải thu bên liên quan:		
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	342.252.208	-

(i) Đây là khoản chi phí quản lý vượt định mức của Ban quản lý dự án thuộc dự án thoát nước và xử lý nước thải. Dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ giá trị cho khoản phải thu này.

(ii) Đây là khoản phải thu Nhà nước để thanh toán cho các gói thầu xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 10 tháng 11 năm 2021, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện các thủ tục để đề nghị Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Lâm Đồng bố trí nguồn vốn đối ứng để thanh toán cho các nhà thầu còn lại.

(iii) Đây là khoản tạm ứng thù lao năm 2022 cho Hội đồng Quản trị Công ty. Khoản thù lao này sẽ được giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.416.749.573	-	(1.416.749.573)	1.337.065.094	-	(1.337.065.094)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-	-	167.000.000	-	(167.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	3.688.211.187	-	(3.688.211.187)	3.688.211.187	-	(3.688.211.187)
Cộng	5.104.960.760	-	(5.104.960.760)	5.192.276.281	-	(5.192.276.281)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	5.192.276.281	1.255.341.957
Trích lập dự phòng trong năm	178.294.715	312.551.336
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(265.610.236)	(63.828.199)
Điều chỉnh khác	-	3.688.211.187
Số dư cuối năm	5.104.960.760	5.192.276.281

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	8.190.514.665	(2.336.333.584)	9.398.529.685	(1.409.599.645)
Công cụ, dụng cụ	1.039.424.084	-	840.016.070	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	149.951.595	-	138.764.753	-
Cộng	9.379.890.344	(2.336.333.584)	10.377.310.508	(1.409.599.645)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	1.409.599.645	1.246.739.190
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	945.218.999	163.809.156
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(18.485.060)	(948.701)
Số dư cuối năm	2.336.333.584	1.409.599.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	466.271.432.074	84.721.072.221	774.872.976.868	111.761.776.075	43.456.845.575	1.481.084.102.813
Xây dựng cơ bản hoàn thành	8.018.857.503	11.180.607.657	8.036.155.476	2.420.547.251	-	29.656.167.887
Bản giao lại hệ thống xử lý nước thải cho Nhà nước (i)	(266.429.149.730)	(33.715.452.304)	(133.617.830.227)	(68.945.678.494)	(459.821.126)	(503.167.931.881)
Giảm khác	-	-	(444.761.792)	-	-	(444.761.792)
Tại ngày 31/12/2022	207.861.139.847	62.186.227.574	648.846.540.325	45.236.644.832	42.997.024.449	1.007.127.577.027
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	245.244.194.224	38.777.610.423	352.526.317.985	52.232.358.197	13.067.552.562	701.848.033.391
Khấu hao trong năm	8.777.882.114	3.837.654.652	22.457.704.401	4.094.915.614	1.737.883.266	40.906.040.047
Bản giao lại hệ thống xử lý nước thải cho Nhà nước (i)	(134.297.422.801)	(13.701.356.716)	(28.758.142.494)	(30.616.500.798)	(459.821.126)	(207.833.243.935)
Giảm khác	-	-	(11.143.555)	-	-	(11.143.555)
Tại ngày 31/12/2022	119.724.653.537	28.913.908.359	346.214.736.337	25.710.773.013	14.345.614.702	534.909.685.948
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	221.027.237.850	45.943.461.798	422.346.658.883	59.529.417.878	30.389.293.013	779.236.069.422
Tại ngày 31/12/2022	88.136.486.310	33.272.319.215	302.631.803.988	19.525.871.819	28.651.409.747	472.217.891.079

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 19.599.958.881 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 49.353.727.214 đồng).

Công ty đã sử dụng các tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 297.386.974.173 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 314.327.595.584 đồng) để bảo đảm cho các khoản vay theo hiệp định với Bộ Tài chính (xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số V.18).

(i) Ngày 14 tháng 4 năm 2022, Công ty đã thực hiện bản giao hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt thuộc sở hữu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt cho Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	737.591.000	1.266.000.000	2.003.591.000
Mua trong năm	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2022	737.591.000	1.296.000.000	2.033.591.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	179.821.931	298.752.875	478.574.806
Khấu hao trong năm	14.751.820	127.243.836	141.995.656
Tại ngày 31/12/2022	194.573.751	425.996.711	620.570.462
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	557.769.069	967.247.125	1.525.016.194
Tại ngày 31/12/2022	543.017.249	870.003.289	1.413.020.538

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đá Lạt (i)	-	5.445.587.900
Các dự án khác	748.686.373	2.507.172.620
Cộng	748.686.373	7.952.760.520

(i) Trong năm, dự án đầu tư xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đá Lạt đã được nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đây là dự án được phê duyệt đầu tư bằng nguồn quỹ đầu tư phát triển theo các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên và nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	7.952.760.520	2.563.393.065
Chi phí đầu tư trong năm	18.756.188.228	10.720.950.132
Tăng khác	-	5.311.623.355
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(22.643.874.528)	(6.826.124.090)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(2.506.711.875)	(2.837.040.744)
Ghi nhận vào chi phí trong năm	(809.675.972)	(980.041.198)
Số dư cuối năm	748.686.373	7.952.760.520

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	550.860.000.000	550.860.000.000	278.844.000.000	278.844.000.000
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	27.550.000.000	27.550.000.000	265.000.000.000	265.000.000.000
Tổng cộng	578.410.000.000	578.410.000.000	543.844.000.000	543.844.000.000

Theo nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty, tiền thu được từ bán cổ phần được giữ lại để đầu tư phát triển Công ty. Hiện nay, toàn bộ số tiền đang được gửi tại các ngân hàng thương mại và việc này tiếp tục được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019. Công ty được hưởng mức lãi suất trong năm dao động từ 5,70% đến 11,70%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Cổ phiếu nắm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Cổ phiếu nắm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	554.365	5.658.526.204	-	554.365	5.658.526.204	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	433.350	5.466.726.034	-	433.350	5.466.726.034	-
Cộng		11.125.252.238	-		11.125.252.238	-

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh bao gồm 28.628 cổ phiếu nhận được do Công ty liên kết này chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2020, tương đương với tổng mệnh giá 286.280.000 đồng. Theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, Công ty không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu tài chính khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết chưa được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÀO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống ống nhánh (i)	10.437.139.446	12.336.220.153
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.099.810.451	3.242.857.893
Chi phí lắp đặt đồng hồ nước và ống nhánh	-	2.247.563.337
Cộng	12.536.949.897	17.826.641.383

(i) Đây là giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống đường ống nhánh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Công ty thực hiện phân bổ chi phí này trong vòng 10 năm. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh được 4,5 năm.

12. Tái sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho VND
Tại ngày 01/01/2021	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	-
Tại ngày 01/01/2022	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	221.805.631
Tại ngày 31/12/2022	221.805.631

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại 20%

Theo thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019, chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất sẽ không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý. Từ năm 2021, Công ty đã loại trừ khoản chi phí dự phòng tương ứng với tổng giá trị 1.109.028.155 đồng ra khỏi chi phí tính thuế khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty có thể sử dụng khoản chi phí này để khấu trừ vào thu nhập tính thuế trong tương lai khi Công ty thực hiện thanh lý các mã hàng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	7.137.700.991	-	7.435.921.049	-

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	10.576.016.035	10.576.016.035	9.818.676.899	9.818.676.899
Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyền Lâm	767.684.000	767.684.000	-	-
Các đối tượng khác	2.954.320.816	2.954.320.816	3.000.090.549	3.000.090.549
Cộng	14.298.020.851	14.298.020.851	12.818.767.448	12.818.767.448

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Petrolimex Lâm Đồng	247.220.000	247.220.000
Khách hàng lắp đặt đường ống nhánh	86.811.543	248.558.158
Các khách hàng khác	238.790.500	711.887.478
Cộng	572.822.043	1.207.665.636

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	45.383.876	45.383.876
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	309.224.049	6.951.690.201	6.209.783.046	1.051.131.204
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.844.636.307	14.481.938.507	8.464.585.712	7.861.989.102
Thuế thu nhập cá nhân	373.037.876	752.930.604	1.125.968.480	-
Phí bảo vệ môi trường	1.223.658.641	18.721.563.741	16.816.312.864	3.128.909.518
Thuế tài nguyên	74.325.529	952.883.275	866.009.835	161.198.969
Tiền thuê đất	-	480.535.390	480.535.390	-
Các khoản phải nộp khác	4.726.220	18.320.501	15.000.000	8.046.721
Cộng	3.829.608.622	42.359.862.219	33.978.195.327	12.211.275.514

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.795.376.085	1.963.602.023
Chi phí hỗ trợ nhân viên thu phí	1.660.394.900	985.032.421
Các khoản chi phí phải trả khác	289.855.475	1.000.000
Cộng	3.745.626.460	2.949.634.444

18. Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản phải trả về cổ phần hòa	817.283.299	817.283.299
Các khoản phải trả khác	603.808.107	554.133.773
	1.421.091.406	1.371.417.072
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	439.862.275	490.687.935
	439.862.275	490.687.935
Tổng cộng phải trả khác	1.860.953.681	1.862.105.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	22.793.678.239	22.793.678.239			22.793.678.241	22.793.678.241
b. Dài hạn						
Vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt (i)	185.148.460.480	185.148.460.480	- 16.831.678.232		201.980.138.712	201.980.138.712
Vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng (ii)	44.713.918.344	44.713.918.344	- 5.962.000.000		50.675.918.344	50.675.918.344
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.239)	(22.793.678.239)			(22.793.678.241)	(22.793.678.241)
	207.068.700.585	207.068.700.585			229.862.378.815	229.862.378.815
Tổng cộng khoản vay	229.862.378.824	229.862.378.824	- 22.793.678.232		252.656.057.056	252.656.057.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay***(i) Khoản vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt:*

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng) ngày 28 tháng 12 năm 2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội Phát triển Quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn để đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị. Hạn mức khoản vay tối đa 13.184.521 Đô la Mỹ, tương đương 274.422.627.526 đồng tại thời điểm phê duyệt. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 6,75%/năm, cộng thêm phí 0,2%/năm cho số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Tài sản đảm bảo và thế chấp cho khoản vay này bao gồm nhà văn phòng điều hành tại 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; trạm bơm tăng áp Hùng Vương, 6 bể chứa (Mộng Mơ, Thái Phiện, Resimair, Măng Lìn, Cao Thắng, Vạn Thành) và hệ thống tuyến ống chuyển tải, phân phối, dịch vụ và thiết bị đầu nối hộ gia đình của dự án nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước và nước thải đô thị thành phố Đà Lạt.

(ii) Khoản vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng:

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn thuộc địa phận tỉnh Lâm Đồng, bao gồm: Thị trấn Tân Hà, huyện Lâm Hà; Thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà; Thị trấn Mađaguôi, huyện Đa Huoai; Thị trấn Đambri, huyện Đa Huoai; Thị trấn Đ'ran, huyện Đơn Dương; Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam. Hạn mức khoản vay tối đa 137,96 tỷ đồng. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 3%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này bao gồm máy móc thiết bị, tuyến ống, đường nội bộ, các công trình phụ trợ và bể nước; nhà hành chính, nhà kho, nhà hóa chất, công trình thu nước (công trình thu, trạm bơm nước thô), trạm bơm tăng áp của 6 nhà máy cấp nước (Tân Hà, Nam Ban, Mađaguôi, Đambri, Đ'ran, Bằng Lãng) thuộc dự án phát triển cấp nước đô thị Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	22.793.678.239	22.793.678.241
Trong năm thứ hai	22.793.678.239	22.793.678.241
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	68.381.034.723	68.381.034.723
Sau năm năm	115.893.987.623	138.687.665.851
Cộng	229.862.378.824	252.656.057.056
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.239)	(22.793.678.241)
Số phải trả sau 12 tháng	207.068.700.585	229.862.378.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	4.388.494.339	7.865.960.161
Trích lập quỹ trong năm	3.910.951.663	11.605.598.677
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(7.084.247.545)</u>	<u>(15.083.064.499)</u>
Số dư cuối năm	<u>1.215.198.457</u>	<u>4.388.494.339</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	788.000.000.000	28.512.122.705	543.607.360	7.066.214.231	38.649.998.425	11.330.524.372	874.102.467.093
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	34.458.390.737	-	34.458.390.737
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.330.400.000)	-	(20.330.400.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.605.598.677)	-	(11.605.598.677)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.797.499.764	(5.797.499.764)	-	-
Thù lao của ban điều hành	-	-	-	-	(916.499.984)	-	(916.499.984)
Đầu tư tài sản từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	657.330.070	(657.330.070)	-	-	-
Tại ngày 01/01/2022	788.000.000.000	28.512.122.705	1.200.937.430	12.206.383.925	34.458.390.737	11.330.524.372	875.708.359.169
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	56.674.027.288	-	56.674.027.288
Chia cổ tức	-	-	-	-	(26.004.000.000)	-	(26.004.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.910.951.663)	-	(3.910.951.663)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.445.839.074	(3.445.839.074)	-	-
Thù lao của ban điều hành	-	-	-	-	(1.097.600.000)	-	(1.097.600.000)
Đầu tư tài sản từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.652.222.999	(15.652.222.999)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	788.000.000.000	28.512.122.705	16.853.160.429	-	56.674.027.288	11.330.524.372	901.369.834.794

Việc trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển trong năm và quyết toán thù lao cho Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát năm 2021 được thực hiện theo nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Trong năm, nguồn quỹ đầu tư phát triển đã được dùng để tài trợ cho dự án nhà máy trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty với tổng mức đầu tư theo kế hoạch là 14,94 tỷ đồng. Dự án đang trong quá trình quyết toán và sẽ được phê duyệt bổ sung nguồn quỹ đầu tư phát triển tại Đại hội đồng cổ đông năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Tại ngày 31/12/2022 và 01/01/2022		
	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	31.512.924	39,99%	315.129.240.000
Bà Trương Thị Mỹ An	13.975.893	17,74%	139.758.930.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	12.502.601	15,87%	125.026.010.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	10.735.182	13,62%	107.351.820.000
Công ty Cổ phần Golden Stream	9.000.000	11,42%	90.000.000.000
Các cổ đông khác	1.073.400	1,36%	10.734.000.000
Cộng	78.800.000	100,00%	788.000.000.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

d) Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28 tháng 4 năm 2022, cổ tức năm 2021 đã được phê duyệt với tổng số tiền là 26.004.000.000 đồng, tương ứng mức 330 đồng/cổ phiếu đang lưu hành.

Cổ tức năm 2022 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ lớn hơn hoặc bằng 3,3%, tương ứng 330 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Mức chi trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên của năm tiếp theo.

22. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Toàn bộ nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định là nguồn vốn ngân sách Nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản cố định tại Xi nghiệp quản lý nước thải, chi tiết biến động trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Giá trị còn lại đầu năm	295.334.687.947	319.280.595.323
Bàn giao lại hệ thống xử lý nước thải cho Nhà nước (i)	(295.334.687.947)	-
Khấu hao trong năm	-	(22.735.988.548)
Điều chỉnh khác	-	(1.209.918.828)
Giá trị còn lại cuối năm	-	295.334.687.947

(i) Như đã trình bày tại thuyết minh số V.7, Công ty đã thực hiện bàn giao hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt thuộc sở hữu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt cho Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt quản lý vào ngày 14 tháng 4 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 134/HD-TD thửa đất tại 50 Hùng Vương, thành phố Đà Lạt để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2014. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.671,91 m².

Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đơn giá tính tiền thuê đất sẽ được xác định và điều chỉnh lại theo từng thời kỳ dựa theo các quy định của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022 Ngoại tệ	01/01/2022 Ngoại tệ
Tiền Đôla Mỹ (USD)	67,5	67,5

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công nợ tiền nước từ trước năm 1999	23.958.182	23.958.182
Các khoản phải thu khác	13.578.000	13.578.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu kinh doanh nước sạch	248.624.554.170	208.323.443.444
Doanh thu xử lý nước thải	17.829.133.058	14.466.588.000
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	9.925.404.893	9.079.964.354
Doanh thu khác	1.179.201.058	2.032.465.142
Cộng	<u>277.558.293.179</u>	<u>233.902.460.940</u>

2. Giá vốn hàng bán

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn kinh doanh nước sạch	188.840.694.916	175.511.810.412
Giá vốn xử lý nước thải	14.481.620.710	12.172.536.018
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	7.734.431.671	7.314.448.451
Giá vốn khác	750.796.685	1.331.707.753
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	926.733.939	162.860.455
Cộng	<u>212.734.277.921</u>	<u>196.493.363.089</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi	41.083.680.260	40.189.724.160
Cổ tức được chia	825.602.208	1.156.318.656
Cộng	<u>41.909.282.468</u>	<u>41.346.042.816</u>

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ các bên liên quan:

Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	433.350.000	780.030.000
Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	392.252.208	376.288.656
Cộng	<u>825.602.208</u>	<u>1.156.318.656</u>

4. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	15.257.152.308	16.651.101.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí duy trì đầu nối	4.867.802.677	5.149.422.344
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	25.161.852	49.734.546
Cộng	4.892.964.529	5.199.156.890

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.979.219.649	4.810.064.039
Chi phí đồ dùng văn phòng	273.763.401	893.481.826
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.556.457	272.517.067
Thuế, phí và lệ phí	328.336.777	289.083.409
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(104.562.474)	248.723.137
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	9.385.902.386	6.114.721.744
Cộng	15.152.216.196	12.628.591.222

7. Thu nhập và chi phí khác

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ cho thuê tuyến ống truyền tải	454.545.454	-
Các khoản thu nhập khác	290.739.438	337.612.530
Cộng	745.284.892	337.612.530
Chi phí khác		
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	1.057.790.515	1.107.714.758
Các khoản chi phí khác	184.298.906	278.122.062
	1.242.089.421	1.385.836.820
Lỗ khác	(951.349.983)	(1.048.224.290)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	70.934.160.164	43.228.067.044
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ	2.301.134.580	1.610.575.617
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.093.384.563)	(1.534.239.606)
Thu nhập tính thuế	72.141.910.181	43.304.403.055
Hoàn nhập quỹ khoa học và công nghệ	267.782.355	377.920.950
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.481.938.507	8.736.464.801
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước bổ sung	-	33.211.506
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.481.938.507	8.769.676.307

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.719.780.104	92.958.648.057
Chi phí nhân công	58.363.490.177	56.041.662.633
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.979.101.633	39.072.918.915
Chi phí duy trì đầu nổi	4.867.802.677	5.149.422.344
Chi phí dự phòng	822.171.465	411.583.592
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	23.027.112.590	20.686.875.660
Cộng	232.779.458.646	214.321.111.201

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2022 VND	2021 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.674.027.288	34.458.390.737
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành	(18.387.609.079)	(5.008.551.663)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.286.418.209	29.449.839.074
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	78.800.000	78.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	486	374

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm trước nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chính thức của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 28 tháng 4 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Công ty liên kết
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên hội đồng quản trị, kiêm Phó Tổng Giám đốc

Các sổ dư và giao dịch trọng yếu với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác trong bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp này.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

Họ tên	Chức vụ	2022 VND	2021 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	378.274.000	575.979.553
	Thành viên HĐQT		
Ông Nguyễn Hùng Cường	kiêm Tổng Giám đốc	1.122.404.001	1.302.491.045
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên	164.667.000	257.362.131
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên	164.667.000	257.362.131
	Thành viên HĐQT kiêm		
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	761.541.700	859.516.743
		2.591.553.700	3.252.711.603
Ban kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban	316.133.000	433.640.848
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên	103.831.000	156.228.138
Bà Vy Thị Bé	Thành viên	56.240.000	-
	Thành viên		
Bà Trần Thị Thủy	(đã miễn nhiệm)	46.081.000	138.253.914
		522.285.000	728.122.900
Ông Bùi Hoàng Trường VI	Kế toán trưởng	550.487.300	691.887.343

2. Cam kết không hủy ngang

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các cam kết dài hạn không hủy ngang như sau:

- Hợp đồng mua sỉ nước sạch từ Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa và Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm.
- Hợp đồng cung ứng dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt với Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt với thời gian thực hiện hợp đồng là 2 năm và bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Đơn giá đặt hàng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 6.261 đồng/m³, trong đó các tổ chức cá nhân đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chi trả 3.198 đồng/m³ và ngân sách cấp 3.063 đồng/m³.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Một số số liệu của năm báo cáo trước đã được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

4. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính tổng hợp này.



Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 2 năm 2023



Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kê toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc



**DANH SÁCH ỨNG VIÊN VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ BAN KIỂM SOÁT LAWACO**

Nhiệm kỳ 2023-2028

(theo cổ đông, nhóm cổ đông đề cử)

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Họ và tên	Ghi chú
1	Ông: PHAN ĐÌNH TÂN	Nhóm cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh, Công ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại MESA và cổ đông Trương Thị Mỹ An có tổng cộng 37.213.676 cổ phần, chiếm 47,2% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (LAWACO) tại thời điểm chốt danh sách ngày 20/4/2023 giới thiệu
2	Ông: TRẦN QUỐC HÙNG	
3	Ông: ĐỖ VĂN HẠ	
4	Ông: NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Cổ đông Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước có 31.512.924 cổ phần, chiếm 40% số cổ phần có quyền biểu quyết của LAWACO tại thời điểm chốt danh sách ngày 20/4/2023 giới thiệu
5	Ông: NGUYỄN VĂN DŨNG	

2. BAN KIỂM SOÁT

TT	Họ và tên	Ghi chú
1	Bà: NGUYỄN THỊ MỸ VÂN	Nhóm cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh, Công ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại MESA và cổ đông Trương Thị Mỹ An có tổng cộng 37.213.676 cổ phần, chiếm 47,2% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (LAWACO) tại thời điểm chốt danh sách ngày 20/4/2023 giới thiệu
2	Bà: NGUYỄN THY PHƯƠNG	
3	Ông: PHẠM VĂN KHOA	Cổ đông Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước có 31.512.924 cổ phần, chiếm 40% số cổ phần có quyền biểu quyết của LAWACO tại thời điểm chốt danh sách ngày 20/4/2023 giới thiệu
4	Ông TRẦN VĂN THUẬN	Cổ đông Công ty cổ phần Golden Stream có 9.000.000 cổ phần, chiếm 11,42% số cổ phần có quyền biểu quyết của LAWACO tại thời điểm chốt danh sách ngày 20/4/2023 giới thiệu

ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 05 năm 2023

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II (2023-2028)

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên: **PHAN ĐÌNH TÂN**..... sinh ngày 10 tháng 09 năm 1954
- Giới tính: Nam Quê quán: Bình Định.
- Nơi thường trú: 27A Bàn Cờ, phường 3, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 052054005853 Ngày cấp: 22/12/2021.
- Nơi cấp: Cục Cảnh Sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần (bằng chữ:.....)

.....)

và đại diện sở hữu:.....cổ phần của cổ đông.....

(bằng chữ:.....)

2. Trình độ chuyên môn:

- Văn bằng: Trung cấp Chuyên ngành: Quản lý kinh tế.
- Văn bằng:..... Chuyên ngành:.....

3. Quá trình công tác:

Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽³⁾	Đơn vị công tác	Chức vụ ⁽⁴⁾	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao
07/1972 – 05/1975	Khu Căn cứ Đội công tác xã Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Cán bộ thoát ly công tác	Hoạt động cách mạng
05/1975 - 12/1976	Văn phòng UBND xã Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Ủy viên Thư ký	Cơ quan Nhà nước
01/1977 - 12/1979	Trường Quản lý Kinh tế tỉnh Nghĩa Bình tại Xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Học viên	Học chuyên môn quản lý kinh tế

01/1980 – 05/1990	Cty Liên Hiệp Thủy Sản Tỉnh Nghĩa Bình	Cán Bộ	Kinh doanh về ngành thủy sản và cung cấp vật tư ngành thủy sản
06/1990 – 11/2003	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoàn Cầu	Phó Giám đốc	Đầu tư, thương mại và dịch vụ
11/2003 – 12/2006	- Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoàn Cầu - Ngân Hàng TMCP Nam Á - Công ty TNHH Lâm Hải	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT Giám đốc	Đầu tư, thương mại, dịch vụ và bất động sản Tài chính Ngân hàng Khai thác lâm sản, trồng trọt và đầu tư xây dựng
12/2006 – 07/2015	- Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoàn Cầu - Ngân Hàng TMCP Nam Á - Công ty TNHH Hoàn Cầu Nha Trang	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	Đầu tư, thương mại, dịch vụ và bất động sản Tài chính Ngân hàng Đầu tư, thương mại, dịch vụ và bất động sản
07/2015-10/2016	- Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoàn Cầu - Ngân Hàng TMCP Nam Á - Công ty TNHH Hoàn Cầu Nha Trang - Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre	Tổng Giám đốc Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	Đầu tư, thương mại, dịch vụ và bất động sản Tài chính Ngân hàng Đầu tư, thương mại, dịch vụ và bất động sản Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch

10/2016 - 12/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoàn Cầu - Ngân Hàng TMCP Nam Á - Công ty TNHH Hoàn Cầu Nha Trang - Công ty CP Cấp Thoát nước Bến Tre 	<ul style="list-style-type: none"> Tổng Giám đốc Phó Chủ Tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT 	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư, thương mại, dịch vụ và bất động sản Tài chính Ngân hàng Đầu tư, thương mại, dịch vụ và bất động sản Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
12/2017 – 12/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoàn Cầu - Ngân Hàng TMCP Nam Á - Công ty Cổ phần Hoàn Cầu Nha Trang - Công ty CP Hiệp Thành Công - Trường Đại Học Quang Trung - Công ty CP Cấp Thoát nước Bến Tre - Công ty CP Cấp Thoát nước Lâm Đồng - Công ty CP Sao Sáng 	<ul style="list-style-type: none"> CT HĐQT kiêm Tổng GD Phó Chủ Tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐT Thành viên HĐQT Chủ tịch HĐQT Giám đốc 	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư, thương mại, dịch vụ và bất động sản Tài chính Ngân hàng Đầu tư, thương mại, dịch vụ và bất động sản Xây dựng công trình dân dụng, cơ sở hạ tầng và bất động sản Giáo dục – Đào tạo Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch Xây dựng công trình dân dụng, dịch vụ quản lý cao ốc văn phòng và bất động sản

12/2018 - 12/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoàn Cầu - Ngân Hàng TMCP Nam Á - Công ty Cổ Phần Hoàn Cầu Nha Trang - Công ty CP Hiệp Thành Công - Trường Đại Học Quang Trung - Công ty CP Cấp Thoát nước Bến Tre - Công ty CP Cấp Thoát nước Lâm Đồng - Công ty CP Cấp Thoát nước Bình Định - Công ty CP Sao Sáng 	<ul style="list-style-type: none"> CT HĐTV kiêm Tổng GD Phó Chủ Tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐT Thành viên HĐQT Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT Giám đốc 	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư, thương mại, dịch vụ và bất động sản Tài chính Ngân hàng Đầu tư, thương mại, dịch vụ và bất động sản Xây dựng công trình dân dụng, cơ sở hạ tầng và bất động sản Giáo dục – Đào tạo Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch Xây dựng công trình dân dụng, dịch vụ quản lý cao ốc văn phòng và bất động sản
01/2019 - 12/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoàn Cầu - Ngân Hàng TMCP Nam Á - Trường Đại Học Quang Trung - Công ty CP Cấp Thoát nước Bến Tre - Công ty CP Cấp Thoát nước Lâm Đồng - Công ty CP Cấp 	<ul style="list-style-type: none"> CT HĐTV kiêm Tổng GD Phó Chủ Tịch HĐQT Chủ tịch HĐT Thành viên HĐQT Chủ tịch HĐQT Thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư, thương mại, dịch vụ và bất động sản Tài chính Ngân hàng Giáo dục – Đào tạo Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch Khai thác, xử lý và

	Thoát nước Bình Định - Công ty CP Sao Sáng - Công ty TNHH Diamond Star Bến Tre	HĐQT Giám đốc	cung cấp nước sạch Xây dựng công trình dân dụng, dịch vụ quản lý cao ốc văn phòng và bất động sản. Dịch vụ lưu trú, dịch vụ quản lý cao ốc văn phòng, nhà hàng khách sạn
01/2023 đến nay	- Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoàn Cầu - Ngân Hàng TMCP Nam Á - Trường Đại Học Quang Trung - Công ty CP Cấp Thoát nước Bến Tre - Công ty CP Cấp Thoát nước Lâm Đồng - Công ty CP Cấp Thoát nước Bình Định - Công ty CP Sao Sáng	CT HĐQT kiêm Tổng GD Cố vấn HĐQT Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT Giám đốc	Đầu tư, thương mại, dịch vụ và bất động sản Tài chính Ngân hàng Giáo dục – Đào tạo Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch Xây dựng công trình dân dụng, dịch vụ quản lý cao ốc văn phòng và bất động sản.

3. Các chức danh quản lý khác hiện đang nắm giữ (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên của công ty khác):

Chức danh	Ngày được bầu, bổ nhiệm	Tên tổ chức
Chủ Tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	25/05/2017	Cty TNHH Hoàn Cầu

Cố vấn Hội đồng Quản trị	01/01/2023	Ngân Hàng TMCP Nam Á
Chủ tịch Hội đồng Trường	12/10/2019	Trường Đại Học Quang Trung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị	22/06/2018	Cty CP Cấp thoát nước Lâm Đồng
Thành viên HĐQT	01/12/2015	Cty CP Cấp thoát nước Bến Tre
Thành viên HĐQT	29/06/2020	Cty CP Cấp thoát nước Bình Định
Giám đốc	25/12/2019	Cty CP Sao Sáng

4. Lợi ích có liên quan tới công ty:

a. Có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần tại các tổ chức sau:

Tên tổ chức/ Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần	Thời điểm sở hữu
Cty TNHH Hoàn Cầu	Tầng 9 Tòa Nhà Nam Á Bank, 201-203 CMT8, F.4, Q.3, TP. HCM	Kinh doanh bất động sản, buôn bán hàng tư liệu sản xuất, xây dựng dân dụng, Thiết kế nội thất công trình; Tư vấn xây dựng; Kinh doanh khách sạn,...	99 %	25/05/2017
Ngân Hàng TMCP Nam Á	201-203 CMT8, F.4, Q.3, TP. HCM	Ngành nghề kinh doanh chính: +Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Mã số: 6419) +Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã số: 6810) Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã số: 4773)	1,891%	
Trường Đại Học Quang Trung	327 Đào Tấn, Phường Nhơn Phú, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao gồm các bậc liên thông đại học và cao học, phục vụ nhu cầu giáo	4,5%	

		dục và đào tạo cho nhân dân,....		
--	--	----------------------------------	--	--

b. Người có liên quan cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

Tên người có liên quan	Tên tổ chức/ Mã số Doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần	Thời điểm sở hữu
Phan Trà Mi (Con)	Công ty Cổ phần PHANCO	27A Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM	Đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao	40%	25/11/2016


5. Quan hệ gia đình:

Kê khai các mối quan hệ gia đình trực hệ: cha/mẹ ruột, cha/mẹ nuôi, vợ/chồng, Anh/chị/em ruột, con ruột, con nuôi:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Vợ	31/01/1958	051158004216		
2	Phan Thị Thu hằng	Con ruột	09/10/1984	05218006722		
3	Phan Trà Mi	Con ruột	29/09/1991	0790117856		
4	Phan Đình Trí	Con ruột	28/05/1997	079097000156		
5	Phan Thị Bé	Chị ruột	1950	200092495		
6	Phan Quốc Minh	Anh ruột	1952	02489452		

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người kê khai
(ký và ghi rõ họ tên)


Phan Đình Trí

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN CAM KẾT

Của Ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Tôi tên: **PHAN ĐÌNH TÂN**

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số: 052054005853

Cấp ngày: 22/12/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHCVTTXH

Địa chỉ thường trú: Số 27A Bàn Cờ, P.3, Q.3, TP.Hồ Chí Minh

Được đề cử bởi nhóm cổ đông:

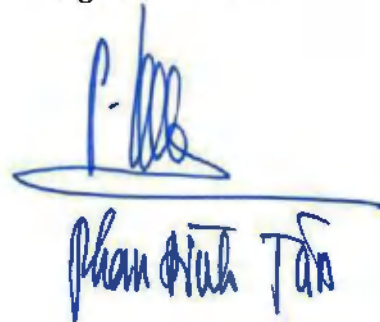
STT	Cổ đông	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu/ tỷ lệ năm giữ
1	Công ty CP Cấp Thoát Nước Thủy Anh	0313064474	Lầu 5, Tòa nhà Pearl Plaza, số 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	12.502.601 cp/ 15,9%
2	Công ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại MESA	0100520429	Số 20 Bùi Thị Xuân, Phường Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	10.735.182 cp/ 13,6%
3	Trương Thị Mỹ An	079153002483	129/2 Bình Quới, P.27, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	13.975.893 cp/ 17,7%
			Tổng số cổ phần	37.213.676 cp
			Tỷ lệ năm giữ	47,2%

Với vai trò là ứng cử viên vị trí thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2023-2028) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng năm 2023, tôi xin cam đoan các thông tin đã cung cấp trong hồ sơ ứng cử là trung thực và chính xác.

Nếu trúng cử vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành và cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Thành phố Đà Lạt, ngày ... tháng ... năm 2023

Người cam kết


Phan Đình Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2023

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ H (2023-2028)

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên: TRẦN QUỐC HÙNG sinh ngày 17 tháng 04 năm 1972
- Giới tính: Nam Quê quán: Hoài Châu, Thị xã Hoài Nhơn, Bình Định
- Nơi thường trú: 20B Nguyễn Thị Minh Khai, phường 1, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 001072056868 Ngày cấp: 26/02/2022
Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHCVTXH
Hiện đang sở hữu:.....cổ phần (bằng chữ:.....)
.....)
và đại diện sở hữu:.....cổ phần của cổ đông.....
(bằng chữ:.....)

2. Trình độ chuyên môn:

Văn bằng: Đại học Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

3. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức	Khen thưởng, kỷ luật
1991 – T4/2000	Nhân viên	Khách sạn Dalat Palace & Du Parc Dalat – ĐV trực thuộc Công ty CP Hoàng Gia ĐL	
T5/2000 – T4/2013	Giám đốc kinh doanh	Sân Golf Long Thành, Đồng Nai	
T5/2013 – T12/2016	Giám đốc điều hành	Sân Golf Đà Lạt Công ty CP Hoàng Gia ĐL	
T1/2016 - nay	Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty kiêm Giám đốc điều hành Sân Golf Đà Lạt	Công ty CP Hoàng Gia ĐL	

4. Các chức danh quản lý khác hiện đang nắm giữ (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên của công ty khác):

Chức danh	Ngày được bầu, bổ nhiệm	Tên tổ chức
Thành viên HĐQT	2018 - 2023	Công ty CP Cấp Thoát Nước Lâm Đồng
Tổng Giám đốc	18/10/2021	Công ty Cổ phần Bảo Đại ĐL
Thành viên Hội đồng quản trị	16/02/2023	Công ty Cổ phần Bảo Đại ĐL
Thành viên Hội đồng quản trị (đại diện ủy quyền phân vốn góp của Công ty Cổ phần Bảo Đại ĐL)	07/03/2023	Công ty Cổ phần Hoàng Gia ĐL

5. Lợi ích có liên quan tới công ty:

a. Có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần tại các tổ chức sau:

Tên tổ chức/ Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần	Thời điểm sở hữu
-----------------------	----------------------	-----------------------	---------------------------------	------------------

b. Người có liên quan cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

Tên người có liên quan	Tên tổ chức/ Mã số Doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần	Thời điểm sở hữu
------------------------	---------------------------------	----------------------	----------------------------------	---------------------------------	------------------


6. Quan hệ gia đình:

Kê khai các mối quan hệ gia đình trực hệ: cha/mẹ ruột, cha/mẹ nuôi, vợ/chồng, Anh/chị/em ruột, con ruột, con nuôi:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc
1	Trần Xuân Ánh	Cha ruột				Mất
2	Nguyễn Thị Kim Hoa	Mẹ ruột	25/03/1944	079144006159 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 9/7/2021	Hưu trí	Tp. Đà Lạt
3	Trần Thị Vân Khánh	Em gái	03/09/1980	068180000220 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 07/02/2020	Chuyên viên kinh doanh	Tp. Hồ Chí Minh
4	Trần Thị Thu Trang	Vợ	28/10/1968	250247633 do Công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 08/03/2018	Tự do	Tp. Đà Lạt
5	Trần Khánh Linh	Con	24/09/1993	250854377 do Công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 28/05/2008	Kiểm toán	Tp. Hồ Chí Minh
6	Trần Mỹ Linh	Con	09/10/2002	068302016868 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 07/09/2022	Sinh viên	Newzealand

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người kê khai
(ký và ghi rõ họ tên)


Trần Quốc Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2023

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II (2023-2028)

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên: **Đỗ Văn Hạ** sinh ngày **05 tháng 12 năm 1986**
- Giới tính: **Nam** Quê quán: **Vũ Trung, Kiến Xương, Thái Bình**
- Nơi thường trú: **1/23B Ngô Đức Kế, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh BRVT**
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: **034086012066** Ngày cấp: **21/12/2020**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát**

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần (bằng chữ:.....)

và đại diện sở hữu:.....cổ phần của cổ đông.....
(bằng chữ:.....)

2. Trình độ chuyên môn:

- Văn bằng: **Đại học** Chuyên ngành: **Cơ khí**

3. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức	Khen thưởng, kỷ luật (nếu có)
09/2009-10/2010	Kỹ sư	Công ty Cổ phần Tổ hợp Chuyên giao công nghệ	
10/2010-05/2014	Trưởng nhóm thiết kế, chạy thầu, mua sắm (hạng mục cơ điện)	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	
05/2014-08/2016	Phó Giám đốc	Công ty Cổ phần NPL	
09/2016-12/2018	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Năng lượng Confitech	
01/2019-07/2020	Phó Ban QLDA	Công ty Cổ phần Vietnamsolar	
08/2020-04/2022	Giám đốc dự án	Công ty TNHH Điện mặt trời Adani Phước Minh Công ty TNHH Điện gió Adani Phước Minh	
07/2022-nay	Tổng Giám đốc	Cty TNHH Liên doanh Phát triển nhà Daewon - Hoàn Cầu	

4. Các chức danh quản lý khác hiện đang nắm giữ (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên của công ty khác):

Chức danh	Ngày được bầu, bổ nhiệm	Tên tổ chức
Tổng Giám đốc	07/2022	Cty TNHH Liên doanh Phát triển nhà Daewon - Hoàn Cầu
Tổng Giám đốc	04/2023	Cty TNHH HG Solar Park Long An
Thành viên HĐQT	04/2023	Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh

5. Lợi ích có liên quan tới công ty:

a. Có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần tại các tổ chức sau:

Tên tổ chức/ Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần	Thời điểm sở hữu
Công ty Cổ phần Năng lượng Confitech	1/23B Ngô Đức Kế, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh BRVT	Đầu tư	9%	2016
Cty CP Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Năng lượng	195/22 Hoàng Văn Thụ, P.7, TP Vũng Tàu	Dịch vụ kỹ thuật	35%	2019

b. Người có liên quan cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

Tên người có liên quan	Tên tổ chức/ Mã số Doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần	Thời điểm sở hữu

6. Quan hệ gia đình:

Kê khai các mối quan hệ gia đình trực hệ: cha/mẹ ruột, cha/mẹ nuôi, vợ/chồng,

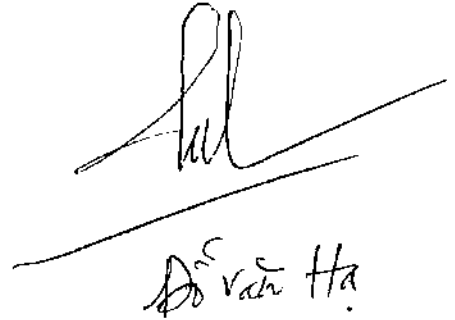
Anh/chị/em ruột, con ruột, con nuôi:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc
1	Vũ Thị Nhân	Mẹ	31/05/1963	033163012010 cấp ngày 11/8/2021 bởi Cục cảnh sát	Nghỉ hưu	Thái Bình
2	Đỗ Thị Phượng	Chị	05/02/1977	034177018786 cấp ngày 13/8/2021 bởi Cục cảnh sát	Công nhân	Thái Bình
3	Đỗ Văn Vân	Anh	01/09/1979	034079031052 cấp ngày 13/01/2022 bởi Cục cảnh sát	Tự kinh doanh	Vũng Tàu

4	Đỗ Thị Ngọc	Chị	19/05/1981	034181021604 cấp ngày 23/09/2022 bởi Cục cảnh sát	Giáo viên	Thái Bình
5	Nguyễn Thị Minh Hải	Vợ	04/10/1989	026189001274 cấp ngày 16/9/2016 bởi Cục cảnh sát	Tự kinh doanh	Vũng Tàu
6	Đỗ Kim Thảo	Con	23/07/2014	077314004796	Học sinh	Vũng Tàu
7	Đỗ Tuệ Anh	Con	25/10/2022	077322004308	Sơ sinh	Vũng Tàu

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người kê khai
(ký và ghi rõ họ tên)



Đỗ Văn Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN CAM KẾT
Của Ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Tôi tên: **ĐỖ VĂN HẠ**

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số: 034086012066

Cấp ngày: 21/12/2020 Nơi cấp: Cục CS QLHCVTTXH

Địa chỉ thường trú: 1/23B Ngô Đức Kế, P.7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Được đề cử bởi nhóm cổ đông:

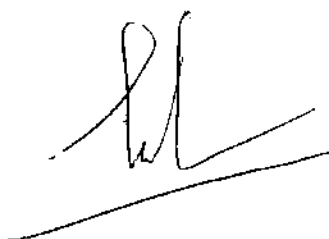
STT	Cổ đông	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu/ tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty CP Cấp Thoát Nước Thủy Anh	0313064474	Lầu 5, Tòa nhà Pearl Plaza, số 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	12.502.601 cp/ 15,9%
2	Công ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại MESA	0100520429	Số 20 Bùi Thị Xuân, Phường Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	10.735.182 cp/ 13,6%
3	Trương Thị Mỹ An	079153002483	129/2 Bình Quới, P.27, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	13.975.893 cp/ 17,7%
			Tổng số cổ phần	37.213.676 cp
			Tỷ lệ nắm giữ	47,2%

Với vai trò là ứng cử viên vị trí thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2023-2028) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng năm 2023, tôi xin cam đoan các thông tin đã cung cấp trong hồ sơ ứng cử là trung thực và chính xác.

Nếu trúng cử vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành và cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Thành phố Đà Lạt, ngày ... tháng ... năm 2023

Người cam kết


Đỗ Văn Hạ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN CAM KẾT
Của Ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Tôi tên: **NGUYỄN HÙNG CƯỜNG**

- CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số: 068066000672

- Cấp ngày: 19/04/2021.

- Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

- Địa chỉ thường trú: 03 Đồng Tâm, phường 4, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

- Được đề cử bởi cổ đông: Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh Vốn Nhà nước

Với vai trò là ứng cử viên vị trí thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2023-2028) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng năm 2023, tôi xin cam đoan các thông tin đã cung cấp trong hồ sơ ứng cử là trung thực và chính xác.

Nếu trúng cử vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành và cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Thành phố Đà Lạt, ngày 09 tháng 05 năm 2023

Người cam kết



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 05 năm 2023

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II (2023-2028)

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên: **NGUYỄN HÙNG CƯỜNG**
- Sinh ngày: 25 tháng 11 năm 1966
- Giới tính: Nam. Quê quán: Hưng Xuân, Hưng Nguyên, Nghệ An
- Nơi thường trú: 03 Đồng Tâm, phường 4, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 068066000672. Ngày cấp: 19/04/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần và đại diện cổ đông Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước: 22.059.047 cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng (bằng chữ: Hai mươi hai triệu không trăm năm mươi chín nghìn không trăm bốn mươi bảy cổ phần).

2. Trình độ chuyên môn:

- Văn bằng: Kỹ sư
- Chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp

3. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức	Khen thưởng, kỷ luật (nếu có)
9/1987 - 8/1989	Kỹ thuật viên	Xí nghiệp Công trình Giao thông Lâm Đồng	
5/1989 - 1998	Công nhân Phân xưởng nước Đà Lạt	Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng	
1998 - 9/2004	Kỹ thuật viên Đội KSTK	Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng	
9/2004 - 4/2006	Đội phó Đội XD CB	Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng	

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức	Khen thưởng, kỷ luật (nếu có)
4/2006 - 10/2007	Đội trưởng Đội XSDCB	Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng	
10/2007 - 2/2009	Giám đốc kiêm Bí thư Chi bộ XN Xây lắp	Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng	
2/2009 - 7/2009	Phó Giám đốc Nhà máy nước Đà Lạt	Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng	
7/2009 - 10/2011	Giám đốc kiêm Bí thư Chi bộ XN Xây lắp	Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng	
10/2011 - 9/2012	Chuyên viên phòng QLXD	Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng	
9/2012 - 9/2017	Phó Trưởng phòng PTĐT&HTKT	Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng	
9/2017 - 6/2018	Phó Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng	
6/2018 - 9/2020	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng	
9/2020 - nay	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng	

4. Các chức danh quản lý khác hiện đang nắm giữ (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên của công ty khác):

Chức danh	Ngày được bầu, bổ nhiệm	Tên tổ chức
Thành viên HĐQT	08/09/2020	Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh
Thành viên HĐQT	08/09/2020	Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Đức Trọng

5. Lợi ích có liên quan tới công ty:

- a. Có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần tại các tổ chức: Không có
- b. Người có liên quan cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ: Không có

6. Quan hệ gia đình:


Kê khai các mối quan hệ gia đình trực hệ: cha/mẹ ruột, cha/mẹ nuôi, vợ/chồng, Anh/chị/em ruột, con ruột, con nuôi:

Stt	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc
1	Nguyễn Văn Long	Bố ruột	1926	040026002282	Hưu trí	03 Đồng Tâm, phường 4, Đà Lạt, Lâm Đồng
2	Lê Thị Giới	Mẹ ruột	1928		Đã mất	
3	Phạm Thị Thanh	Vợ	1965	068165000686	Hưu trí	03 Đồng Tâm, phường 4, Đà Lạt, Lâm Đồng
4	Nguyễn Minh Quân	Con ruột	1991	068091006138	Kinh doanh	Đà Lạt
5	Nguyễn Nhật Quang	Con ruột	1995	068095001644	Chuyên viên	Ngân hàng Nam Á – Chi nhánh Đà Lạt
6	Nguyễn Thị Thắm	Chị ruột	1953	05815300007	Hưu trí	Chung cư Nguyễn Xí, Q.Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
7	Nguyễn Thị Lam Giang	Chị ruột	1956	068156003758	Hưu trí	03 Đồng Tâm, phường 4, Đà Lạt, Lâm Đồng
8	Nguyễn Thị Thanh Hà	Chị ruột	1960	068160003371	Hưu trí	03 Đồng Tâm, phường 4, Đà Lạt, Lâm Đồng
9	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chị ruột	1963	068163000677	Phó Chánh Văn phòng	Sở VH TT & DL tỉnh Lâm Đồng

Stt	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc
10	Nguyễn Hùng Sơn	Anh ruột	1961	068061003929	Kỹ thuật viên	Công ty Điện lực Lâm Đồng

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người kê khai



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN CAM KẾT
Của Ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Tôi tên: **NGUYỄN VĂN ĐŨNG**

- CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số: 250291832

- Cấp ngày: 23/9/2015.

- Nơi cấp: Công An Lâm Đồng

- Địa chỉ thường trú: 1a/2/10 Nguyễn Trãi – P9 – TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

- Được đề cử bởi cổ đông: Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh Vốn Nhà nước

Với vai trò là ứng cử viên vị trí thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2023-2028) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng năm 2023, tôi xin cam đoan các thông tin đã cung cấp trong hồ sơ ứng cử là trung thực và chính xác.

Nếu trúng cử vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành và cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Thành phố Đà Lạt, ngày 09 tháng 05 năm 2023

Người cam kết



NGUYỄN VĂN ĐŨNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 05 năm 2023

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II (2023-2028)

I. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN DŨNG
- Sinh ngày: 02 tháng 06 năm 1968
- Giới tính: Nam.
- Quê quán: Xã Đô Vinh, TX Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
- Nơi thường trú: 1a/2/10 Nguyễn Trãi – P9 – TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 250291832. Ngày cấp: 23/9/2015. Nơi cấp: CA Lâm Đồng.

- Hiện đang sở hữu: 3.600 cổ phần và đại diện cổ đông Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước sở hữu: 9.453.877 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng (*bằng chữ: Chín triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi bảy cổ phần*).

2. Trình độ chuyên môn:

- Văn bằng: Cử nhân
- Chuyên ngành: Tài chính Kế toán

3. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức	Khen thưởng, kỷ luật (nếu có)
7/1990- 12/1990	Nhân viên Thống kê	Cục Thống kê Lâm Đồng	
1/1991-10/1995	Nhân viên Kế toán	Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng	
11/1995-7/2009	Kế toán Tổng hợp - Phó phòng Kế toán	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng	
8/2009 - 6/2018	Kế toán Trưởng – Trưởng phòng Kế toán	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng	

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức	Khen thưởng, kỷ luật (nếu có)
7/2018 - Đến nay	Phó Tổng Giám Đốc	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng	
4/2021 – Đến nay	Thành viên HĐQT- Phó tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng	
2013-2015	Bí thư Chi bộ Khối Văn phòng nhiệm kỳ 2013-2015	Đảng bộ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng	
2013-2017	Chủ tịch Công đoàn cơ sở Công ty nhiệm kỳ 2013-2017	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng	
2020-2025	Phó Bí thư Đảng ủy Công ty CP Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ 2020-2025	Đảng bộ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng	

4. Các chức danh quản lý khác hiện đang nắm giữ (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên của công ty khác):

Chức danh	Ngày được bầu, bổ nhiệm	Tên tổ chức
Thành viên Ban kiểm soát	10/05/2021	Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Đức Trọng
Trưởng ban Kiểm soát	18/06/2018	Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh

5. Lợi ích có liên quan tới công ty:

a. Có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần tại các tổ chức: Không có

b. Người có liên quan cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ: Không có

6. Quan hệ gia đình:

Kê khai các mối quan hệ gia đình trực hệ: cha/mẹ ruột, cha/mẹ nuôi, vợ/chồng, Anh/chị/em ruột, con ruột, con nuôi:

Stt	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc
1	Nguyễn Văn Hùng	Cha	1939	Ninh Thuận	Đã mất	
2	Phan Thị Hương	Mẹ	1942	Thừa Thiên Huế		Ở tại 27/10 B Yersin – Đà Lạt
3	Phạm Tô Anh	Vợ	1972	Hồ Chí Minh	Công nhân viên	Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng
4	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	Con	1999		Sinh viên	Trường Đại học Kinh tế TP HCM
5	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Con	2006		Học sinh	Trường PTTH Phan Như Thạch Đà Lạt
6	Nguyễn Thị Bé Anh	Em ruột	1969	Ninh thuận	Buôn bán nhỏ	Ở tại 34/5 Đào Duy Từ - Đà Lạt .
7	Nguyễn Thị Bé Oanh	Em ruột	1970	Ninh thuận	Thợ may	Ở tại 25/4 Hùng Vương - Đà Lạt .
8	Nguyễn Văn Huy	Em ruột	1972	Đà Lạt	Công nhân viên	Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng
9	Nguyễn Thị Bé Bi	Em ruột	1973	Ninh thuận	Buôn bán nhỏ	Ở tại 27/10 B Yersin – Đà Lạt
10	Nguyễn Văn Hình	Em ruột	1975	Ninh thuận	Không	Hiện đang bệnh tật. Ở tại 27/10B Yersin – Đà Lạt .

Stt	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc
11	Nguyễn Văn Dốp	Em ruột	1983	Đà Lạt	Công nhân viên	Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người kê khai



NGUYỄN VĂN DŨNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Lạt, ngày 08 tháng 5 năm 2023

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II (2023-2028)

I. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ MỸ VÂN - Sinh ngày 12 tháng 8 năm 1981
- Giới tính: Nữ - Quê quán: Quảng Nam
- Nơi thường trú: 43 Nguyễn Công Trứ - Phường 8 - Đà Lạt
- CCCD/Hộ chiếu số: 068181001043 - Ngày cấp: 19/4/2021
- Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Hiện đang sở hữu: 1.200 cổ phần (*bằng chữ*: Một nghìn hai trăm cổ phần)
- và đại diện sở hữu: cổ phần của cổ đông.....
- (*bằng chữ*:.....)

2. Trình độ chuyên môn:

- Văn bằng: Đại học - Chuyên ngành: Kế toán
- Văn bằng: Cao học - Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

3. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức	Khen thưởng, kỷ luật (nếu có)
Từ 4/2004 đến 6/2017	Nhân viên kế toán	Công ty Cấp Thoát nước Lâm Đồng	
Từ tháng 7/2017 đến tháng 6/2018	Kiểm soát viên	Công ty TNHH Cấp Thoát nước Lâm Đồng	
Từ tháng 6/2018 đến tháng 05/2023	Trưởng Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng	

4. Các chức danh quản lý khác hiện đang nắm giữ (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên của công ty khác):

Chức danh	Ngày được bầu, bổ nhiệm	Tên tổ chức
Trưởng Ban Kiểm soát	28/6/2018	Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng

5. Lợi ích có liên quan tới công ty:

a. Có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần tại các tổ chức sau: không có

Tên tổ chức/ Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần	Thời điểm sở hữu

b. Người có liên quan cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ: Không có

Tên người có liên quan	Tên tổ chức/ Mã số Doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần	Thời điểm sở hữu


6. Quan hệ gia đình:

Kê khai các mối quan hệ gia đình trực hệ: cha/mẹ ruột, cha/mẹ nuôi, vợ/chồng, Anh/chị/em ruột, con ruột, con nuôi:

Stt	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Ngành nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc
1	Lê Thị Nguyễn	Mẹ ruột	10/5/1948	049148002806	Nội trợ	Ở nhà
2	Phan Trung Sơn	Chồng	19/1/1977	045077008064	Trưởng phòng	Công ty Xăng dầu Lâm Đồng
3	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Chị ruột	20/11/1971	068171004680	Nội trợ	Ở nhà
4	Nguyễn Hoàng Việt	Anh ruột	27/7/1977	068077005166	Trưởng phòng	Diện lực Đà Lạt
5	Nguyễn Thị Mỹ Phương	Em ruột	01/12/1983	250623457	Nhân viên	Diện lực Lâm Đồng
6	Phan Trung Kiên	Con ruột	24/3/2008		Học sinh	Cấp 2
7	Phan Mỹ Linh	Con ruột	16/10/2010		Học sinh	Cấp 2

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người kê khai
(ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Mỹ Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 05 năm 2023

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II (2023-2028)

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên: NGUYỄN THY PHƯƠNG sinh ngày 16 tháng 10 năm 1989
- Giới tính: Nữ Quê quán: Thanh Hóa
- Nơi thường trú: 331/19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 068189000353 Ngày cấp: 22/12/2021
Nơi cấp: Cục CS QLHCVTTXH

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần (bằng chữ:.....) và đại diện sở hữu: cổ phần của cổ đông (bằng chữ: cổ phần)

2. Trình độ chuyên môn:

- Văn bằng: Đại học Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp
- Văn bằng: Thạc sĩ Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp

3. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức	Khen thưởng, kỷ luật (nếu có)
2011 - 2012	CBNV	Công ty CP SX Nhựa Duy Tân	
2012 - 2014	CBNV	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	
2014 - 2018	CBNV	Ngân hàng TMCP Quân Đội	
2018 - nay	CBNV	Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Hoàng Gia Việt Nam	

4. Các chức danh quản lý khác hiện đang nắm giữ (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên của công ty khác):

Chức danh	Ngày được bầu, bổ nhiệm	Tên tổ chức
Thành viên HĐQT	28/06/2022	Công ty CP Du Lịch Việt Nam Hà Nội
Trưởng Ban kiểm soát	25/04/2023	Công ty CP Chứng Khoán Bảo Minh

5. Lợi ích có liên quan tới công ty:

a. Có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần tại các tổ chức sau:

Tên tổ chức/ Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần	Thời điểm sở hữu

b. Người có liên quan cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

Tên người có liên quan	Tên tổ chức/ Mã số Doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần	Thời điểm sở hữu

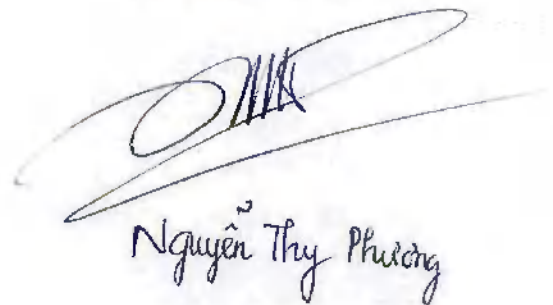
6. Quan hệ gia đình:

Kê khai các mối quan hệ gia đình trực hệ: cha/mẹ ruột, cha/mẹ nuôi, vợ/chồng, Anh/chị/em ruột, con ruột, con nuôi:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc
1	Nguyễn Văn Hùng	Cha	20/10/1964	038064007267	Nghỉ hưu	
2	Trần Thị Loan	Mẹ	25/06/1964	001164028326	Nội trợ	
3	Nguyễn Ngọc Phương Trang	Em gái	30/11/1997	068197002039	Giáo viên	Trường Quốc Tế Á Châu
4	Hà Học Duy	Chồng	10/09/1989	068089000203	NVVP	Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Hoàng Gia Việt Nam
5	Hà Trúc Anh	Con gái	05/11/2019	079319036336	Còn nhỏ	
6	Hà Học Bình An	Con trai	01/09/2021	079221018382	Còn nhỏ	

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người kê khai
(ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thủy Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN CAM KẾT

Của Ứng cử viên Thành viên Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng

Tôi tên: NGUYỄN THY PHƯƠNG

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số: 068189000353

Cấp ngày: 22/12/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHCVTTXH

Địa chỉ thường trú: 331/19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM

Được đề cử bởi nhóm cổ đông:

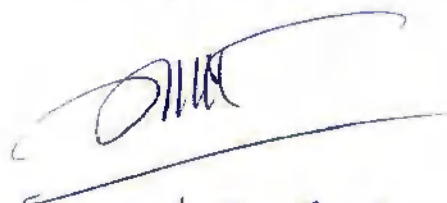
STT	Cổ đông	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu/ tỷ lệ năm giữ
1	Công ty CP Cấp Thoát Nước Thủy Anh	0313064474	Lầu 5, Tòa nhà Pearl Plaza, số 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	12.502.601 cp/ 15,9%
2	Công ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại MESA	0100520429	Số 20 Bùi Thị Xuân, Phường Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	10.735.182 cp/ 13,6%
3	Trương Thị Mỹ An	079153002483	129/2 Bình Quới, P.27, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	13.975.893 cp/ 17,7%
			Tổng số cổ phần	37.213.676 cp
			Tỷ lệ năm giữ	47,2%

Với vai trò là ứng cử viên vị trí thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2023-2028) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng năm 2023, tôi xin cam đoan các thông tin đã cung cấp trong hồ sơ ứng cử là trung thực và chính xác.

Nếu trúng cử vào Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành và cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Thành phố Đà Lạt, ngày 11 tháng 05 năm 2023

Người cam kết


Nguyễn Thy Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT
THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội cổ đông 2023 CTCP Cấp thoát nước Lâm Đồng

Tôi tên là: Phạm Văn Khoa

CCCD số: 048075007786, ngày cấp: 09/05/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: K27/11 Ngô Gia Tự, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh

Là ứng cử viên được đề cử bởi cổ đông: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH (SCIC)

Tôi xin cam kết những nội dung dưới đây:

1. Đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020.

2. Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban Kiểm soát, tôi xin cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 5 năm 2023

Người cam kết



Phạm Văn Khoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 5 năm 2023

SƠ YẾU LÝ LỊCH
Ứng cử viên Kiểm soát viên
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II (2023-2028)

I. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên: PHẠM VĂN KHOA, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1975
- Giới tính: Nam Quê quán: Ái Nghĩa, Đại Lộc, Quảng Nam
- Nơi thường trú: K27/11 Ngô Gia Tự, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- CCCD số: 048075007786 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần (bằng chữ: không cổ phần) và đại diện sở hữu: 0 cổ phần của cổ đông Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) (bằng chữ: không cổ phần)

2. Trình độ chuyên môn:

- Văn bằng: Thạc sĩ Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh
- Văn bằng: Đại học Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

3. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức	Khen thưởng, kỷ luật (nếu có)
Từ 12/1998 đến 12/2009	Giảng viên, Phó Trưởng Khoa Kinh tế, Phó Trưởng Phòng Đào tạo	Trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm, Bộ Nông nghiệp và PTNT	Giảng viên giỏi, Chiến sỹ thi đua cơ sở
Từ 01/2010 đến 12/2010	Kinh tế viên Phòng Tổ chức	Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức, Bộ Giao thông vận tải	
Từ 01/2011 đến 09/2012	Cán bộ đầu tư Ban Đầu tư 1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	
Từ 10/2012 đến nay	Cán bộ đầu tư Chi nhánh miền Trung	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Chiến sỹ thi đua cơ sở

4. Các chức danh quản lý khác hiện đang nắm giữ (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên của công ty khác): Không

5. Lợi ích có liên quan tới công ty:

- a. Có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần tại các tổ chức sau: Không
- b. Người có liên quan cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ: Không

6. Quan hệ gia đình:

Kê khai các mối quan hệ gia đình trực hệ: cha/mẹ ruột, cha/mẹ nuôi, vợ/chồng, Anh/chị/em ruột, con ruột, con nuôi:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc
1	Phạm Văn Trúc	Cha	22/5/1950	049050000427	Hưu trí	
2	Lê Thị Hồng Trang	Mẹ	16/7/1944	046144006256	Hưu trí	
3	Phạm Thị Tuyết Nga	Em	29/5/1977	048177000350	Nhân viên	Trường Tiểu học Ông Ích Khiêm, TP Đà Nẵng
4	Phạm Lê Bảo Như	Con	16/11/2011		Học sinh	Trường THCS Đức Trí, TP Đà Nẵng

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người kê khai



Phạm Văn Khoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2023

ĐƠN ĐỀ CỬ**Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II (2023-2028)****Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

Tên tổ chức: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH (SCIC)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập số: 0101992921
Ngày cấp: 11/03/2022, Nơi cấp: Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở chính: Số 117 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 04.38240703

Hiện đang sở hữu: 31.512.924 cổ phần phổ thông (*bằng chữ: Ba mươi một triệu, năm trăm mười hai nghìn, chín trăm hai mươi bốn cổ phần*)

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Quốc Huy, chức vụ: Tổng Giám đốc

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các điều kiện, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, chúng tôi thấy có đủ điều kiện đề cử ứng cử viên làm thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng cho chúng tôi được đề cử ứng cử viên tham gia làm thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II để tiến hành bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 ngày 27/5/2023, như sau:

I. Đề cử ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị: gồm các ông, bà sau:

- Ông: Nguyễn Hùng Cường, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1966
 - CCCD số: 068066000672 Ngày cấp: 19/4/2021
 - Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
 - Địa chỉ thường trú: 03 Đồng Tâm, Phường 4, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp
 - Số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hiện đang sở hữu hoặc đại diện sở hữu:
 - + Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần;
 - + Đại diện sở hữu: 22.059.047 cổ phần của cổ đông: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH
 - + Tổng cộng là: 22.059.047 cổ phần (*bằng chữ: Hai mươi hai triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi bảy cổ phần*)
- Ông: Nguyễn Văn Dũng, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1968
 - CMND số: 250291832 Ngày cấp: 23/9/2015
 - Nơi cấp: Công an tỉnh Lâm Đồng



- Địa chỉ thường trú: 1A/2/10 Nguyễn Trãi, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Chuyên ngành: Tài chính kế toán các doanh nghiệp
- Số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hiện đang sở hữu hoặc đại diện sở hữu:
 - + Hiện đang sở hữu: 3.600 cổ phần;
 - + Đại diện sở hữu: 9.453.877 cổ phần của cổ đông: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH
 - + Tổng cộng là: 9.457.477 cổ phần (*bằng chữ: Chín triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi bảy cổ phần*)

II. Đề cử ứng cử viên tham gia làm Kiểm soát viên: gồm các ông, bà sau:

- Ông: Phạm Văn Khoa, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1975
 - CCCD số: 048075007786 Ngày cấp: 09/05/2021
 - Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
 - Địa chỉ thường trú: K27/11 Ngô Gia Tự, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh
 - Số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hiện đang sở hữu hoặc đại diện sở hữu:
 - + Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần;
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần của cổ đông: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH
 - + Tổng cộng là: 0 cổ phần (*bằng chữ: Không cổ phần*)

Chúng tôi xin gửi kèm bản kê khai lý lịch, bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của các ứng cử viên, Bản cam kết thực hiện nhiệm vụ nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

Trân trọng cảm ơn!

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Huy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 5 năm 2023

SƠ YẾU LÝ LỊCH
Ứng cử viên Kiểm soát viên
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II (2023-2028)

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên: PHẠM VĂN KHOA, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1975
- Giới tính: Nam Quê quán: Ái Nghĩa, Đại Lộc, Quảng Nam
- Nơi thường trú: K27/11 Ngô Gia Tự, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- CCCD số: 048075007786 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần (bằng chữ: không cổ phần) và đại diện sở hữu: 0 cổ phần của cổ đông Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) (bằng chữ: không cổ phần)

2. Trình độ chuyên môn:

- Văn bằng: Thạc sĩ Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh
- Văn bằng: Đại học Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

3. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức	Khen thưởng, kỷ luật (nếu có)
Từ 12/1998 đến 12/2009	Giảng viên, Phó Trưởng Khoa Kinh tế, Phó Trưởng Phòng Đào tạo	Trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm, Bộ Nông nghiệp và PTNT	Giảng viên giỏi, Chiến sỹ thi đua cơ sở
Từ 01/2010 đến 12/2010	Kinh tế viên Phòng Tổ chức	Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức, Bộ Giao thông vận tải	
Từ 01/2011 đến 09/2012	Cán bộ đầu tư Ban Đầu tư 1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	
Từ 10/2012 đến nay	Cán bộ đầu tư Chi nhánh miền Trung	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Chiến sỹ thi đua cơ sở

4. Các chức danh quản lý khác hiện đang nắm giữ (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên của công ty khác): Không

5. Lợi ích có liên quan tới công ty:

- a. Có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần tại các tổ chức sau: Không
- b. Người có liên quan cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ: Không

6. Quan hệ gia đình:

Kê khai các mối quan hệ gia đình trực hệ: cha/mẹ ruột, cha/mẹ nuôi, vợ/chồng, Anh/chị/em ruột, con ruột, con nuôi:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc
1	Phạm Văn Trúc	Cha	22/5/1950	049050000427	Hưu trí	
2	Lê Thị Hồng Trang	Mẹ	16/7/1944	046144006256	Hưu trí	
3	Phạm Thị Tuyết Nga	Em	29/5/1977	048177000350	Nhân viên	Trường Tiểu học Ông Ích Khiêm, TP Đà Nẵng
4	Phạm Lê Bảo Như	Con	16/11/2011		Học sinh	Trường THCS Đức Trí, TP Đà Nẵng

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người kê khai



Phạm Văn Khoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2023

SƠ YẾU LÝ LỊCH
Ứng cử viên Kiểm soát viên
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II (2023-2028)

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên: Trần Văn Thuận - sinh ngày 16 tháng 04 năm 1987
- Giới tính: Nam - Quê quán: Thành phố Vinh – Nghệ An
- Nơi thường trú: P703A, Chung cư ngõ 79 phố Thanh Đàm, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 186 280 827 - Ngày cấp: 19/08/2009 - Nơi cấp: Nghệ An
- Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần (bằng chữ: Không cổ phần)
- và đại diện sở hữu: 0 cổ phần của cổ đông Công ty CP Golden Stream (bằng chữ: Không cổ phần)

2. Trình độ chuyên môn:

- Văn bằng: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành: Kế toán
- Văn bằng: Chứng chỉ kế toán viên (APC) - Chuyên ngành: Kế toán
- Văn bằng: Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế - Chuyên ngành: Thuế

3. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức	Khen thưởng, kỷ luật (nếu có)
08/2014- Hiện tại	Chuyên viên kiểm soát tài chính	Công ty CP Quản lý Đầu tư Quốc tế	
11/2011- 07/2014	Chuyên viên kiểm soát nội bộ	Công ty CP Tập đoàn Quang Minh	
11/2009- 10/2011	Kế toán tổng hợp	CN Công ty CP ĐTPT Constrexim số 16 tại Hà Nội	

4. Các chức danh quản lý khác hiện đang nắm giữ (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên của công ty khác):

Chức danh	Ngày được bầu, bổ nhiệm	Tên tổ chức
Kiểm soát viên	30/06/2020	Công ty CP Sữa Đà Lạt

5. Lợi ích có liên quan tới công ty:

a. Có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần tại các tổ chức sau:

Tên tổ chức/ Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần	Thời điểm sở hữu

b. Người có liên quan cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

Tên người có liên quan	Tên tổ chức/ Mã số Doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần	Thời điểm sở hữu


6. Quan hệ gia đình:

Kê khai các mối quan hệ gia đình trực hệ: cha/mẹ ruột, cha/mẹ nuôi, vợ/chồng, Anh/chị/em ruột, con ruột, con nuôi:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc
1	Trần Văn Thắng	Bố ruột	13/05/1959	040164021841	Tự do	Nghệ An
2	Lê Thị Phương	Mẹ ruột	28/07/1964	040059000764	Tự do	Nghệ An
3	Trần Văn Thông	Em ruột	02/08/1998	187699291	Văn phòng	Hà Nội
4	Vũ Thị Hoà	Vợ	26/11/1991	187819609	Văn phòng	Hà Nội
5	Trần Nhật Hạnh	Con ruột	02/10/2015			
6	Trần Thanh Phúc	Con ruột	31/08/2019			

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người kê khai
(ký và ghi rõ họ tên)


Trần Văn Thuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2023

ĐƠN ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG
Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II (2023-2028)**Kính gửi : BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Chúng tôi là những cổ đông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng cùng nắm giữ 37.213.676 cổ phần, chiếm 47,2% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tại thời điểm chốt danh sách ngày 20/4/2023, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Cổ đông	Số CMND/ thẻ CCCD/ ĐKKD ngày cấp/ nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu/ tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty CP Cấp Thoát Nước Thủy Anh	0313064474	Lầu 5, Tòa nhà Pearl Plaza, số 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	12.502.601 cp/ 15,9%
2	Công ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại MESA	0100520429	Số 20 Bùi Thị Xuân, Phường Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	10.735.182 cp/ 13,6%
3	Trương Thị Mỹ An	079153002483	129/2 Bình Quới, P.27, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	13.975.893 cp/ 17,7%
			Tổng số cổ phần	37.213.676 cp
			Tỷ lệ nắm giữ	47,2%

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các điều kiện, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp, chúng tôi thấy có đủ điều kiện đề cử ứng cử viên làm thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng cho chúng tôi được đề cử ứng cử viên tham gia làm thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II để tiến hành bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 ngày 27/5/2023, như sau:

I. Đề cử ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị: gồm các ông, bà sau:

1. Ông: **PHAN ĐÌNH TÂN** sinh ngày 10 tháng 09 năm 1954

- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 052054005853 Ngày cấp: 22/12/2021

Nơi cấp: Cục CS QLHCVTTXH

- Địa chỉ thường trú: Số 27A Bàn Cờ, P.3, Q.3, TP.Hồ Chí Minh

- Trình độ chuyên môn: Đại học Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

- Số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hiện đang sở hữu hoặc đại diện sở hữu:

+ Hiện đang sở hữu:.....cổ phần;

+ Đại diện sở hữu: 10.735.182 cổ phần của cổ đông: Công ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại MESA

+ Tổng cộng là: 10.735.182 cổ phần (*bằng chữ*: Mười triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn một trăm tám mươi hai cổ phần)

2. Ông: **TRẦN QUỐC HÙNG** sinh ngày 17 tháng 04 năm 1972

- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 001072056868 Ngày cấp: 26/02/2022

Nơi cấp: Cục CS QLHCVTTXH

- Địa chỉ thường trú: 20B Nguyễn Thị Minh Khai, phường 1, TP. Đà Lạt. Lâm Đồng

- Trình độ chuyên môn: Đại học Chuyên ngành: Quản Trị Kinh Doanh

- Số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hiện đang sở hữu hoặc đại diện sở hữu:

+ Hiện đang sở hữu:.....cổ phần;

+ Đại diện sở hữu:.....cổ phần của cổ đông:

.....
+ Tổng cộng là:.....cổ phần (*bằng chữ*:.....)

3. Ông: **ĐỖ VĂN HẠ** sinh ngày 05 tháng 12 năm 1986

- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 034086012066 Ngày cấp: 21/12/2020

Nơi cấp Cục CS QLHCVTTXH

- Địa chỉ thường trú: 1/23B Ngô Đức Kế, P.7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

- Trình độ chuyên môn: Đại học Chuyên ngành: Cơ khí

- Số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hiện đang sở hữu hoặc đại diện sở hữu:

+ Hiện đang sở hữu:.....cổ phần;

+ Đại diện sở hữu: 13.975.893 cổ phần của cổ đông: Trương Thị Mỹ An

15:
ING
HIEN
VL
VG
S

313
CỘ
CỔ
P TH
THU
ANH

+ Tổng cộng là: 13.975.893 cổ phần (*bằng chữ*: Mười ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi ba cổ phần)

II. Đề cử ứng cử viên tham gia làm Kiểm soát viên: gồm các ông, bà sau:

1. Bà: **NGUYỄN THỊ MỸ VÂN** sinh ngày 12 tháng 08 năm 1981

- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 068181001043 Ngày cấp: 19/04/2021

Nơi cấp: Cục CS QLHCVTTXH

- Địa chỉ thường trú: 43 Nguyễn Công Trứ, Phường 8, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng

- Trình độ chuyên môn: Cao học Chuyên ngành: Tài chính Ngân hàng

- Số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hiện đang sở hữu hoặc đại diện sở hữu:

+ Hiện đang sở hữu: 1.200 cổ phần;

+ Đại diện sở hữu:.....cổ phần của cổ đông:

+ Tổng cộng là: 1.200 cổ phần (*bằng chữ*: Một nghìn hai trăm cổ phần)

2. Bà: **NGUYỄN THY PHƯƠNG** sinh ngày 16 tháng 10 năm 1989

- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 068189000353 Ngày cấp: 22/12/2021

Nơi cấp: Cục CS QLHCVTTXH

- Địa chỉ thường trú: 331/19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM

- Trình độ chuyên môn: Cao học Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp

- Số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hiện đang sở hữu hoặc đại diện sở hữu:

+ Hiện đang sở hữu:.....cổ phần;

+ Đại diện sở hữu: 12.502.601 cổ phần của cổ đông: Công ty CP Cấp Thoát Nước Thủy

Anh

+ Tổng cộng là: 12.502.601 cổ phần (*bằng chữ*: Mười hai triệu năm trăm lẻ hai nghìn sáu trăm lẻ một cổ phần)

Chúng tôi xin gửi kèm bản kê khai lý lịch, bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của các ứng cử viên, Bản cam kết thực hiện nhiệm vụ nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

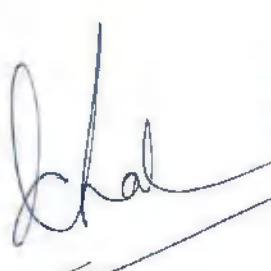

Đơn đề cử này thay cho biên bản họp nhóm cổ đông, gồm 03 trang.



Khi cần thiết đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng liên hệ với:

1. Bà Nguyễn Thy Phuong số điện thoại 0938.313.982 email: thyphuong@pacificdragon.vn

TỪNG CỔ ĐÔNG TRONG NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(cổ động là cá nhân ký, ghi rõ họ tên; cổ đông là tổ chức ghi rõ tên tổ chức, tên và chức vụ người đ/d theo pháp luật, ký tên và đóng dấu)



Dương Thị Duyên Hải



GIÁM ĐỐC
Lưu Thị Tuyết Hương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2023

ĐƠN ĐỀ CỬ

Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II (2023-2028)**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

Tên tổ chức: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH (SCIC)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập số: 0101992921

Ngày cấp: 11/03/2022, Nơi cấp: Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở chính: Số 117 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 04.38240703

Hiện đang sở hữu: 31.512.924 cổ phần phổ thông (bằng chữ: Ba mươi một triệu, năm trăm mười hai nghìn, chín trăm hai mươi bốn cổ phần)

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Quốc Huy, chức vụ: Tổng Giám đốc

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các điều kiện, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, chúng tôi thấy có đủ điều kiện đề cử ứng cử viên làm thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng cho chúng tôi được đề cử ứng cử viên tham gia làm thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II để tiến hành bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 ngày 27/5/2023, như sau:

I. Đề cử ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị: gồm các ông, bà sau:

1. Ông: Nguyễn Hùng Cường, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1966

- CCCD số: 068066000672 Ngày cấp: 19/4/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

- Địa chỉ thường trú: 03 Đồng Tâm, Phường 4, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp

- Số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hiện đang sở hữu hoặc đại diện sở hữu:

+ Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần;

+ Đại diện sở hữu: 22.059.047 cổ phần của cổ đông: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH

+ Tổng cộng là: 22.059.047 cổ phần (bằng chữ: Hai mươi hai triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi bảy cổ phần)

2. Ông: Nguyễn Văn Dũng, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1968

- CMND số: 250291832 Ngày cấp: 23/9/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Lâm Đồng



- Địa chỉ thường trú: 1A/2/10 Nguyễn Trãi, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Chuyên ngành: Tài chính kế toán các doanh nghiệp
- Số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hiện đang sở hữu hoặc đại diện sở hữu:
 - + Hiện đang sở hữu: 3.600 cổ phần;
 - + Đại diện sở hữu: 9.453.877 cổ phần của cổ đông: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH
 - + Tổng cộng là: 9.457.477 cổ phần (*bằng chữ: Chín triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi bảy cổ phần*)

II. Đề cử ứng cử viên tham gia làm Kiểm soát viên: gồm các ông, bà sau:

- Ông: Phạm Văn Khoa, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1975
 - CCCD số: 048075007786 Ngày cấp: 09/05/2021
 - Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
 - Địa chỉ thường trú: K27/11 Ngô Gia Tự, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh
 - Số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hiện đang sở hữu hoặc đại diện sở hữu:
 - + Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần;
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần của cổ đông: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH
 - + Tổng cộng là: 0 cổ phần (*bằng chữ: Không cổ phần*)

Chúng tôi xin gửi kèm bản kê khai lý lịch, bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của các ứng cử viên, Bản cam kết thực hiện nhiệm vụ nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

Trân trọng cảm ơn!

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Huy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 5 năm 2023



ĐƠN ĐỀ CỬ

Ứng cử viên Kiểm soát viên

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II (2023-2028)

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

Tên tổ chức: Công ty CP Golden Stream

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập số: 5801291906

ngày cấp: 15/12/2021 - Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ trụ sở chính: Số 11A Cô Giang, phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Số điện thoại liên lạc:.....

Hiện đang sở hữu: 9.000.000 cổ phần phổ thông (bằng chữ: Chín triệu cổ phần)

Người đại diện theo pháp luật: Lê Quang Anh - chức vụ: Tổng Giám đốc

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các điều kiện, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp, chúng tôi thấy có đủ điều kiện đề cử ứng cử viên làm thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng cho chúng tôi được đề cử ứng cử viên tham gia làm thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ II để tiến hành bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 ngày 27/5/2023, như sau:

I. Đề cử ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị: Không đề cử.**II. Đề cử ứng cử viên tham gia làm Kiểm soát viên:**

Ông (Bà): Trần Văn Thuận - sinh ngày 16 tháng 04 năm 1987.

- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 186 280 827 Ngày cấp: 19/08/2009 - Nơi cấp: Nghệ An

- Địa chỉ thường trú: P703A, Chung cư ngõ 79 phố Thanh Đàm, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành: Kế toán

- Số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hiện đang sở hữu hoặc đại diện sở hữu:

+ Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần;

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần của cổ đông: Công ty CP Golden Stream

+ Tổng cộng là: 0 cổ phần (bằng chữ: Không cổ phần)

Chúng tôi xin gửi kèm bản kê khai lý lịch, bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của các ứng cử viên, Bản cam kết thực hiện nhiệm vụ nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CP GOLDEN STREAM

HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

LÊ QUANG ANH